

Ngày 28, 29 và 30 tháng 10 năm 2002

NHÀ PHÁP LUẬT VIỆT – PHÁP

KỶ YẾU HỘI THẢO

BỘ LUẬT DÂN SỰ (SỬA ĐỔI)

Với sự tham gia của các báo cáo viên:

- **Ông Pierre Bezard** - Chánh tòa danh dự, Tòa Thương mại, Tòa Phá án Pháp
- **Ông Alain Lacabarats** - Chánh tòa, Tòa Phúc thẩm Paris

Kỷ yếu này ghi lại toàn văn nội dung hội thảo làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho các cơ quan và chuyên gia pháp luật của Việt Nam tham gia hội thảo.

Nhà Pháp luật Việt - Pháp

Ông Nguyễn Văn Bình

Xin kính chào các quý vị đến tham dự cuộc tọa đàm trao đổi về Bộ luật dân sự sửa đổi.

Theo chương trình hoạt động năm 2002 của Nhà Pháp luật Việt-Pháp, hôm nay, Ban Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp phối hợp với lãnh đạo Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế Bộ Tư pháp, Ban soạn thảo Bộ luật dân sự sửa đổi và các chuyên gia đến từ Cộng hòa Pháp, tổ chức cuộc tọa đàm trao đổi về Bộ luật dân sự sửa đổi của Việt Nam.

Thay mặt Ban giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp và Ban tổ chức tọa đàm, chúng tôi xin nhiệt liệt chào mừng hai vị chuyên gia cao cấp của Cộng hòa Pháp trong lĩnh vực dân sự. Tôi xin trân trọng giới thiệu ngài Pierre Bézard, Chánh tòa danh dự Tòa thương mại Tòa phá án Pháp, người mà nhiều chuyên gia pháp luật dân sự Việt Nam có mặt tại đây ngày hôm nay đã quen biết từ nhiều năm về trước vì ông Bézard đã tham gia ngay từ đầu vào quá trình soạn thảo Bộ luật dân sự hiện hành của Việt Nam. Cùng tham dự cuộc tọa đàm này về phía Pháp, còn có một chuyên gia cũng rất có kinh nghiệm nhưng mới tham gia vào quá trình này, đó là ông Alain Lacabarats, Chánh tòa Tòa phúc thẩm Paris.

Về phía các cơ quan của Việt Nam, chắc là ông Pierre Bézard đã nhận ra nhiều gương mặt quen thuộc. Tôi xin giới thiệu các chuyên gia đang tham gia vào quá trình nghiên cứu, chuẩn bị cho việc sửa đổi Bộ luật dân sự Việt Nam. Tôi xin phép không được giới thiệu đầy đủ thành phần đại biểu Việt Nam tham dự tọa đàm, nhưng xin trân trọng giới thiệu đại diện cho Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, có ông Đinh Trung Tụng, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế Bộ Tư pháp. Tôi cũng rất vui mừng được giới thiệu ông Phó Chánh án Tòa án tối cao của nước bạn Lào tham dự tọa đàm. Tiếp nối chương trình, tôi xin kính mời ông Đinh Trung Tụng thay mặt Ban soạn thảo và Tổ biên tập phát biểu có tính chất gợi mở những vấn đề cần chuyên gia và các quý vị trao đổi, góp ý trong những ngày tọa đàm này.

Ông Đinh Trung Tụng

Xin cảm ơn ông Nguyễn Văn Bình, Giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp,

Kính thưa ngài Pierre Bézard, Chánh tòa danh dự Tòa thương mại Tòa phá án nước

Cộng hòa Pháp,

Kính thưa ngài Lacabarats, Chánh tòa Tòa phúc thẩm Paris,

Kính thưa các vị trong Ban giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp, ông Nguyễn Văn Bình

và ông Joel Sollier,

Kính thưa ông Phó Chánh án nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào,

Kính thưa toàn thể quý vị đại biểu,

Như ông Nguyễn Văn Bình đã nói, trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ Tư pháp và Nhà Pháp luật Việt-Pháp, có một nội dung rất quan trọng là Nhà Pháp luật hỗ trợ việc sửa đổi Bộ luật dân sự Việt Nam. Chúng ta biết rằng Bộ luật dân sự Việt Nam được Quốc hội nước Cộng

hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995. Hội thảo này của chúng ta cũng được mở đầu vào ngày 28 tháng 10, tôi nghĩ rằng sự trùng hợp về mặt thời gian này có ý nghĩa rất lớn. Bộ luật dân sự Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1996. Việc ban hành Bộ luật dân sự có ý nghĩa rất quan trọng kể cả về mặt chính trị, lập pháp và thực thi pháp luật. Đó được coi là một trong những sự kiện lớn nhất trong năm 1995, nhất là trong hoạt động lập pháp của Việt Nam. Quốc hội đánh giá Bộ luật dân sự có vị trí quan trọng chỉ sau Hiến pháp, có nhiệm vụ điều chỉnh các quan hệ xã hội rất rộng lớn, gắn liền với mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng và toàn xã hội. Với khối lượng 838 điều, Bộ luật dân sự cũng là bộ luật có số điều lớn nhất trong hệ thống các đạo luật của Việt Nam.

Kể từ khi được thông qua, về cơ bản, Bộ luật dân sự đã đi vào cuộc sống. Trước hết, nó hướng dẫn cách xử sự cho người dân trong giao lưu dân sự, để người dân biết họ có những quyền và nghĩa vụ gì và cần phải ứng xử như thế nào theo quy định của Bộ luật dân sự. Qua đó, Bộ luật dân sự tạo ra một môi trường thuận lợi để người dân tham gia vào các giao lưu dân sự trong quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản. Bộ luật dân sự chính là cơ sở pháp lý quan trọng để người dân noi theo.

Bên cạnh đó, Bộ luật dân sự cũng là cơ sở pháp lý mang tính bắt buộc đối với các cá nhân và tổ chức khi tham gia giao lưu dân sự; nếu không thực hiện các quyền và nghĩa vụ thì phải chịu các chế tài. Do đó, Bộ luật dân sự là cơ sở để tòa án giải quyết tranh chấp. Trong những năm vừa qua, Bộ luật dân sự được coi là công cụ pháp lý quan trọng để tòa án căn cứ vào đó để giải quyết các tranh chấp về dân sự. Bên cạnh đó, đối với các tranh chấp khác liên quan đến kinh tế, thương mại, cũng phải quay trở lại vận dụng các nguyên tắc của Bộ luật dân sự trong trường hợp các luật chuyên ngành không có quy định cụ thể.

Tóm lại, chúng tôi thấy rằng trong thời gian vừa qua, Bộ luật dân sự đã góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh về mặt pháp luật các quan hệ dân sự, tạo cơ sở pháp lý để tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh. Tuy nhiên, qua 7 năm thực hiện, chúng tôi cũng nhận thấy Bộ luật dân sự bộc lộ một số hạn chế nhất định, chưa phúc đáp được đầy đủ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã giao cho Bộ Tư pháp chủ trì với các cơ quan, ban ngành đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam, có sự tài trợ của cộng đồng quốc tế, trong đó có sự hỗ trợ rất tích cực của Pháp, Nhà Pháp luật Việt-Pháp, Nhật Bản, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới và một số tổ chức quốc tế khác. Dự án này đã xác định được một bức tranh toàn cảnh về hệ thống pháp luật của Việt Nam, cũng như các nhu cầu cần phải hoàn thiện, phát triển hệ thống pháp luật của Việt Nam trong thời gian tới. Đây là một công trình khoa học lớn và có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở về mặt khoa học và thực tiễn để tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá nhu cầu phát triển hệ thống pháp luật, Chính phủ cũng đã giao cho Bộ Tư pháp chuẩn bị chiến lược phát triển hệ thống pháp luật 10 năm. Cho đến nay, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan hữu quan, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Pháp, Nhật Bản và các nhà tài trợ quốc tế khác, đã xây dựng được một dự thảo chiến lược và cách đây ít ngày, đã đưa dự thảo này ra lấy ý kiến rộng rãi tại các hội nghị, hội thảo. Kể cả dự án đánh giá nhu cầu phát

triển pháp luật cũng như dự thảo chiến lược nói trên đều xác định việc sửa đổi Bộ luật dân sự trong thời gian tới là một việc làm rất cần thiết và cấp bách, bởi vì thực tiễn trong những năm vừa qua cho thấy còn có nhiều vấn đề cần phải xem xét để sửa đổi, bổ sung. Trong cuộc tọa đàm này, tôi chỉ xin nêu một số vấn đề lớn có tính chất gợi mở, và những vướng mắc, khó khăn hiện nay cho thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Bộ luật dân sự.

Trước hết, liên quan đến vai trò, vị trí của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật, có thể nói rằng hệ thống pháp luật Việt Nam gồm rất nhiều đạo luật thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó có những lĩnh vực rất gần gũi nhau, điều chỉnh các mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng, thỏa thuận, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể, kể cả trong các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân, đó là các lĩnh vực dân sự, thương mại, kinh tế, lao động, hôn nhân gia đình... Theo tôi biết, một số nước xác định đây là các lĩnh vực tư và bên cạnh lĩnh vực tư, có lĩnh vực công là quan hệ hành chính giữa Nhà nước và công dân. Trong những năm vừa qua thực hiện Bộ luật dân sự, chúng tôi thấy có một khó khăn đặt ra, đó là mặc dù Việt Nam đã xác định được tầm quan trọng của Bộ luật dân sự nhưng chưa xác định được rõ vị trí của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật. Trong thực tiễn xét xử, tòa án phải giải quyết các tranh chấp về thương mại, kinh tế nhưng có những trường hợp, bản thân các đạo luật liên quan đến thương mại, kinh tế chưa có quy định cụ thể. Trong trường hợp này, đặt ra vấn đề là có quay trở lại áp dụng tương tự các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật dân sự hay không, liên quan đến vấn đề sở hữu, hợp đồng, trách nhiệm ngoài hợp đồng vv... Có ý kiến đề nghị nên quay trở lại áp dụng các nguyên tắc của Bộ luật dân sự để giải quyết các vụ việc đó, nhưng cũng có ý kiến đề nghị tòa kinh tế chỉ áp dụng Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế chứ không áp dụng Bộ luật dân sự vì Bộ luật dân sự do tòa dân sự áp dụng. Tương tự như vậy, chúng ta đã có Luật thương mại nhưng khi có tranh chấp xảy ra, tòa nào giải quyết, tòa dân sự hay tòa kinh tế? Về mặt lập pháp, vấn đề này chưa được quy định rõ ràng nhưng có hướng dẫn là các tranh chấp thương mại được đưa ra tòa kinh tế giải quyết. Do đó, vị trí của Bộ luật dân sự chưa được xác định rõ mặc dù chúng ta đều thống nhất với nhau về tầm quan trọng của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật. Vấn đề này đang được đặt ra về mặt lý luận, khoa học, lập pháp cũng như thực tiễn. Nên chăng cần khẳng định vị trí của Bộ luật dân sự trong chính Bộ luật này hay trong các đạo luật của Việt Nam? Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển như Pháp, Nhật Bản và một số nước khác, nhất là các nước có hệ thống pháp luật được xây dựng trên cơ sở luật châu Âu lục địa hay còn gọi là luật civil law, vấn đề này đã được xác định rất rõ. Tôi đề nghị các quý vị đại biểu và đặc biệt là các chuyên gia trình bày các cơ sở lý luận và thực tiễn để xác định vị trí của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật.

Vấn đề lớn thứ hai liên quan đến phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Bộ luật dân sự. Hiện nay, thực tiễn áp dụng 7 phần của Bộ luật dân sự cho thấy một số vướng mắc. Ví dụ, liên quan đến phần 6 về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, Bộ luật dân sự chỉ đưa ra những quy định chung nhất để trên cơ sở đó, Chính phủ và các bộ, ngành ban hành các văn bản hướng dẫn với số lượng điều lớn gấp nhiều lần so với các quy định trong Bộ luật dân sự. Cùng với sự phát triển của lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở ký một loạt các hiệp định thương mại song phương, đặc biệt là Hiệp định thương mại Việt - Mỹ và sắp tới, sẽ gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và tham gia một số công ước liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, một lĩnh vực

rất động và phát triển hàng ngày, thực tiễn cho thấy nhiều quy định của Bộ luật dân sự về quyền tác giả cũng như quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ đã trở nên lạc hậu so với bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay. Do đó, có ý kiến đề nghị phần về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ phải được đưa ra khỏi Bộ luật dân sự để Nhà nước xây dựng một đạo luật riêng, quy định đầy đủ hơn không chỉ về các quyền dân sự của chủ thể mà cả các quan hệ có tính hành chính về trình tự, thủ tục xin phép, cấp phép, xác nhận vv... như một số nước đã thực hiện, vì đây là một lĩnh vực phát triển hết sức nhanh chóng. Cũng có ý kiến đề nghị rằng vì đây là các quy định liên quan đến quyền dân sự của chủ thể như quyền tự do sáng tạo nên phải được quy định trong Bộ luật dân sự. Do đó, chúng tôi xin nêu vấn đề này để các quý vị và chuyên gia trao đổi, thảo luận.

Vấn đề quyền sử dụng đất được quy định tại phần 5 Bộ luật dân sự. Việt Nam xác định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý và Nhà nước giao đất, cho các cá nhân, tổ chức thuê đất. Các chủ thể được giao đất có 5 quyền: quyền chuyển nhượng, quyền chuyển đổi, quyền cho thuê, quyền để lại thừa kế, quyền thế chấp. Gần đây, Nhà nước bổ sung thêm hai quyền nữa, đó là quyền góp vốn trong kinh doanh bằng quyền sử dụng đất và quyền cho thuê lại đất. Bộ luật dân sự xác định quyền sử dụng đất cũng là một loại tài sản trong giao lưu dân sự. Nhà nước chủ trương phát triển thị trường bất động sản, do đó vấn đề quyền sử dụng đất liên quan đến bất động sản cũng là một vấn đề rất quan trọng. Nhưng đây cũng là một lĩnh vực rất phát triển mà các quy định của Bộ luật dân sự chưa đáp ứng được. Một số quy định hiện hành của Luật đất đai, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ liên quan đến quyền sử dụng đất, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của Bộ luật dân sự và do vậy, các quy định của Bộ luật dân sự đã trở thành lạc hậu. Vì thế, có ý kiến đề nghị nên đưa các quy định về quyền sử dụng đất ra khỏi Bộ luật dân sự và nên tập trung vào trong Luật đất đai, vì đây là một lĩnh vực động nên nếu để trong Bộ luật dân sự trong khi Bộ luật dân sự chưa kịp sửa đổi, trong khi các văn bản khác liên quan đến quyền sử dụng đất đã có quy định mới hoặc quy định sửa đổi, bổ sung, thì sẽ không bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của các quy định pháp luật. Cũng có ý kiến cho rằng quyền sử dụng đất là một quyền dân sự quan trọng nên phải được quy định trong Bộ luật dân sự và nếu các quy định trong Bộ luật dân sự chưa đầy đủ thì phải được bổ sung.

Ngoài ra, trong phần quy định chung của Bộ luật dân sự, có chế định về quyền nhân thân của cá nhân. Đây là một quyền hết sức quan trọng đã được thừa nhận trong Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, phát sinh một số quan hệ mới liên quan đến cá nhân, vậy có nên bổ sung trong Bộ luật dân sự hay không? Ví dụ: vấn đề thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ, là những vấn đề đã được báo chí nói đến nhiều trong thời gian gần đây; vấn đề chuyển đổi giới tính là trường hợp một số người do sự phát triển tâm sinh lý không bình thường nên muốn chuyển giới tính từ nam thành nữ hoặc từ nữ thành nam; vấn đề hiến ghép bộ phận cơ thể người theo hướng sẽ xây dựng các ngân hàng mô. Thành tựu y học của Việt Nam đã cho phép ghép thành công một số ca thận và hiện nay, vấn đề cho thận, ghép thận đang được đặt ra nhưng về mặt pháp lý, chưa có quy định nào điều chỉnh. Do đó, đặt ra yêu cầu phải có các quy định pháp luật để điều chỉnh vấn đề cho tặng, ghép các bộ phận cơ thể người. Chúng tôi cho rằng những vấn đề này liên quan đến quyền nhân thân của cá nhân, vậy có nên quy định trong Bộ luật dân sự với

tư cách là các quyền dân sự không vì trong Bộ luật dân sự hiện hành, chưa có quy định cụ thể về những vấn đề này.

Trong phần chung của Bộ luật dân sự, có các quy định về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự. Bộ luật dân sự Việt Nam quy định chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, pháp nhân, đây là 4 loại chủ thể phổ biến trong các quan hệ dân sự. Nhưng thực tiễn thực thi Bộ luật dân sự cho thấy hai loại chủ thể là hộ gia đình và tổ hợp tác thường rất ít được vận dụng, nhất là trong thực tiễn xét xử. Qua khảo sát, điều tra xã hội học vừa rồi với sự hỗ trợ của Nhật Bản, cho thấy địa vị pháp lý của hộ gia đình và tổ hợp tác được quy định trong Bộ luật dân sự chưa rõ nên trong thực tế, việc vận dụng gặp rất nhiều khó khăn, thường gây nhầm lẫn với các chủ thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Đây là một điểm đặc biệt trong Bộ luật dân sự của Việt Nam vì Bộ luật dân sự của một số nước khác không quy định về chủ thể là hộ gia đình và tổ hợp tác. Do đó, có ý kiến đề nghị nghiên cứu để đưa hai loại chủ thể này ra khỏi Bộ luật dân sự và chỉ quy định hai loại chủ thể cơ bản là cá nhân và pháp nhân, còn hộ gia đình, tổ hợp tác nếu có tư cách pháp nhân thì chuyển sang thành pháp nhân, nếu không thì giải quyết với tư cách chủ thể là cá nhân.

Vấn đề quyền sở hữu cũng là một vấn đề quan trọng trong Bộ luật dân sự và trong thực tế, nhìn chung, các quy định về quyền sở hữu của Bộ luật đã đáp ứng được các yêu cầu áp dụng pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến việc giải quyết các mối quan hệ láng giềng trong phần các quy định khác về quyền sở hữu (ở các nước khác, gọi là các quy định về địa dịch). Tuy nhiên, có một vấn đề đặt ra liên quan đến quyền chiếm hữu. Bộ luật dân sự có quy định về quyền chiếm hữu của chủ sở hữu và quyền chiếm hữu của người không phải là chủ sở hữu. Có ý kiến cho rằng các quy định này chưa đáp ứng được thực tiễn, mới chỉ ở trạng thái tĩnh, nhất là các quy định liên quan đến quyền của người không phải là chủ sở hữu đối với một tài sản trong việc chiếm hữu, sử dụng tài sản đó; do vậy, nên tách quyền chiếm hữu ra khỏi nội dung của quyền sở hữu và xác định đó như một quyền riêng. Quyền sở hữu được hiểu là quyền sử dụng, hưởng lợi và định đoạt tài sản của chủ sở hữu, còn quyền chiếm hữu là một quyền riêng, vừa thuộc về chủ sở hữu, vừa thuộc về người không phải là chủ sở hữu. Chúng tôi được biết Bộ luật dân sự của Pháp quy định khá rõ về việc chiếm hữu tài sản. Vậy, đề nghị các chuyên gia cho ý kiến về vấn đề này.

Liên quan đến phần nghĩa vụ dân sự và hợp đồng, có một vấn đề mà Việt Nam cũng đang gặp khó khăn trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng dân sự, Pháp lệnh hợp đồng kinh tế về hợp đồng kinh tế, Luật thương mại về các hành vi thương mại. Hiện nay, còn nhiều ý kiến liên quan đến 3 loại hợp đồng này, hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại và thực tiễn xét xử cho thấy có không ít những trường hợp không phân biệt được hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế; từ đó nảy sinh tranh chấp về thẩm quyền giữa tòa dân sự và tòa kinh tế. Chúng tôi cho rằng vấn đề hợp đồng cũng cần được nghiên cứu kỹ để bổ sung theo hướng như thế nào đó để không chỉ bảo đảm thống nhất về mặt pháp luật mà còn là cơ sở để áp dụng pháp luật được thuận lợi, dễ dàng, nhất là khi giải quyết tranh chấp, tránh xung đột về mặt thẩm quyền giữa các tòa án.

Vấn đề trách nhiệm dân sự cũng nhận được một sự quan tâm rất lớn, nhất là trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng bao gồm bồi thường thiệt hại về vật chất và bồi thường thiệt hại về tinh thần. Liên quan đến bồi thường thiệt hại về tinh thần, cho đến nay, pháp luật Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể. Bồi thường thiệt hại về tinh thần bao gồm những vấn đề gì? Mức độ bồi thường là bao nhiêu? Cơ sở nào để xác định mức bồi thường? Tòa án tối cao có hướng dẫn là trong trường hợp một người bị chết và cần phải được bồi thường về tính mạng thì các tòa án có thể vận dụng mức bồi thường từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng. Quy định này có phù hợp không? Các loại bồi thường về tinh thần khác cũng chưa có hướng dẫn cụ thể. Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường, do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vv... cũng là những vấn đề cần trao đổi, làm rõ hơn.

Nói tóm lại, trong Bộ luật dân sự, có những điều cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. 838 điều luật không còn là ít đối với một bộ luật điều chỉnh các quan hệ rộng lớn như vậy. Hướng của Quốc hội Việt Nam là xây dựng các đạo luật với các quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng và có thể áp dụng được ngay, tránh tình trạng phải chờ nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ, ngành hướng dẫn thi hành luật, tạo thói quen cho người dân chỉ trông chờ vào các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành và vô hình chung, làm vô hiệu hoá các đạo luật đã được Quốc hội thông qua. Do đó, tinh thần của Bộ luật dân sự sửa đổi sẽ đi theo hướng là quy định cụ thể hơn nữa.

Về cách thức làm việc, tôi đề nghị trong ngày hôm nay, các chuyên gia tập trung trình bày về những vấn đề chung của Bộ luật dân sự như vai trò, vị trí của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật, phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Bộ luật dân sự, và nếu còn thời gian, sẽ đề cập đến các quyền dân sự của cá nhân. Những ngày tiếp theo, chúng ta sẽ tập trung vào những chế định lớn của Bộ luật dân sự mà chúng tôi đã nêu.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn ông Pierre Bézard, ông Alain Lacabarat, Ban giám đốc Nhà Pháp luật Việt-Pháp và toàn thể quý vị đại biểu đã tới tham dự cuộc tọa đàm trao đổi về Bộ luật dân sự. Mong muốn của chúng tôi cũng như của Chính phủ và Quốc hội Việt Nam là trong Quốc hội khoá XI này, sẽ tập trung vào pháp điển hoá một số lĩnh vực, trong đó việc sửa đổi Bộ luật dân sự được đặt ra như một nhiệm vụ rất quan trọng. Việc sửa đổi Bộ luật dân sự đã được Chính phủ chính thức đề nghị với Quốc hội và Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã nhất trí đưa Bộ luật dân sự sửa đổi vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khoá XI 2002-2007. Chúng ta hy vọng rằng với sự nỗ lực của phía Việt Nam và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, trong đó có Nhật Bản, Pháp, việc sửa đổi Bộ luật dân sự sẽ đạt được kết quả mong muốn và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay cũng như trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Xin cảm ơn quý vị!

VAI TRÒ, VỊ TRÍ CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Ông Pierre Bézard

Thưa ông Vụ trưởng,

Thưa các ông trong Ban Giám đốc Nhà pháp luật Việt-pháp,

Thưa toàn thể quý vị,

Tôi sẽ là người trình bày đầu tiên, có lẽ vì tôi biết về Nhà pháp luật Việt-Pháp nhiều hơn ông Lacabarats, và một phần nữa có lẽ cũng vì tôi là người nhiều tuổi hơn. Chúng tôi hết sức vui mừng được làm việc cùng với quý vị trong cuộc tọa đàm này. Đây là lần đầu tiên ông Lacabarats đến Hà Nội và làm việc với Nhà pháp luật Việt-Pháp, nhưng với tôi thì đây chỉ là một trong những lần trở lại vì từ hơn 10 năm nay, tôi đã biết nơi này, đã được làm việc nhiều lần với ông Bình, ông Tụng nhưng phải nói rằng, lần nào tôi cũng rất vui được gặp lại họ, đặc biệt là ông Tụng, người mà tôi đã có dịp gặp gỡ và làm việc trong quá trình xây dựng Bộ luật dân sự của Việt Nam. Đây là một bộ luật có chất lượng tốt mặc dù hiện nay, phải xem xét lại một số quy định của Bộ luật như ông Tụng đã trình bày, vì tình hình thực tế đã có nhiều thay đổi, đặt ra những khó khăn về mặt thực tiễn trong quá trình áp dụng cần phải giải quyết.

Chúng tôi ghi nhận các vấn đề chung của Bộ luật dân sự mà ông Tụng đã nêu, trong đó vấn đề đầu tiên là xác định vị trí của Bộ luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam và sự thống nhất của Bộ luật dân sự với các văn bản pháp luật khác. Về vấn đề này, tôi chưa trao đổi ý kiến với ông Lacabarats nên chắc chắn là mỗi chúng tôi sẽ trình bày với quý vị quan điểm riêng của mình, nhưng tôi nghĩ rằng quan điểm của chúng ta, các luật gia có mặt tại đây, cũng không khác xa nhau lắm vì chúng ta cùng được đào tạo từ các trường đại học luật và có nhiệm vụ thực thi một hệ thống pháp luật như nhau. Tuy vậy, sẽ có những điểm mà chúng tôi có thể có ý kiến khác nhau nhưng điều đó sẽ góp phần làm cho cuộc trao đổi, thảo luận của chúng ta phong phú hơn.

Liên quan đến vị trí của Bộ luật dân sự, ông Tụng có nói đến một số nước châu Âu xác định Bộ luật dân sự giữ một vị trí hết sức quan trọng. Tôi cho rằng nhận xét này của ông hoàn toàn chính xác. Bộ luật dân sự không chỉ bao gồm các quy định cụ thể mà còn phải được nhìn nhận như một bản "hiến pháp" trong hệ thống luật tư. Nó thể hiện suy nghĩ và bản sắc của một dân tộc. Chính trong Bộ luật dân sự, chúng ta có thể tìm thấy các nguyên tắc cho phép xác định thực trạng nền văn hóa, văn minh của một dân tộc, cũng như các nguyên tắc cơ bản mà dân tộc đó phải tuân theo. Riêng cá nhân tôi nghĩ rằng Bộ luật dân sự là một bộ luật cơ bản và có thể gọi là văn bản cao nhất điều chỉnh lĩnh vực tư.

Là một văn bản mà Nhà nước quy chiếu đến để ban hành pháp luật và thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc nên chắc chắn, Bộ luật dân sự phải bao gồm các nguyên tắc chung trong tất cả các lĩnh vực như quyền nhân thân, quan hệ gia đình, quan hệ láng giềng vv... Theo tôi, Bộ luật dân sự phải quy định các nguyên tắc chung này. Điều đó không có nghĩa là không được phép dẫn chiếu đến các quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật khác. Tuy nhiên, đối với một người nước ngoài muốn biết thực trạng phát triển của một đất nước thì phải nghiên cứu các quy định trong Bộ luật dân sự của nước đó. Tôi cho rằng Bộ luật dân sự không nên quy định quá chi tiết. Tôi chưa muốn đề cập đến vấn đề đạo đức sinh học, quyền sở hữu trí tuệ vv... nhưng theo tôi, Bộ luật dân sự không nên quy định quá chi tiết, ví dụ liên quan đến vấn đề quyền sở hữu bất động sản hay quyền sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam, mà nên đưa ra các nguyên tắc cơ bản, vì nếu quy định quá chi tiết thì sẽ làm giảm chất lượng, uy tín của bộ luật và càng đưa ra nhiều quy định thì càng đặt ra nhiều khó khăn. Nói tóm lại, theo quan điểm của tôi, Bộ luật dân sự phải

bao gồm các nguyên tắc cơ bản, không chỉ là các nguyên tắc hướng dẫn cách xử sự của người dân mà kể cả các nguyên tắc mà Nhà nước phải quy chiếu đến để giải quyết tất cả các vấn đề đặt ra; đồng thời, Bộ luật dân sự có thể quy định dẫn chiếu đến các văn bản hướng dẫn thi hành chi tiết. Không được loại trừ bất cứ vấn đề nào trong Bộ luật dân sự nhưng cũng không được quy định bất cứ vấn đề nào một cách chi tiết, ngoại trừ vấn đề quyền của nhân thân vì đây là một vấn đề rất đặc biệt.

Vấn đề quan trọng thứ hai mà ông Vụ trưởng đã nêu là mối quan hệ giữa Bộ luật dân sự với các văn bản pháp luật khác như Luật thương mại, Pháp lệnh hợp đồng kinh tế. Đây là một vấn đề hết sức cơ bản vì nếu các bạn không đưa ra các quy định rõ ràng cho những người thực thi pháp luật, đặc biệt là các thẩm phán chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp thì các bạn đã vi phạm một nghĩa vụ cơ bản của nhà làm luật, đó là phải xác định ngay từ đầu các văn bản được áp dụng để giải quyết vấn đề đặt ra và các nghĩa vụ mà người dân buộc phải tuân theo. Nếu người dân Việt Nam đứng trước 3 văn bản và không biết là văn bản nào được áp dụng thì đây là một bất cập cơ bản cần phải được khắc phục. Ở Pháp, chúng tôi cũng gặp phải vấn đề xác định ranh giới giữa các ngành luật nhưng ở mức độ nhẹ hơn vì như các bạn biết, chúng tôi có luật thương mại, luật hành chính và luật tư (luật dân sự). Chúng tôi có hai hệ thống tòa án riêng biệt trong lĩnh vực hành chính và lĩnh vực tư pháp. Liên quan đến các tranh chấp kinh tế, khi được đưa ra xét xử sơ thẩm thì thuộc thẩm quyền của các tòa án chuyên trách mà chúng tôi gọi là Tòa án thương mại sơ thẩm, nhưng ở cấp cao hơn thì do tòa phúc thẩm và tòa tối cao giải quyết theo một trật tự có sự kiểm soát nhất định. Như vậy, vấn đề xác định ranh giới giữa luật hành chính và luật dân sự có thể đặt ra nhưng phải nói rằng vấn đề này ở Pháp chỉ là vấn đề nhỏ vì chúng tôi có các quy định rõ ràng về tiêu chí phân biệt hai ngành luật này. Liên quan đến mối quan hệ giữa luật thương mại và luật dân sự, tôi nghĩ rằng trong Luật thương mại Việt Nam, cũng đã quy định các tiêu chí của hành vi thương mại. Trên cơ sở đó, các bạn có thể phân biệt một cách tương đối cụ thể các lĩnh vực thuộc luật dân sự và các lĩnh vực thuộc luật thương mại. Một điểm mà tôi muốn nhấn mạnh lại ở đây là sự phân biệt này phải thật rõ ràng nhưng Bộ luật dân sự vẫn là bộ luật cơ bản. Ví dụ ở Pháp, các quy định về nghĩa vụ, ngay cả khi do tòa kinh tế hay tòa thương mại áp dụng thì vẫn là các nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật dân sự. Có thể có các loại hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại nhưng luôn phải quy chiếu đến Bộ luật dân sự. Ở Pháp, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, xuất hiện ngày càng nhiều các tổ chức kinh tế, các cơ quan kiểm soát về kinh tế, các tổ chức kinh tế này đều thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án tư pháp và khi tòa án tư pháp thụ lý vụ kiện thì phải căn cứ vào các quy định của pháp luật, các quy định về nghĩa vụ mà phần lớn các quy định này nằm trong Bộ luật dân sự.

Tóm lại, theo quan điểm của tôi, Bộ luật dân sự là văn bản cao nhất mà chúng ta phải quy chiếu đến, Bộ luật dân sự quy định các nguyên tắc chung chứ không quy định chi tiết, cụ thể và tất cả các thẩm phán, dù là thẩm phán kinh tế, dân sự hay hành chính, đều phải căn cứ vào Bộ luật dân sự để xét xử; trong trường hợp các luật chuyên ngành không có quy định về một vấn đề nào đó thì phải áp dụng Bộ luật dân sự với tính chất là một bộ luật có tính nguyên tắc điều chỉnh mọi mối quan hệ giữa con người với nhau.

Ông Alain Lacabarats

Trước hết, tôi xin cảm ơn Ban tổ chức đã tạo điều kiện cho tôi tham gia cuộc tọa đàm này. Tôi rất vinh dự là một thẩm phán Pháp được mời trao đổi, đóng góp ý kiến về một bộ luật có tầm quan trọng như thế này.

Tôi hoàn toàn đồng ý với các ý kiến vừa rồi của ông Bézard. Tôi chỉ muốn bổ sung một số nhận xét như sau. Theo quan điểm của tôi, pháp luật phải rõ ràng và đơn giản. Nhưng phải nói ngay rằng pháp luật Pháp cũng chưa đạt được điều đó đâu. Đáng tiếc là trong tất cả mọi lĩnh vực pháp luật dân sự, kinh tế, hình sự của Pháp, chúng tôi nhận thấy các quy định hiện nay còn quá phức tạp, làm giảm hiệu quả của pháp luật. Pháp luật phải rõ ràng và đơn giản, trước hết là để đảm bảo hiệu quả của pháp luật và sau nữa, là để mỗi người dân có thể hiểu một cách cụ thể các quyền và nghĩa vụ của mình. Từ đó, tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến cho rằng một bộ luật như Bộ luật dân sự phải là một tuyển tập các nguyên tắc chung. Theo tôi, để Bộ luật dân sự có chất lượng thì phải quy định các vấn đề liên quan đến nhân thân và tài sản. Tôi nhận thấy rằng Bộ luật dân sự của Việt Nam đã có quy định về các vấn đề này, trong khi đó Bộ luật dân sự của một số nước khác quy định những vấn đề không hề liên quan đến luật dân sự với tính chất là pháp luật về nhân thân và tài sản. Chính vì thế, tôi nghĩ rằng nếu Bộ luật dân sự quy định các vấn đề về nhân thân và tài sản thì đã là một bộ luật có chất lượng.

Bộ luật dân sự phải quy định các nguyên tắc cơ bản và điều đó không loại trừ việc ban hành các văn bản pháp luật chuyên ngành. Tôi xin lấy một ví dụ. Trong Bộ luật dân sự, có các quy định chung về việc hình thành, thực hiện và hủy bỏ hợp đồng. Bên cạnh đó, như một số nước đã làm, có thể ban hành các quy định pháp luật đặc biệt, ví dụ pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng trong trường hợp các doanh nghiệp có thể mạnh kinh tế muốn áp đặt một số điều kiện cho người mua sản phẩm, dịch vụ của họ. Như vậy, hoàn toàn có thể ban hành một văn bản pháp luật chuyên ngành, ví dụ luật về bảo vệ người tiêu dùng, nhưng phải xác định rõ những vấn đề mà văn bản đó quy định khác với các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật dân sự. Tôi cho rằng nếu chúng ta ban hành một văn bản pháp luật chuyên ngành và để tránh khó khăn trong việc áp dụng pháp luật thì phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa văn bản pháp luật chuyên ngành đó với các nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật dân sự bằng cách chỉ rõ những nguyên tắc nào vẫn được áp dụng và những nguyên tắc nào không được áp dụng trong lĩnh vực chuyên ngành đó.

Ông Đinh Trung Tụng

Qua ý kiến của hai vị chuyên gia, tôi hiểu rằng trong hệ thống luật tư của mỗi nước, Bộ luật dân sự cần được xác định là một bộ luật quy định những nguyên tắc chung nhất và cơ bản nhất, là cơ sở để xây dựng các luật chuyên ngành có liên quan và trong quá trình áp dụng, nếu luật chuyên ngành có liên quan không có quy định cụ thể thì có thể trở lại áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự.

Nhìn chung, tôi nhất trí với quan điểm của hai vị chuyên gia. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật của Việt Nam cho thấy không phải ai cũng đồng tình với ý kiến đó. Đặc biệt, có một số thẩm phán nói rằng ở Việt Nam, đã có các tòa chuyên trách như tòa dân sự, tòa kinh tế và tòa kinh tế chỉ áp dụng Pháp lệnh hợp đồng kinh tế khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chứ không quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự kể cả khi Pháp lệnh hợp đồng kinh tế không có quy định cụ thể. Cũng có ý kiến cho rằng nếu Pháp lệnh hợp đồng kinh tế không có quy định, ví dụ về các biện

pháp bảo đảm như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc về hợp đồng vô hiệu mà trong Bộ luật dân sự có quy định, thì phải quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự. Nhưng các thẩm phán lại nói rằng dựa trên cơ sở pháp lý nào để quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự vì pháp luật không có quy định cụ thể, trong khi đó cơ sở để giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng kinh tế phải là Pháp lệnh hợp đồng kinh tế. Đây là một vấn đề còn lúng túng trong thực tiễn xét xử của Việt Nam. Ngay cả trong trường hợp thẩm phán của tòa kinh tế muốn áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết một tranh chấp về hợp đồng kinh tế thì thẩm phán vẫn còn ngần ngại vì chưa có cơ sở pháp lý để trở lại áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết tranh chấp đó. Theo tôi hiểu ý kiến của ông Lacabarat thì trong luật chuyên ngành, phải có các quy định viện dẫn. Ví dụ, đối với những vấn đề liên quan đến các nguyên tắc chung nhất như về chủ thể, sở hữu, hợp đồng vv... mà trong Bộ luật dân sự đã có quy định thì luật chuyên ngành không nhắc lại nữa và viện dẫn rằng đối với những vấn đề này, phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự có liên quan. Đề nghị các quý vị trao đổi thêm về vấn đề này. Trong dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, chúng tôi dự kiến đưa vào phần chung một quy định để xác định mối quan hệ giữa Bộ luật dân sự và luật chuyên ngành theo hướng là trong trường hợp cần giải quyết các trường hợp cụ thể mà luật chuyên ngành không có quy định thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự có liên quan. Có một giải pháp nữa là việc viện dẫn các nguyên tắc chung của Bộ luật dân sự phải được thể hiện cụ thể trong luật chuyên ngành. Thực ra, trong thực tiễn làm luật của Việt Nam, đã có một đạo luật có quy định cụ thể như vậy, đó là Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định tại điều 5 là trong trường hợp Luật hôn nhân và gia đình không có quy định cụ thể để giải quyết các vụ việc về hôn nhân, gia đình thì áp dụng các quy định có liên quan của Bộ luật dân sự để giải quyết. Khi xây dựng Luật thương mại, trong dự thảo ban đầu, cũng có dự kiến đưa vào một quy định tương tự như vậy, nghĩa là nếu Luật thương mại không có quy định cụ thể để điều chỉnh các quan hệ thương mại thì áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật dân sự, nhưng rất tiếc là khi đưa dự thảo luật ra Quốc hội thông qua, quy định đó đã không được chấp nhận, dẫn đến tình trạng hiện nay vẫn còn khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng Luật thương mại.

Đại biểu

Chúng ta đang mắc phải một vấn đề quan trọng là định nghĩa bộ luật là gì? Có hai nhóm quan điểm. Nhóm thứ nhất coi bộ luật nói chung và Bộ luật dân sự nói riêng là luật cơ bản trong đó chỉ chứa đựng những gì cơ bản nhất còn những gì cụ thể thì dành cho các luật hướng dẫn tiếp theo. Nếu theo quan điểm này thì chúng ta thấy đúng là Bộ luật dân sự có ý nghĩa quan trọng nhất nhưng vô hình chung, chúng ta đã biến nó thành một thứ luật dự phòng, bởi vì chỉ khi nào các luật riêng không có quy định cụ thể thì mới quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự. Đó là nhóm quan điểm thứ nhất. Nhóm quan điểm thứ hai coi Bộ luật dân sự phải là một thứ luật tổng hợp trong đó một người khi tham gia quan hệ dân sự phải tìm được tất cả những gì mình cần trong bộ luật đó. Quan điểm này cũng có lý bởi vì đó mới là bộ luật nhưng sẽ đặt ra vướng mắc trong quá trình sửa đổi luật, vì các mối quan hệ luôn phát triển rất đa dạng, nếu quy định càng cụ thể thì quá trình sửa đổi sẽ diễn ra càng thường xuyên hơn và tất nhiên, sửa đổi Bộ luật dân sự sẽ khó khăn hơn việc sửa đổi các luật khác. Vậy, tôi muốn tham khảo ý kiến của các chuyên gia về khái niệm bộ luật. Liệu có cách nào dung hòa giữa hai trường phái nói trên không?

Ông Pierre Bézard

Sang năm, chúng tôi sẽ kỷ niệm 200 năm Bộ luật dân sự Pháp được ban hành năm 1804. Bộ luật này phản ánh một phần thực trạng pháp luật vào thời kỳ đó. Thật vậy, thực trạng nền văn hoá pháp lý của phương Tây vào đầu thế kỷ XIX đã được phản ánh trong một bộ luật rất hoàn chỉnh. Bộ luật dân sự Pháp hiện nay buộc phải lựa chọn các giải pháp khiêm tốn hơn, nghĩa là giới hạn ở việc quy định các nguyên tắc cơ bản về quyền tự do của cá nhân, về các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân vv... và đối với một số vấn đề, đưa ra những quy định rất đầy đủ, ví dụ các vấn đề về nhân thân, tài sản, thừa kế, nghĩa vụ. Bộ luật dân sự không thể quy định hết tất cả mọi vấn đề trong bối cảnh thế giới hiện đại phát triển rất phức tạp nên có thể xây dựng các văn bản pháp luật khác để phát triển các nguyên tắc trong Bộ luật dân sự. Điều này rất dễ hiểu, bởi lẽ chúng ta không thể làm một bộ luật với 10.000 điều để tập hợp hết các quy định về tiền tệ, vận chuyển, sở hữu trí tuệ vv... Chính dựa trên cách tiếp cận lô-gích về mặt lý luận và thực tiễn này mà chúng tôi có Bộ luật dân sự ở vị trí cao nhất, tiếp đến là các bộ luật hướng dẫn thi hành, phát triển Bộ luật dân sự. Đó là cách tiếp cận thứ nhất. Có những giải pháp khác, ví dụ ban hành các luật chuyên ngành như luật thương mại, luật kinh tế vv... Các bạn biết rằng trong thế giới của chúng ta ngày nay, kinh tế thị trường giữ một vị trí rất quan trọng. Nhưng có một cách phát triển Bộ luật dân sự hơi bị chệch hướng, đó là một số người cho rằng do tầm quan trọng của luật kinh tế nên luật kinh tế phải là yếu tố chủ chốt và Bộ luật dân sự chỉ xếp ở hàng thứ yếu. Ở Pháp hiện nay, cũng có một số người quan niệm như vậy. Số lượng các văn bản pháp luật ở Pháp hiện nay quá nhiều nên đôi khi dẫn đến tình trạng bị mất phương hướng so với các nguyên tắc chung. Tuy vậy, vẫn có nhiều người bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật dân sự, chủ yếu là các thẩm phán. Khi đưa các vấn đề ra thẩm phán Pháp giải quyết, những người được đào tạo rất chính quy, thì thẩm phán sẽ áp dụng pháp luật dân sự như đã được học ở trường cùng với các nguyên tắc dẫn chiếu. Trong hệ thống pháp luật của Pháp cũng như ở bất cứ nơi nào khác, phải có một đạo luật cơ bản là Bộ luật dân sự và sau đó là các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc các luật chuyên ngành, nhưng các văn bản này chỉ được áp dụng nếu không có giải pháp trong Bộ luật dân sự. Ở Pháp, chúng tôi nhận thức rất rõ điều này nên không cần phải có một quy định cụ thể để thể hiện quan điểm đó. Nhưng nếu các bạn muốn thì có thể đưa vào trong Bộ luật dân sự một quy định là Bộ luật dân sự được áp dụng trừ trường hợp các luật chuyên ngành có quy định đặc biệt khác. Các thẩm phán Việt Nam đang còn vướng mắc về vấn đề này nhưng các thẩm phán Pháp thì không, có chăng thì lại là một vấn đề khác là liệu các luật chuyên ngành có quy định đủ chi tiết không để không phải áp dụng các nguyên tắc của Bộ luật dân sự vì nhiều trường hợp các luật chuyên ngành không quy định chi tiết, cụ thể lắm.

Ông Đinh Trung Tụng

Chúng ta đều tán thành một điều là Bộ luật dân sự chiếm một vị trí rất quan trọng trong luật tư. Nó quy định những nguyên tắc chung nhất và trong trường hợp các luật chuyên ngành không có quy định cụ thể thì áp dụng các nguyên tắc chung của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, vẫn còn hai vấn đề chúng ta chưa thống nhất về cách giải quyết.

Thứ nhất, làm thế nào để mọi người đều hiểu và tuân theo nhận thức nói trên về vị trí của Bộ luật dân sự? Theo ý kiến của ngài Bézard, vấn đề này không đặt ra ở Pháp vì nó đã ăn sâu vào ý

thức của người dân, của toàn xã hội chứ không chỉ là thẩm phán. Tuy nhiên, ở Việt Nam, điều đó chưa trở thành nhận thức chung của tất cả mọi người. Như tôi đã nói, có những vị thẩm phán nói rằng họ chỉ áp dụng Pháp lệnh hợp đồng kinh tế để giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế chứ không áp dụng Bộ luật dân sự. Vậy, làm cách nào để nhận thức chung này trở thành phổ biến, không chỉ có tính hướng dẫn mà còn phải trở thành bắt buộc? Có nên đưa vào Bộ luật dân sự một điều khoản quy định về vấn đề đó không, hoặc là trong từng luật chuyên ngành đều có quy định?

Vấn đề thứ hai là theo ý kiến của các chuyên gia, cần xây dựng Bộ luật dân sự với tính chất là một bộ luật chung chứ không thể quy định chi tiết, cụ thể được. Ngài Bézard cho rằng, trước hết phải có Bộ luật dân sự và trên cơ sở của Bộ luật dân sự, xây dựng các đạo luật khác về từng lĩnh vực cụ thể để cụ thể hóa Bộ luật dân sự mà ở Việt Nam, có thể là các luật, pháp lệnh, nghị định vv... Nhưng theo ý kiến của ngài Lacabarats thì bên cạnh các quy định chung, cũng phải có các quy định chi tiết, cụ thể. Trong thực tiễn ở Việt Nam, Quốc hội khoá X đã tổng kết là có nhiều đạo luật quy định quá chung, không đủ để áp dụng trong đời sống thực tế mà cần phải có các văn bản hướng dẫn. Có những đạo luật có tới mấy chục nghị định hướng dẫn của Chính phủ, ví dụ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật lao động, Luật đất đai vv... Sau đó, trên cơ sở các nghị định của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan cũng lại ra thông tư hướng dẫn. Do đó, một đạo luật có thể có tới hàng trăm văn bản hướng dẫn thi hành. Tình trạng này cho thấy hiệu lực của luật bị giảm sút vì có thể luật được ban hành đầu năm nhưng đến cuối năm mới có văn bản hướng dẫn và trong thời gian chờ đợi đó, luật không được thi hành. Tâm lý của người dân Việt Nam là khi có luật rồi thì phải chờ văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của các bộ, ngành và người dân còn quan tâm đến thông tư hướng dẫn hơn cả các đạo luật. Cho nên, có ý kiến khác nhau là bộ luật phải quy định chi tiết, cụ thể hay là chỉ quy định chung để các văn bản khác quy định cụ thể hơn về từng lĩnh vực?

Ông Alain Lacabarats

Làm thế nào để mọi người nhận thức được rằng Bộ luật dân sự là bộ luật quy định các nguyên tắc cơ bản nhất? Trong Chương I Phần chung của Bộ luật dân sự về các nguyên tắc cơ bản, có điều 1 quy định về nhiệm vụ và phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự:

"Bộ luật dân sự quy định địa vị pháp lý của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự".

Các bạn có thể thêm vào cuối điều này một câu như sau: "... trừ trường hợp pháp luật có quy định khác", như quy định ở một số điều khoản khác của Bộ luật.

Vấn về vấn đề làm thế nào để Bộ luật dân sự phải được coi là một bộ luật quy định các nguyên tắc cơ bản nhất, khi các bạn cho rằng cần phải ban hành một văn bản pháp luật chuyên ngành thì có thể xác định cụ thể trong văn bản đó là đối với những vấn đề nào thì luật chuyên ngành không áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự. Đây có thể là một giải pháp.

Nếu các thẩm phán còn nghi ngại trong việc quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự, đặc biệt là khi giải quyết các tranh chấp kinh tế như ông Tụng đã nêu thì Tòa án tối cao có thể giữ vai trò hướng dẫn các thẩm phán về các chuẩn mực pháp lý cần được áp dụng.

Theo tôi, không nên ban hành quá nhiều luật chuyên ngành. Tôi xin lấy hai ví dụ. Lúc này, ông Vụ trưởng có nói đến vấn đề quyền chiếm hữu và quyền sử dụng đất. Tôi không cho rằng cần phải tách biệt quyền chiếm hữu với quyền sở hữu, một quyền rất cơ bản trong khi quyền chiếm hữu gắn bó chặt chẽ với quyền sở hữu. Tôi cho rằng vấn đề quyền chiếm hữu, quyền sử dụng có thể được giải quyết trong Bộ luật dân sự vì các nội dung này không thể tách rời với một vấn đề cơ bản là quyền sở hữu tài sản. Có thể có những vấn đề khác cần được quy định trong luật chuyên ngành nhưng chắc chắn không thể là các vấn đề có liên quan quá chặt chẽ với các chuẩn mực cơ bản được quy định trong Bộ luật dân sự. Chúng ta hoàn toàn có thể ban hành một bộ luật riêng về sở hữu trí tuệ vì đây là một vấn đề đặc thù liên quan đến quyền sở hữu đối với các tài sản vô hình và nó nằm ở ranh giới của nhiều lĩnh vực khác nhau như dân sự, thương mại, hình sự, và thông thường, trong lĩnh vực này, có các quy định rất đặc thù về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Do đó, có thể quy định vấn đề sở hữu trí tuệ trong một văn bản khác. Còn những lĩnh vực khác vì có liên quan quá chặt chẽ với các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật dân sự nên không thể được quy định trong một văn bản riêng khác.

Ông Pierre Bézard

Về vấn đề đầu tiên, làm thế nào để các thẩm phán Việt Nam hiểu rằng Bộ luật dân sự phải là bộ luật cơ bản được áp dụng trừ trường hợp các luật chuyên ngành có quy định khác? Tôi nghĩ rằng để giải quyết rõ vấn đề này thì nên có một điều quy định cụ thể, có thể không phải ở phần các nguyên tắc cơ bản, mà có thể quy định ở phần các điều khoản thi hành về thể thức thi hành, thời hạn hiệu lực vv... Theo tôi, làm cách đó có thể giải quyết được khó khăn hiện nay, giúp mọi người hiểu được trật tự các quy phạm pháp luật, một vấn đề rất quan trọng.

Ông Tụng đã cho biết những khó khăn hiện nay trong việc thi hành các đạo luật ở Việt

Nam. Nhưng tôi phải nói với ông rằng không chỉ ở Việt Nam mới đặt ra vấn đề này đâu mà ở Pháp cũng vậy, khi một đạo luật được ban hành, nhiều người nói rằng phải đợi đến khi có văn bản hướng dẫn thì mới thi hành luật. Tuy vậy, trong các đạo luật được ban hành ở Pháp, bao giờ cũng có một điều khoản cuối quy định là các quy định của luật sẽ được áp dụng ngay lập tức, trừ điều X hay Y nào đó thì phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành. Quy định như vậy rất rõ, giúp cho các thẩm phán khỏi ngỡ ngàng vì có những quy định trong luật bản thân nó chưa đủ để áp dụng mà cần phải được hướng dẫn thi hành.

Quay trở lại những điều mà ông Lacabarat đã nói, chắc chắn là chúng ta không thể quy định tất cả mọi vấn đề trong Bộ luật. Có nhiều lĩnh vực như sở hữu trí tuệ, có xuất phát điểm là Bộ luật dân sự nhưng sau đó, đã trở nên rất đặc thù kể cả về luật nội dung cũng như về trình tự, thủ tục, đến mức đòi hỏi phải được quy định trong một văn bản riêng. Mặc dù vậy, tôi nghĩ rằng Bộ luật dân sự vẫn phải đưa ra các nguyên tắc chung cho lĩnh vực luật chuyên ngành đó, mà không đi vào quy định chi tiết, cụ thể. Bởi vì theo tôi, khi một người nước ngoài đến một đất nước nào đó và gỡ Bộ luật dân sự ra xem thì phải biết được thực trạng nền văn hóa, văn minh và thực trạng

pháp luật của đất nước đó, mà chưa phải đi sâu nghiên cứu một cách chi tiết, cụ thể từng lĩnh vực. Ví dụ, trong lĩnh vực đạo đức sinh học, khi đọc Bộ luật dân sự, phải biết được những điều được phép và những điều bị cấm, mà chưa cần nghiên cứu chi tiết các quy định về sinh con theo phương pháp khoa học hay thay đổi giới tính vv...

Tôi cũng hoàn toàn đồng ý với ông Lacabarat về vấn đề quyền sử dụng đất, một đặc thù của Việt Nam. Vì vấn đề này liên quan rất chặt chẽ với vấn đề quyền sở hữu với tính chất là một quyền dân sự của cá nhân nên các bạn không thể đưa ra khỏi Bộ luật dân sự. Vấn đề quyền chiếm hữu cũng tương tự như vậy. Đúng là trên một số phương diện nào đó, một người không phải là chủ sở hữu cũng có thể là người chiếm hữu tài sản nhưng giới hạn của nó đến đâu. Nếu các bạn xây dựng một bộ luật quan trọng như Bộ luật dân sự mà trong đó chỉ giải quyết vấn đề quyền sở hữu trong khi trong thực tiễn của Việt Nam, có một quyền cũng rất cơ bản là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng đất thì làm như vậy không cho phép phản ánh một cách trung thực thực tế của Việt Nam. Do đó, phải quy định các vấn đề lớn trong Bộ luật dân sự.

Đại biểu

Tôi muốn quay trở lại vấn đề mối quan hệ giữa Bộ luật dân sự với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Ở các nước có truyền thống luật dân sự nói chung, Bộ luật dân sự bao giờ cũng là một bộ luật gốc. Vấn đề này hiển nhiên đến nỗi không cần chứng minh nữa. Nhưng ở Việt Nam, có một điều đặc thù là Pháp lệnh hợp đồng kinh tế được ban hành năm 1989, tức là 6 năm trước khi Bộ luật dân sự ra đời. Chính vì vậy, điều khoản về mối quan hệ giữa Pháp lệnh với Bộ luật dân sự không được thể hiện trong Pháp lệnh này. Sau này, trong Bộ luật dân sự, cũng không có điều khoản nào quy định về mối quan hệ giữa Bộ luật này với các luật chuyên ngành khác. Do đó, các thẩm phán Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn khi áp dụng Bộ luật dân sự trong mối quan hệ với Pháp lệnh hợp đồng kinh tế. Tôi được biết là Pháp lệnh hợp đồng kinh tế đã có rất nhiều bản sửa đổi những đến dự thảo lần thứ 8 thì chúng ta dừng lại không tiếp tục sửa đổi nữa vì đặt ra vấn đề là liệu có nên tiếp tục sửa đổi Pháp lệnh hợp đồng kinh tế không, hay là quy định một điều khoản về việc áp dụng Bộ luật dân sự như một bộ luật gốc, một bộ luật cơ bản, và cũng có quan điểm cho rằng nên nhập Pháp lệnh hợp đồng kinh tế với Luật thương mại. Vậy, trong bối cảnh Pháp lệnh hợp đồng kinh tế được ban hành năm 1989, nghĩa là sau khi bắt đầu thực hiện chính sách đổi mới nhưng vẫn còn mang đậm dấu ấn của một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, chúng tôi nên đi theo hướng nào: tiếp tục sửa đổi Pháp lệnh, nhập Pháp lệnh với Luật thương mại hay sửa đổi Bộ luật dân sự theo hướng đưa vào một điều khoản quy định rõ Bộ luật dân sự là bộ luật gốc và các luật chuyên ngành khác phải dẫn chiếu đến Bộ luật dân sự khi không có quy định về một số vấn đề cụ thể?

Trong hệ thống pháp luật Pháp, thẩm phán được trao thẩm quyền giải thích pháp luật rất rộng. Điều này rất khác với hệ thống pháp luật của chúng tôi. Ở Việt Nam, người có thẩm quyền giải thích pháp luật không phải là thẩm phán mà là Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và thẩm phán chỉ có quyền áp dụng pháp luật. Chính vì thế, các đạo luật muốn được thi hành thì phải chờ các nghị định, thông tư hướng dẫn; do vậy, các nhà soạn thảo Bộ luật dân sự đã nghĩ đến việc Bộ luật dân sự phải quy định cụ thể, chi tiết hơn để có thể đi vào đời sống ngay mà không cần phải chờ văn bản hướng dẫn. Vậy, chúng tôi nên lựa chọn giải pháp nào, nên quy định chi tiết, cụ thể hay

là nên trao cho thẩm phán thẩm quyền giải thích pháp luật để các bộ luật có thể đi vào đời sống mà không cần phải chờ các nghị định, thông tư hướng dẫn.

Đại biểu

Liên quan đến mối quan hệ giữa Bộ luật dân sự và các luật chuyên ngành, tôi có một câu hỏi như sau. Trong xu thế hội nhập và phát triển của Việt Nam với thế giới, trong đó có phát triển kinh tế thị trường, ngành luật tư sẽ phát triển dù rằng quan điểm đó trong giới luật gia Việt Nam chưa được rõ ràng lắm. Do yêu cầu phát triển đó, rất nhiều luật chuyên ngành liên quan đến luật dân sự sẽ được hình thành. Hiện nay, ở Việt Nam, cũng có rất nhiều luật chuyên ngành như Pháp lệnh trọng tài thương mại, Luật quảng cáo, Luật đầu tư, Luật chứng khoán vv... Vậy, nếu áp dụng nguyên tắc khi luật chuyên ngành không có quy định thì mới áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự thì có thể dẫn đến tình trạng là do sự phát triển của nhiều ngành luật chuyên biệt như vậy nên phạm vi áp dụng của Bộ luật dân sự sẽ bị co lại đến mức người ta không còn áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự nữa. Khi đó, Bộ luật dân sự sẽ trở thành cái gì trước các luật chuyên ngành trong xu thế hội nhập và phát triển? Tôi cho rằng vấn đề đặt ra ở đây không phải là tìm kiếm sự dung hòa giữa Bộ luật dân sự và các luật chuyên ngành. Do nhu cầu giải quyết các vấn đề của đời sống dân sự mà Bộ luật dân sự vẫn luôn tồn tại cùng với các luật chuyên ngành. Do đó, tôi nghĩ đến một phương án trung hòa mà Ủy ban trung ương Mặt trận đã kiến nghị từ lâu, đó là Bộ luật dân sự phải đặt ra các nguyên tắc cơ bản để điều chỉnh các quan hệ về dân sự, nhưng ở một mức độ nhất định, đối với những mối quan hệ đã trở nên tương đối phổ biến trong xã hội thì sẽ quy định chi tiết trong Bộ luật. Trong Bộ luật dân sự, tồn tại hai loại quy phạm là các quy phạm có tính nguyên tắc chung và các quy phạm cụ thể, mô tả các quan hệ dân sự phổ biến, ổn định. Tôi xin lấy một ví dụ. Trong Bộ luật dân sự hiện nay, có một phần quy định rất rõ về hợp đồng. Đối với những hợp đồng phổ biến, thông dụng như hợp đồng mua bán thì sẽ được quy định trong Bộ luật dân sự. Nhưng đối với những hợp đồng có tính chuyên ngành như hợp đồng vận chuyển thì sẽ quy định trong luật chuyên ngành.

Đại biểu

Tôi muốn quay trở lại câu hỏi của ông Tụng lúc này là làm thế nào để không chỉ thẩm phán mà toàn bộ người dân hiểu được rằng trong trường hợp các luật chuyên ngành không có quy định thì áp dụng Bộ luật dân sự. Chúng ta biết rằng đây là một vấn đề có lẽ chỉ đặt ra ở Việt Nam, còn ở hầu hết các nước khác, điều đó tương đối hiển nhiên rồi. Nhưng tôi nghĩ rằng cũng có những lý do sâu xa của nó. Trước tiên, hệ thống lý luận pháp luật của Việt Nam khác với các nước. Hiện nay, một số học giả đã nói đến luật công và luật tư nhưng có lẽ cũng chỉ dưới góc độ nghiên cứu hoặc phát biểu một cách không chính thức, cho nên quan điểm hiện hành là vẫn chia hệ thống pháp luật thành các ngành luật khác nhau, mỗi ngành luật có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh riêng. Theo quan điểm đó, Bộ luật dân sự, trước đây là Pháp lệnh về hợp đồng dân sự, được xếp vào ngành luật dân sự, còn Pháp lệnh hợp đồng kinh tế được xếp vào ngành luật kinh tế. Việt Nam có một ngành luật kinh tế độc lập, khác với các nước theo trường phái luật công và luật tư thì Bộ luật dân sự được coi là bộ luật gốc, bộ luật điển hình của luật tư. Thực ra, vấn đề ở đây không chỉ liên quan đến Pháp lệnh hợp đồng kinh tế mà còn liên quan đến hàng loạt các luật chuyên ngành khác với tính chất là luật tư. Do đó, nếu chúng ta quy định trong Bộ

luật dân sự một điều là nếu các luật chuyên ngành không có quy định thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự. Vậy, pháp luật chuyên ngành được hiểu là pháp luật gì? Có phải là hệ thống luật tư hay bao gồm cả các văn bản khác nữa? Do đó, theo quan điểm của tôi, không nên đưa vào Bộ luật dân sự một quy định như vậy. Để giải quyết vướng mắc này, tôi nghĩ rằng hệ thống lý luận pháp luật của Việt Nam cần phải có sự chuyển hướng nhất định. Thời kỳ chúng tôi học trước đây, hệ thống pháp luật được chia thành 12 ngành luật nhưng quan điểm đó đến nay không còn phù hợp nữa vì có nhiều văn bản luật không biết xếp vào ngành luật nào, ví dụ Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế không biết thuộc ngành luật kinh tế hay luật tố tụng dân sự. Quan điểm hiện nay về vấn đề này không rõ ràng. Xu hướng sắp tới của chúng ta là đưa cả tố tụng kinh tế và tố tụng lao động vào Bộ luật tố tụng dân sự, cho nên quan niệm chia thành 12 ngành luật trước đây là hoàn toàn không còn phù hợp nữa. Vậy, việc đầu tiên chúng ta phải làm là cải cách hệ thống lý luận cơ bản để toàn bộ người dân, sinh viên, thẩm phán, luật sư tương lai có cách nhìn nhận như vậy.

Giải pháp thứ hai cho vấn đề này là chỉ cần có hướng dẫn của Tòa án tối cao. Thực ra, mỗi văn bản pháp luật cần phải được quán triệt thứ nhất là cho người dân, nghĩa là hướng dẫn hành vi xử sự của người dân và thứ hai, phải là căn cứ để tòa án xét xử. Hiện nay, chưa có hướng dẫn chính thức của Tòa án tối cao, cho nên dẫn đến tình trạng là thẩm phán nghi ngại về việc bản án của mình bị hủy ở tòa án cấp trên. Do đó, nếu có hướng dẫn chung của Tòa án tối cao, hoặc cao hơn nữa là một nghị quyết của Quốc hội thì có thể giải quyết được vướng mắc hiện nay, giải pháp này hay hơn là quy định một điều khoản trong Bộ luật dân sự. Vì nếu quy định trong Bộ luật dân sự là trong trường hợp các văn bản pháp luật chuyên ngành không có quy định thì áp dụng Bộ luật dân sự, thì như tôi đã phân tích ở trên, không phải toàn bộ các văn bản pháp luật chuyên ngành đều tuân theo nguyên tắc đó, mà chỉ những văn bản pháp luật chuyên ngành có tính chất luật tư thì mới tuân theo nguyên tắc dẫn chiếu đến Bộ luật dân sự nếu văn bản luật tư đó không có quy định cụ thể.

Đại biểu

Chúng tôi rất đồng ý với hai vị chuyên gia Pháp về những nội dung đã trình bày. Nhưng tôi xin nói rõ hơn về tình hình của Việt Nam. Ban đầu, chúng tôi chỉ có Luật hôn nhân và gia đình, rồi đến luật về hợp đồng kinh tế, sau đó đến thời kỳ mở cửa kinh tế thị trường nhiều thành phần thì mới có luật dân sự. Chúng tôi hiểu là luật dân sự bao quát hết những vấn đề về nhân thân và tài sản như hai chuyên gia đã trình bày. Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn đồng ý khi nói rằng Bộ luật dân sự là bộ luật quy định những nguyên tắc cơ bản áp dụng cho tất cả các quan hệ về con người, quan hệ về tài sản. Cách hiểu này là hoàn toàn hợp lý nhưng vướng mắc của chúng ta hiện nay chính là Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế vì Pháp lệnh này chưa được sửa đổi, hủy bỏ. Chính vì vậy, có tình trạng những người xét xử về kinh tế chỉ áp dụng luật kinh tế, còn những người xét xử về dân sự chỉ áp dụng luật dân sự. Trong thực tế, việc nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh hợp đồng kinh tế có những ý kiến rất khác nhau. Một ý kiến cho rằng phải quy định một loại hợp đồng kinh tế riêng. Một ý kiến khác cho rằng về cơ bản, các hợp đồng này vẫn áp dụng các nguyên tắc của luật dân sự. Riêng bản thân tôi ủng hộ ý kiến thứ hai, nghĩa là không nên có một loại hợp đồng kinh tế riêng, quy định thành một luật riêng mà cơ bản, vẫn áp dụng các nguyên tắc chung

của hợp đồng dân sự. Việc quy định hợp đồng kinh tế riêng là rất khó và phức tạp. Nhưng giải quyết vấn đề đó như thế nào? Như một số ý kiến đã phát biểu, chúng ta có thể nghĩ đến việc Tòa án tối cao sẽ có hướng dẫn giải thích, áp dụng pháp luật, hoặc cao hơn nữa là nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ví dụ, trong thời gian vừa qua, sau khi có Bộ luật dân sự, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có những nghị quyết rất quan trọng về giao dịch dân sự, nhà cửa vv... Như vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể ra nghị quyết quy định áp dụng các nguyên tắc của Bộ luật dân sự trừ những trường hợp có quy định riêng. Trong tương lai, chúng ta nên định hướng như thế nào? Tôi nghĩ rằng điều đó tùy thuộc vào việc chúng ta sửa đổi Bộ luật dân sự một cách cơ bản hay chỉ sửa đổi những gì cần thiết. Theo kinh nghiệm của Việt Nam, nên đi theo hướng sửa những gì cần thiết vì nếu bây giờ, chúng ta bỏ chương này hay chương kia trong Bộ luật dân sự thì chắc chắn sẽ có nhiều quan điểm khác nhau, do vậy nên đi theo hướng sửa những gì cần thiết trên cơ sở những vấn đề đã có quy định rồi. Vì vậy, đối với các chương như quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất mà chúng ta thấy còn có bất cập, thiếu quy định của pháp luật thì theo tôi, nên bổ sung các quy định đó, chứ không nên giải quyết bằng cách bỏ hẳn các chương đó ra khỏi Bộ luật. Bởi vì khi phải giải thích lý do tại sao bỏ các chương đó thì ngay cả các nhà làm luật, các chuyên gia pháp lý của chúng ta cũng còn có những ý kiến rất khác nhau, chứ chưa nói gì đến việc giải thích cho người dân.

Tóm lại, ý kiến của chúng tôi là có thể dùng một nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quyết định rằng đối với những vấn đề pháp luật chuyên biệt, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự trừ những trường hợp có quy định khác. Còn về vấn đề sửa đổi Bộ luật dân sự thì nên sửa những gì cần thiết chứ không nên xáo trộn cơ cấu của Bộ luật bằng cách bỏ chương này hay chương kia.

Đại biểu

Bộ luật dân sự của Việt Nam đi sau rất nhiều so với một số bộ luật dân sự kinh điển như của Pháp, Đức, Nhật Bản vv... Nếu làm một phép so sánh cơ học, tôi thấy rằng một số bộ luật được coi là kinh điển bao gồm từ 2.000 đến 3.000 điều luật, còn Bộ luật dân sự của chúng ta cũng có từng ấy chế định nhưng dừng lại ở 838 điều. Qua so sánh này, cái gì chúng ta đang thiếu? Chúng ta đang thiếu các nguyên tắc hay là các quy định cụ thể? Theo tôi, chúng ta đang thiếu sự cụ thể hoá. Do đó, chúng ta cần phải học tập các bộ luật dân sự khác và bổ sung thêm các quy định cụ thể, chứ không phải bỏ bớt quy định đi.

Ông Pierre Bézard

Qua các ý kiến vừa rồi, tôi có hai nhận xét như sau. Tôi thấy rằng có một sự khác biệt giữa Pháp lệnh hợp đồng kinh tế và Bộ luật dân sự mà các bạn đang xây dựng. Bộ luật dân sự sửa đổi lần này có một sự chuyển biến nhất định, đi xa hơn trong bối cảnh kinh tế thị trường, liên quan đến vấn đề nghĩa vụ, quyền của cá nhân, quyền tự do kinh doanh vv... Đó là một nền pháp luật hiện đại và thể hiện một số giải pháp mà Việt Nam lựa chọn. Như các bạn đã nói, Pháp lệnh hợp đồng kinh tế được ban hành năm 1989, nghĩa là trước khi các bạn ban hành Bộ luật dân sự và tiến hành sửa đổi Bộ luật này. Vậy, phải chăng đã đến lúc nên xem xét lại Pháp lệnh hợp đồng kinh tế trong thời hạn sớm nhất có thể để khắc phục sự khác biệt giữa Pháp lệnh đó với Bộ luật dân sự, trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng Bộ luật dân sự sửa đổi có tính đến những chuyển

biến của tình hình và bởi vì nếu Pháp lệnh hợp đồng kinh tế không được sửa đổi thì sẽ trở nên lạc hậu so với thực tiễn. Tôi nghĩ việc làm này có ý nghĩa rất quan trọng và nếu không làm như vậy thì không thể nào giải quyết được những vướng mắc, mâu thuẫn đang đặt ra.

Một vấn đề nữa là làm thế nào để đề cao vai trò, vị trí của Bộ luật dân sự so với các văn bản pháp luật khác? Tôi thấy rằng hầu hết các bạn đều nhận thức được vị trí quan trọng của Bộ luật dân sự. Theo tôi, chúng ta có thể làm việc đó bằng một nghị quyết của cơ quan lập pháp, vì cơ quan lập pháp là cơ quan quyền lực cao nhất thể hiện ý chí của nhân dân bằng việc ban hành một văn bản như vậy. Qua ý kiến của các bạn, cũng có thể có một giải pháp nữa là Tòa án tối cao có hướng dẫn chung. Đây cũng là một giải pháp hay.

Tôi xin chia sẻ với các bạn một vài kinh nghiệm khi tôi còn làm việc ở Bộ Tư pháp. Chúng tôi đã ban hành một văn bản tương đối đặc biệt và đã có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp. Văn bản này quy định có thể thành lập các công ty hợp tác xã nông nghiệp và nêu rõ là các công ty này không phải là công ty dân sự, cũng không phải là công ty thương mại. Khi có tranh chấp xảy ra liên quan đến các công ty này và được đưa ra tòa án giải quyết, các tòa án nói rằng vì các công ty đó không phải là công ty dân sự cũng không phải là công ty thương mại nên phải quay trở lại áp dụng địa vị pháp lý dân sự đối với các công ty đó và các tòa án đã áp dụng các quy định của luật dân sự để giải quyết vụ việc. Kinh nghiệm của chúng tôi là phải quay trở lại áp dụng Bộ luật dân sự. Trước đây, khi làm Chánh Tòa thương mại, kinh tế và tài chính Tòa án Pháp, tôi đã từng áp dụng các văn bản pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực vận chuyển, chứng khoán, phá sản doanh nghiệp vv... nhưng phần lớn công việc của tôi là giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng thương mại mà xét cho cùng, đó chính là những vấn đề liên quan đến đời sống hàng ngày của mỗi người dân, cho nên phải áp dụng các quy định pháp luật về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh vv... Mặc dù có các văn bản pháp luật chuyên ngành nhưng phải nói rằng đối với quá nửa số các vụ việc mà chúng tôi giải quyết, chúng tôi phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự.

Như vậy, các bạn có thể thấy được tầm quan trọng của Bộ luật dân sự. Bộ luật dân sự phải bao gồm các nguyên tắc chung phản ánh nền văn minh của một đất nước và phải quy định chi tiết, cụ thể về một số nội dung cơ bản như nghĩa vụ dân sự, quyền của cá nhân. Tôi cho rằng chúng ta không thể đi xa hơn thế. Nền văn minh của chúng ta càng phát triển trong thế giới hiện đại thì các hoạt động mà chúng ta muốn điều chỉnh càng trở nên chuyên biệt, kỹ thuật, xã hội của chúng ta càng cần có quy định pháp luật thì các vụ kiện sẽ ngày càng nhiều; do đó, dù chúng ta cần có các quy định chi tiết, cụ thể thì cũng không thể quy định chi tiết, cụ thể hết mọi vấn đề trong Bộ luật dân sự. Tóm lại, đối với một số vấn đề cơ bản, Bộ luật dân sự phải quy định chi tiết, cụ thể, còn các vấn đề khác thì quy định trong các luật chuyên ngành, là các luật bổ trợ cho Bộ luật dân sự.

Ông Alain Lacabarats

Tôi có 3 nhận xét như sau. Tôi có thể hiểu được những khó khăn hiện nay của Việt Nam. Nhận xét thứ nhất là phải xem xét lại hệ thống lý luận về các ngành luật. Nhận xét thứ hai trùng hợp với ý kiến của một vị đại biểu lúc này, nghĩa là phải tìm kiếm một sự dung hoà giữa Bộ luật dân sự với các luật chuyên ngành. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy rằng ở Việt Nam, tồn tại một Luật hôn nhân và gia đình riêng biệt với Bộ luật dân sự. Tôi cho rằng các quy định về hôn nhân, gia đình là

các quy định cơ bản đến mức phải nằm trong Bộ luật dân sự. Có thể các bạn có lý do để làm như vậy, nhưng dù sao là một luật gia Pháp, tôi vẫn rất ngạc nhiên khi thấy các bạn có luật riêng về lĩnh vực này. Nhận xét cuối cùng của tôi liên quan đến một ý kiến được phát biểu lúc này là ở Việt Nam, thẩm phán không có quyền giải thích pháp luật. Điều 408 Bộ luật dân sự Việt Nam quy định các nguyên tắc giải thích hợp đồng và theo tôi, thẩm phán phải áp dụng các nguyên tắc này. Tôi nghĩ rằng thẩm phán không thể áp dụng pháp luật mà không giải thích nó, vì khi đọc bất cứ một văn bản pháp luật nào, chúng ta cũng đều nhận thấy rằng không thể áp dụng văn bản đó một cách cơ học mà không có giải thích. Luôn luôn có một phần cần phải giải thích và đó chính là trách nhiệm của thẩm phán. Tất nhiên, việc giải thích pháp luật cũng phải có giới hạn vì không thể lấy cớ là giải thích pháp luật để bóp méo một văn bản pháp luật nào đó. Tóm lại, tôi cho rằng không thể áp đặt thẩm phán áp dụng pháp luật một cách thuần túy mà không có quyền giải thích pháp luật.

QUYỀN NHÂN THÂN CỦA CÁ NHÂN VÀ TƯ CÁCH CHỦ THỂ QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, TỔ HỢP TÁC

Ông Đinh Trung Tụng

Tôi đề nghị hai chuyên gia tiếp tục có ý kiến về các quy định trong phần chung của Bộ luật dân sự, liên quan đến các quyền nhân thân của cá nhân, nhất là những vấn đề mới nảy sinh trong thời gian vừa qua như thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai hộ, chuyển đổi giới tính, nhân bản người, xây dựng các ngân hàng mô, tạng, cho hiến các bộ phận cơ thể người vì hiện nay, các vấn đề này chưa được thể hiện trong Bộ luật dân sự. Sau đó, chúng ta sẽ trao đổi thêm về tư cách chủ thể pháp luật dân sự của hộ gia đình, tổ hợp pháp.

Ông Pierre Bézard

Trước khi đề cập đến các vấn đề mà ông vừa nêu, tôi muốn quay trở lại phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự. Tại điều 1 chương 1 của Bộ luật, các bạn dự kiến bổ sung thêm khoản 2 xác định phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự. Tại điều 15, khoản 3 (mới) về hiệu lực của Bộ luật dân sự, các bạn quy định: "*Bộ luật dân sự được áp dụng đối với các quan hệ về tài sản và quan hệ nhân thân khác, ngoài các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự theo quy định tại điều 1 của Bộ luật này, nếu các quan hệ đó không có quy định của pháp luật để điều chỉnh*". Tôi thấy quy định này rất lý thú vì ban đầu, các bạn có một quy định rất chung tại điều 1 là Bộ luật dân sự xác định các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật dân sự trong giao lưu dân sự, sau đó tại điều 15, các bạn nói đến trường hợp "*...nếu các quan hệ đó không có quy định của pháp luật để điều chỉnh*", tôi hiểu từ "*pháp luật*" ở đây bao gồm tất cả các văn bản pháp luật khác, ngoài Bộ luật dân sự. Như vậy, nếu trong các luật chuyên ngành, không có quy định để điều chỉnh các quan hệ về tài sản và nhân thân đó thì áp dụng Bộ luật dân sự. Theo tôi, quy định này cũng giống với phương án mà chúng ta đã thảo luận sáng nay.

Về các vấn đề ông vừa nêu liên quan đến các tiến bộ trong lĩnh vực y học, ví dụ sinh con theo phương pháp khoa học, chuyển đổi giới tính vv..., đặt ra một câu hỏi là có nên quy định các vấn đề này trong Bộ luật dân sự không? Tôi cho rằng đây là những vấn đề hết sức cơ bản và sẽ rất

tốt nếu Bộ luật dân sự đưa ra cách giải quyết rõ ràng. Về vấn đề nhân bản người, các bạn quy định nghiêm cấm việc nhân bản người, tôi cho rằng quy định này tương đối đặc biệt vì trong lĩnh vực này, có nhiều điều còn rất mới mẻ, cần phải nghiên cứu và có nhiều bác sỹ vẫn đang mạo hiểm thực hiện việc nhân bản người. Liên quan đến vấn đề thay đổi giới tính, các bạn thừa nhận quyền được thay đổi giới tính, kèm theo các hệ quả của nó về mặt hộ tịch của cá nhân, đây là một trong các nguyên tắc chung về quyền tự do của con người và tôi không phản đối việc đưa một quy định như vậy vào trong Bộ luật dân sự, vì như chúng ta đã phân tích, các nguyên tắc cơ bản về quyền của cá nhân phải được quy định trong Bộ luật dân sự. Khi Bộ luật dân sự đã thừa nhận các nguyên tắc đó rồi thì các bạn có thể có các luật khác để quy định bổ sung. Tóm lại, tôi ủng hộ việc quy định các nguyên tắc cơ bản đó trong Bộ luật dân sự.

Liên quan đến các loại chủ thể pháp luật dân sự, tôi muốn nói đến các chủ thể là pháp nhân. Tôi nhớ rằng cách đây vài năm, khi các bạn đề nghị tôi tham gia nghiên cứu vấn đề này, chúng ta đã nghiên cứu rất nhiều và vấn đề hộ gia đình ở Việt Nam đã làm tôi rất ngạc nhiên. Tôi hiểu là hiện nay, các bạn đang xem xét liệu có nên tiếp tục quy định hộ gia đình là một loại chủ thể pháp luật dân sự không. Về vấn đề này, theo tôi, nên có một sự chuyển hướng và do đó, phương án đề nghị bỏ các quy định về hộ gia đình có lẽ là phương án hợp lý hơn. Nhưng đó chỉ là ý kiến của riêng tôi còn các bạn có thể lựa chọn phương án khác vì có thể, đây là một vấn đề rất đặc thù của Việt Nam cần phải cân nhắc. Đối với tổ hợp tác, tôi cũng có ý kiến tương tự như vậy.

Liên quan đến các pháp nhân, tôi cho rằng có một vấn đề như sau. Những tổ chức nào có tư cách pháp nhân? Nghiên cứu các quy định hiện nay, tôi thấy chưa có câu trả lời chắc chắn cho câu hỏi: Có phải ở Việt Nam, một tổ chức chỉ được coi là pháp nhân khi đã đăng ký? Ban đầu, khi đọc các quy định của Bộ luật dân sự, tôi nghĩ là không phải như vậy và có thể có những tổ chức không đăng ký nhưng vẫn có tư cách pháp nhân. Nhưng khi đọc toàn bộ các quy định thì tôi lại không chắc chắn về suy nghĩ đó của mình vì ở rất nhiều điều luật, các bạn quy định rằng để có tư cách pháp nhân thì trước đó, phải tiến hành thủ tục đăng ký. Do đó, tôi nghĩ rằng vấn đề này cần phải được làm rõ hơn. Nói tóm lại, phải giải quyết được câu hỏi sau: Những tổ chức nào có tư cách pháp nhân? Để có tư cách pháp nhân, có phải đăng ký không?

Ông Alain Lacabarats

Nhìn chung, tôi đồng ý với những ý kiến vừa rồi và muốn bổ sung một số điểm như sau.

Liên quan đến các quyền nhân thân, tôi cho rằng hoàn toàn hợp lý khi quy định trong Bộ luật dân sự một số quyền mới như quyền hiến bộ phận cơ thể người và các quyền khác theo quy định tại điều 32. Tuy nhiên, đặt ra một vấn đề liên quan đến quyền thay đổi giới tính. Tôi cho rằng Bộ luật dân sự phải có nhiệm vụ quy định các trường hợp một cá nhân có thể thay đổi giới tính của mình. Nếu Bộ luật dân sự để ngỏ vấn đề này thì có lẽ là hơi mạo hiểm. Bộ luật dân sự nên chỉ rõ là một cá nhân có thể thay đổi thay đổi giới tính trong các trường hợp do Bộ luật này quy định, Bộ luật dân sự phải có nhiệm vụ quy định cụ thể các trường hợp đó. Trong dự thảo hiện nay, các bạn quy định "*việc thay đổi giới tính thực hiện theo các quy định của pháp luật*". Theo tôi, điều này là hiển nhiên rồi vì các bạn hoàn toàn có thể có các văn bản pháp luật sau này quy định cụ thể các thể thức thực hiện việc thay đổi giới tính, nhưng ít nhất, các nguyên tắc cơ bản về thay đổi giới tính phải được thể hiện trong Bộ luật.

Có một ý kiến được nêu ra sáng nay, đó là vấn đề hộ tịch thuộc lĩnh vực luật tư hay luật công. Tôi cho rằng kể cả khi việc đăng ký hộ tịch do cơ quan hành chính nhà nước tiến hành thì cơ bản, vấn đề hộ tịch vẫn là một vấn đề thuộc luật tư, do đó, phải giữ nguyên tắc đăng ký hộ tịch của cá nhân trong Bộ luật dân sự như quy định tại phương án 1 điều 54.

Liên quan đến hộ gia đình, tổ hợp tác, nếu các nhà làm luật của Việt Nam lựa chọn phương án 1 là bỏ toàn bộ các quy định về hai loại chủ thể này trong Bộ luật dân sự thì phải xem lại các điều khác trong Bộ luật nếu tại các điều đó, hộ gia đình và tổ hợp pháp vẫn xuất hiện với tư cách là các chủ thể quan hệ pháp luật dân sự. Theo tôi, chúng ta không thể nói lúc đầu là hộ gia đình, tổ hợp tác không còn được coi là các chủ thể pháp luật dân sự nữa, trong khi đó, vẫn giữ lại các quy định về hộ gia đình, tổ hợp tác ở các điều khác của Bộ luật.

Một vấn đề nữa mà tôi cũng có ý kiến liên quan đến mục Giám hộ. Bộ luật dân sự Việt Nam cũng có quy định cơ chế giám sát việc giám hộ nhưng không có quy định về thủ tục khởi kiện ra tòa án để giải quyết các tranh chấp về việc giám hộ. Khi đọc Bộ luật, chúng ta không biết tranh chấp về việc giám hộ sẽ được giải quyết như thế nào. Các bạn có quy định về vai trò của hội đồng gia tộc nhưng giải quyết như thế nào nếu có tranh chấp nảy sinh trong quá trình thực hiện việc giám hộ? Theo tôi, chỉ có sự can thiệp của thẩm phán mới cho phép giải quyết tranh chấp đó và do đó, các bạn nên quy định trong Bộ luật một cơ chế để tranh chấp có thể được đưa ra tòa án giải quyết.

Ông Đình Trung Tụng

Qua ý kiến của hai vị chuyên gia, liên quan đến các quyền nhân thân của cá nhân trong lĩnh vực thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai hộ, chuyển đổi giới tính, hiến ghép bộ phận cơ thể người, chúng ta thấy rằng đây là những quyền dân sự phải được bổ sung trong Bộ luật dân sự, kể cả vấn đề về cấm nhân bản người. Trong thực tế, khi trao đổi với các chuyên gia Việt Nam, cũng có ý kiến đề nghị quy định những vấn đề này trong các luật khác độc lập với Bộ luật dân sự, ví dụ Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân. Nhóm ý kiến này cho rằng dù đây cũng là những quyền dân sự nhưng vì các quyền này rất đặc thù, cần có quy định chi tiết nên phải quy định trong một văn bản khác. Trong thực tiễn của Việt Nam, các vấn đề này đang được đặt ra. Kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm để giúp đỡ các cặp vợ chồng hiếm muộn là một thành công của y học Việt Nam. Theo tôi được biết, Bệnh viện Từ Dũ của thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh của Hà Nội đã thực hiện thành công mấy chục trường hợp thụ tinh nhân tạo, mang lại hạnh phúc cho các cặp vợ chồng vô sinh. Tuy vậy, về mặt pháp lý, chưa có một văn bản nào ở tầm Chính phủ quy định về vấn đề đó. Do đó, trong thực tế, các bệnh viện tự đưa ra quy định, ký hợp đồng với các đương sự để thực hiện. Chính các cơ sở y tế đang đề nghị xây dựng một cơ sở pháp lý điều chỉnh vấn đề này. Trong thực tế hiện nay, cũng đã có trường hợp mang thai hộ, đó là trường hợp các đôi vợ chồng nhờ một người phụ nữ khác mang thai hộ vì người vợ không có khả năng mang thai, phôi được cấy vào cơ thể của người phụ nữ kia và sau khi sinh, đứa trẻ được trả lại cho cặp vợ chồng. Trường hợp này đặt ra những vấn đề rất phức tạp về mặt pháp lý. Tôi có tiếp xúc với Chánh án Tòa án thành phố Hồ Chí Minh và được biết rằng trong thực tế, có những trường hợp người phụ nữ mang thai hộ đến tòa án xin hủy hợp đồng mang thai hộ và sẵn sàng chịu bồi thường. Trên thế giới, những trường hợp này cũng xảy

ra nhưng pháp luật của một số nước quy định thẳng là cấm việc mang thai hộ vì đặt ra nhiều vấn đề pháp lý rất phức tạp. Còn về thụ tinh trong ống nghiệm thì nhiều nước cho phép thực hiện. Vấn đề nhân bản người đã trở thành một vấn đề toàn cầu và tôi nghe tin là Liên hợp quốc sắp có một nghị quyết về cấm nhân bản người. Một số nước cũng đã quy định điều đó trong luật. Tôi nghĩ là nhân lần sửa đổi này, Bộ luật dân sự Việt Nam cũng nên có một quy định thể hiện thái độ của Nhà nước đối với vấn đề sinh sản vô tính. Liên quan đến việc ghép nội tạng, lấy bộ phận cơ thể người, đang có nhu cầu thực sự được đặt ra. Việc cho thận, ghép thận đã được thực hiện trên thực tế. Điều 32 Bộ luật dân sự quy định tại khoản 4 như sau: "*Việc thực hiện phương pháp chữa bệnh mới trên cơ thể một người, việc gây mê, mổ, cắt bỏ, cấy ghép bộ phận của thân thể phải được sự đồng ý của người đó; nếu người đó chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc là bệnh nhân bất tỉnh, thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người thân thích của người đó m...*". Qua đó thấy rằng thực ra, vấn đề cho tạng, cấy ghép nội tạng cũng đã có cơ sở pháp lý mặc dù chưa thật rõ ràng. Vậy, có nên quy định rõ hơn vấn đề này trong Bộ luật dân sự sửa đổi để đáp ứng đòi hỏi của thực tế không? Có rất nhiều ý kiến khác nhau. Các cơ sở y tế cho rằng nếu việc lấy các bộ phận cơ thể, cấy ghép phải được sự đồng ý của bản thân đương sự hoặc nếu đương sự không thể hiện được ý chí của mình thì phải được sự đồng ý của thân nhân đương sự, thì quy định này sẽ bó chân bó tay giới y học, không làm cho khoa học phát triển được. Các bác sỹ muốn rằng trong một số trường hợp nào đó, họ có thể chủ động trong việc lấy bộ phận cơ thể người để nghiên cứu khoa học.

Liên quan đến các chủ thể là hộ gia đình, tổ hợp tác, pháp nhân, đây là một đặc thù của Việt Nam. Bộ luật dân sự quy định hộ gia đình, tổ hợp tác, thực chất không phải là pháp nhân và cũng không có tư cách cá nhân. Nhưng trong điều kiện của Việt Nam, vai trò của hộ gia đình, tổ hợp tác rất cần thiết và cũng là những động lực để phát triển kinh tế, xã hội, nhất là hiện nay, Việt Nam đang phát triển nhiều trang trại gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp và ở các địa phương, cũng xuất hiện rất nhiều tổ hợp tác. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định về hộ gia đình, tổ hợp tác gặp nhiều khó khăn vì điều 116 Bộ luật dân sự quy định chưa rõ về hộ gia đình. Phải hiểu thế nào là một hộ gia đình với tư cách là chủ thể quan hệ pháp luật dân sự? Điều 116 quy định: "*Những hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung để hoạt động kinh tế chung trong quan hệ sử dụng đất, trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và trong một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định, là chủ thể trong các quan hệ dân sự đó*". Như vậy, chưa có một khái niệm thế nào là hộ gia đình. Đây là một vướng mắc trong thực tiễn hiện nay. Do đó, cần phải cân nhắc nên bổ sung thêm hay đưa các quy định về hộ gia đình ra khỏi Bộ luật dân sự. Đối với tổ hợp tác, cũng đặt ra vấn đề tương tự như vậy.

Tóm lại, Bộ luật dân sự Việt Nam hiện nay quy định 4 loại chủ thể: cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác và pháp nhân. Thực ra, trong Luật thương mại, cũng có quy định 4 loại chủ thể này với tư cách là thương nhân nếu có đăng ký kinh doanh. Vì sao chúng tôi đặt vấn đề xem lại tư cách của hộ gia đình và tổ hợp tác? Khi tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học, chúng tôi nhận thấy nhiều ý kiến cho rằng giá trị áp dụng các quy định đó trong thực tiễn rất thấp. Tôi được biết Bộ luật dân sự Pháp chỉ quy định hai loại chủ thể chủ yếu là cá nhân và pháp nhân. Có một đối tượng khác đang được đề nghị cân nhắc để đưa vào Bộ luật dân sự như một loại chủ thể đặc biệt trong quan hệ dân sự, đó là Nhà nước, ví dụ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhất là

trong quan hệ bảo lãnh, cho vay vốn, nhận tài sản vô chủ vv... Khi xây dựng Bộ luật dân sự, vấn đề này đã được thảo luận và cho thấy rằng các quan hệ nói trên thường do một cơ quan nhà nước cụ thể thực hiện, ví dụ Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân vv... Các cơ quan này cũng là các pháp nhân trong quan hệ dân sự. Cho nên khái niệm Nhà nước ở đây chỉ các cơ quan nhà nước cụ thể có tư cách pháp nhân. Đề nghị hai vị chuyên gia cho biết thêm ý kiến về vai trò của Nhà nước trong quan hệ dân sự. Nhà nước, được hiểu là cả Nhà nước trung ương và chính quyền địa phương, có phải là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự không?

Ngài Bézard đặt ra một câu hỏi liên quan đến việc xác định tư cách pháp nhân, đó là:

một tổ chức muốn trở thành pháp nhân thì phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay có những loại pháp nhân không cần đăng ký? Điều 94 Bộ luật dân sự quy định các điều kiện để trở thành pháp nhân:

"Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận;*
- 2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;*
- 3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;*
- 4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập".*

Điều kiện thứ nhất cho thấy rằng pháp nhân phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Ví dụ, doanh nghiệp nhà nước phải do một cơ quan nhà nước ở trung ương, ví dụ một bộ, hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập. Đối với các doanh nghiệp tư như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thì phải tiến hành thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các quỹ xã hội phải được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận. Qua đó, tôi hiểu rằng một tổ chức có tư cách pháp nhân phải là một tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận (công nhận hiểu theo nghĩa rộng).

Như vậy, một tổ chức không phải là pháp nhân nếu không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Ông Pierre Bézard

Xin cảm ơn ông Tụng đã giải thích về việc xác định tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

Trên thực tế, ở Pháp, cũng có trường hợp Nhà nước tham gia quan hệ dân sự thông qua các doanh nghiệp đã đăng ký của mình. Ví dụ, hiện nay có các cơ quan quốc phòng bán trang thiết bị khí giới, các cơ quan này có một công ty được đăng ký và làm công tác giao dịch với nước ngoài. Do đó, trong phần lớn các trường hợp khi Nhà nước muốn làm kinh tế thì tham gia với tư cách là một pháp nhân thông thường.

Ở Pháp, các công ty bắt buộc phải được đăng ký trong sổ bộ thương mại. Đó là một cơ chế bảo đảm trong quan hệ với các bên thứ ba. Trong thực tiễn hiện nay của Pháp, có một vấn đề cần phải giải quyết liên quan đến các hiệp hội. Số lượng các hiệp hội hiện nay rất nhiều và thông thường, hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận. Nhưng càng ngày càng có nhiều hiệp hội tiến hành các hoạt động thương mại. Nhưng các hiệp hội này không phân chia lợi nhuận cho các thành

viên, đây là một điểm khác biệt giữa hiệp hội và công ty. Sự phát triển của các hiệp hội này đặt ra vấn đề bảo vệ người thứ ba. Và tôi nhận thấy rằng trong hoạt động thực tiễn của một thẩm phán như tôi, có những vấn đề đặt ra buộc Nhà nước Pháp đến một ngày nào đó phải nhanh chóng đưa ra quy định là một số hiệp hội phải được đăng ký. Việc đăng ký là một bảo đảm rất tốt đối với các bên thứ ba. Cần phải biết người đại diện hợp pháp của hiệp hội là ai, điều lệ của hiệp hội như thế nào để không bị nhầm lẫn trong giao dịch với hiệp hội đó.

Tôi có một nhận xét nữa liên quan đến điều 98 về trụ sở của pháp nhân. Điều này quy định: "*Nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân là trụ sở của pháp nhân. Pháp nhân có thể chọn nơi khác làm địa chỉ liên lạc*". Tôi nghĩ rằng quy định này đặt ra một số vấn đề, nhưng có thể chỉ là vấn đề thể hiện về mặt câu chữ. Tôi hiểu là thông thường, trụ sở của pháp nhân là nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân nhưng pháp nhân cũng có thể lựa chọn một nơi khác làm trụ sở. Theo cách hiểu đó thì cách thể hiện về mặt câu chữ tại điều 98 là có vấn đề vì quy định: "*Pháp nhân có thể chọn nơi khác làm địa chỉ liên lạc*". Tôi cho rằng "*địa chỉ liên lạc*" ở đây chỉ có thể là trụ sở của pháp nhân, nghĩa là trụ sở của pháp nhân có thể là nơi đặt cơ quan điều hành hoặc một nơi khác do pháp nhân lựa chọn. Nếu địa chỉ liên lạc không phải là trụ sở của pháp nhân thì sẽ đặt ra một số vấn đề vì trong quá trình tố tụng, các giấy tờ, tài liệu chỉ được tổng đạt đến nơi đặt trụ sở của pháp nhân. Mặc dù đây chỉ là một chi tiết nhỏ nhưng các bạn cũng cần xem lại để bảo vệ an toàn tốt nhất cho các bên thứ ba.

Ông Alain Lacabarats

Liên quan đến các chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đúng là trong hệ thống pháp luật của Pháp, chỉ có hai loại chủ thể: chủ thể thứ nhất là pháp nhân, bao hàm cả Nhà nước trung ương và các chính quyền địa phương, và chủ thể thứ hai là cá nhân. Chúng tôi không có loại chủ thể là hộ gia đình. Còn liên quan đến tổ hợp tác, chúng tôi coi đó là một loại công ty. Đạo luật năm 1947 quy định về việc hợp tác kinh doanh và tổ hợp tác được thành lập dưới hình thức công ty. Do đó, đối với tổ hợp tác, chúng tôi áp dụng các quy định của luật công ty. Về hộ gia đình, tôi hiểu rằng do đặc thù của Việt Nam nên đòi hỏi phải tiếp tục quy định hộ gia đình như một chủ thể quan hệ pháp luật dân sự. Khi nghiên cứu các quy định của Bộ luật dân sự của Việt Nam, tôi có cảm giác là trong một hộ gia đình, các thành viên luôn hòa thuận với nhau. Nhưng những thẩm phán chúng tôi luôn có một cách nhìn nhận khác, nghĩa là nhìn vào mặt tiêu cực của vấn đề để tiên lượng trước những trường hợp xảy ra tranh chấp. Trong khi đó, trong dự thảo Bộ luật hiện nay, tôi không thấy có quy định nào về việc giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của hộ gia đình. Theo quy định tại điều 117, chủ hộ giữ vai trò quan trọng vì là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự và có thể uỷ quyền cho thành viên khác làm đại diện của hộ gia đình trong quan hệ với các bên thứ ba. Nhưng sẽ giải quyết như thế nào nếu có tranh chấp xảy ra giữa các thành viên của hộ gia đình? Theo tôi, các bạn nên có quy định về vấn đề này, hoặc nếu không thì không quy định hộ gia đình là chủ thể quan hệ pháp luật dân sự nữa bằng cách lựa chọn phương án 1.

Ông Ty, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Hà Nội

Có nhiều ý kiến cho rằng không nên coi hộ gia đình và tổ hợp tác là chủ thể quan hệ pháp luật dân sự vì một số lý do sau đây:

Thứ nhất, cơ cấu của gia đình và tổ hợp tác không phải là cơ cấu bền vững mà tính ổn định của chúng chỉ là tương đối. Trong một gia đình có cha mẹ và các con, khi các con chưa đến tuổi trưởng thành thì còn gắn bó và trực tiếp phụ thuộc vào cha mẹ, nhưng khi các con đã đến tuổi thành niên thì cũng được hưởng đầy đủ các quyền nhân thân và quyền tài sản. Như vậy, những người con này không còn phụ thuộc hoàn toàn vào người đại diện gia đình nữa.

Tương tự như vậy đối với tổ hợp tác. Điều 128 của Bộ luật dân sự cũng quy định tổ viên tổ hợp tác, khi cần, có thể ra khỏi tổ hợp tác và khi đó, họ cũng được thanh toán phần tài sản mình đã đóng góp vào tổ hợp tác. Qua đó, có thể thấy tổ hợp tác cũng không đảm bảo được tính ổn định.

Chính vì thế sẽ phát sinh hai tình trạng khác nhau. Một là, nếu người chủ gia đình thực hiện quyền đại diện của mình để quyết định về một vấn đề tài sản trong gia đình thì đương nhiên, điều này xâm phạm đến quyền định đoạt của các thành viên đã thành niên khác của gia đình. Ngược lại, nếu tôn trọng quyền định đoạt của các thành viên đó thì lại phủ nhận quyền định đoạt của người chủ gia đình.

Xin lấy một ví dụ cụ thể ở Hà Nội. Có một ngôi nhà mà giấy chứng nhận sở hữu mang tên người bố trong một gia đình có hai người con. Hai vợ chồng cùng người con lớn bàn với nhau bán ngôi nhà họ đang ở đi để mua một mảnh đất khác rẻ hơn. Nhưng người con út không đồng ý và nhất định đòi giữ lại phần của mình, dù chỉ là vài mét vuông. Cuối cùng, việc bán nhà không thể giải quyết được. Theo quy định pháp luật Việt Nam, trong các trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu các tài sản như vậy, bắt buộc các thành viên trong gia đình đều phải ký chấp thuận.

Như vậy, nếu pháp luật bảo vệ quyền định đoạt của các thành viên thì quyền đại diện của chủ hộ gia đình, tổ trưởng tổ hợp tác bị triệt tiêu. Ngược lại, nếu bảo vệ quyền đại diện của người đại diện hộ gia đình, tổ hợp tác thì lại ảnh hưởng đến quyền định đoạt về nhân thân, về tài sản của các thành viên trong hộ gia đình, tổ hợp tác.

Do đó, qua thực tế công tác, tôi có thể rút ra kết luận rằng việc coi hộ gia đình, tổ hợp tác là những chủ thể trong giao kết dân sự là không hợp lý.

Bà Trần Minh Huệ

Tôi đã lắng nghe rất nhiều ý kiến của các chuyên gia Pháp cũng như chuyên gia Việt

Nam. Tôi thấy nhiều ý kiến rất có tính thuyết phục, trong đó có cả cơ sở thực tiễn và cơ sở lý luận.

Tuy nhiên với tư cách là giảng viên, người làm công tác nghiên cứu, là thành viên trong buổi tọa đàm này, tôi xin có một vài ý kiến như sau.

Sáng nay, hai chuyên gia nói về phạm vi và đối tượng điều chỉnh trong Bộ luật dân sự Việt Nam. Trên thực tế, Bộ luật dân sự Việt Nam có hiệu lực đã được hơn sáu năm. Thời gian để kiểm nghiệm, đánh giá Bộ luật có thể nói là chưa đủ dài, nhưng cũng đủ để đưa ra những đánh giá mang tính cơ bản.

Thứ nhất, chúng tôi cho rằng những quy định của Bộ luật dân sự đã trở thành một chuẩn mực pháp lý cho tất cả các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ dân sự để đảm bảo các quyền và lợi

ích hợp pháp của mình. Hai là, thực ra các quy định của Bộ luật dân sự đã trở thành cơ sở pháp lý để cho các cơ quan tòa án giải quyết các tranh chấp.

Qua trao đổi chuyên môn của tổ bộ môn, chúng tôi có ý kiến thứ nhất về phạm vi điều chỉnh. Mặc dù Bộ luật dân sự Việt Nam ra đời rất muộn so với Bộ luật dân sự của nhiều nước trên thế giới, nhưng thực ra Bộ luật này đã được thai nghén từ cách đây 50 năm. Riêng về thời gian chuẩn bị cũng phải là 15 năm, kể từ năm 1980. Điều này chứng tỏ rằng Bộ luật đã tập trung được trí tuệ của các nhà làm luật và thể hiện được những nỗ lực tìm tòi, học hỏi và sàng lọc các kỹ thuật lập pháp cũng như kinh nghiệm lập pháp của một số nước anh em. Bởi vậy, tất cả các quan hệ đã được dự liệu trong Bộ luật dân sự đều hết sức cần thiết và hợp lý. Thậm chí, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi còn thấy thiếu nhiều chứ không phải là thừa.

Ví dụ, vừa rồi ông Tụng có quan tâm đến vấn đề Nhà nước có tư cách chủ thể trong quan hệ dân sự hay không. Theo chúng tôi thì nên để Nhà nước là một chủ thể đặc biệt vì thực tế, Nhà nước tồn tại với tư cách chủ thể trong quan hệ về quyền sở hữu của Nhà nước, trong quan hệ cho vay hoặc đi vay vv... Vậy, tại sao không quy định Nhà nước trong Bộ luật dân sự với tư cách là chủ thể?

Một số ý kiến cho rằng nên bỏ chủ thể là hộ gia đình và tổ hợp tác. Tôi thấy rằng nếu lược bỏ tư cách chủ thể của hộ gia đình thì đương nhiên, phải triệt tiêu mọi hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trong quy định về quyền sử dụng đất. Tôi cho rằng khi một quan hệ đã tồn tại khách quan thì phải có quy phạm điều chỉnh. Nếu triệt tiêu nó thì khi tranh chấp xảy ra, chúng ta có thể xác định chủ thể là ai để điều chỉnh, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ?

Đó là đối với hộ gia đình. Tôi cũng có một cân nhắc đối với tổ hợp tác. Chúng ta dự liệu tổ hợp tác có tư cách chủ thể quan hệ pháp luật dân sự nhưng trên thực tế, tổ hợp tác tồn tại không nhiều so với hộ gia đình. Đúng là độ ổn định của tổ hợp tác không cao, phạm vi hoạt động không lớn, cho nên chúng ta phải cân nhắc xem có nên quy định tổ hợp tác trong Bộ luật dân sự không.

Vấn đề tiếp theo liên quan đến chế định tuyên bố mất tích và tuyên bố chết. Khi nghiên cứu Bộ luật dân sự của Cộng hòa Pháp, chúng tôi thấy có quy định chế định về tuyên bố mất tích mà lại không có quy định về tuyên bố chết. Trong khi đó, Bộ luật dân sự của Việt Nam quy định cả về tuyên bố mất tích và tuyên bố chết. Đây là chế định rất đặc biệt, vì tuyên bố một người đã chết hay đã mất tích là hoàn toàn dựa trên nguyên tắc suy đoán. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng thời hạn tuyên bố mất tích càng dài thì kết luận người đó đã chết càng chính xác hơn, nhưng tôi không thấy quy định nào của Pháp về tuyên bố chết. Vậy, tôi muốn hỏi các chuyên gia lý do vì sao trong Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa Pháp chỉ quy định chế định tuyên bố mất tích mà không quy định chế định tuyên bố chết?

Tiếp theo là về chế định giám hộ. Hiện nay, Bộ luật dân sự Việt Nam có quy định về việc giám hộ, trong đó có giám hộ đối với người chưa thành niên, đặc biệt là người chưa thành niên dưới 15 tuổi. Hiện nay có hai quan điểm. Có quan điểm cho rằng cha mẹ phải là người giám hộ cho con chưa thành niên. Nhưng quan điểm của chúng tôi cho rằng cha mẹ không phải là người giám hộ cho con chưa thành niên.

Buổi tọa đàm này là cơ hội tốt để chúng ta cùng thảo luận và tranh thủ ý kiến của các chuyên gia. Chúng tôi muốn biết ở Pháp có quan niệm cha mẹ là người giám hộ cho con chưa thành niên không?

Ông Ngô Thuận, Thẩm phán Tòa án tỉnh Bắc Giang

Về hộ gia đình và tổ hợp tác, trong quá trình xét xử, chúng tôi cũng đã gặp nhiều trường hợp. Việc xét xử các vụ việc như vậy đều rất phức tạp. Chúng tôi cho rằng đây là những chủ thể không được bền vững. Ví dụ, sau khi thụ lý đơn kiện, giả sử một hộ gia đình gồm ba thành viên mà một thành viên đang ở nơi khác, không còn ở địa phương đó nữa thì phải giải quyết như thế nào? Khi giải quyết các vụ việc đó, chúng tôi phải lấy lời khai mà nếu có thành viên đang ở nước ngoài thì vụ việc lại thuộc thẩm quyền của tòa án tỉnh. Trong quá trình điều tra, lấy lời khai, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, tôi nghĩ rằng trong Bộ luật dân sự tới đây, nên quy định chủ thể chỉ gồm pháp nhân và cá nhân. Còn về tổ hợp tác, vì cơ cấu của nó không bền vững nên nếu chuyển được thành pháp nhân thì chuyển thành pháp nhân, còn nếu không thì không quy định nó với tư cách là chủ thể nữa.

Ông Hiếu

Tôi đang đọc Bộ luật dân sự Pháp, trong đó ngoài pháp nhân và thể nhân, tôi còn thấy khái niệm về "*công ty dự phần*" (từ điều 1871 đến điều 1873). Công ty này có theo thỏa thuận của các thành viên nhưng không cần đăng ký. Khi đọc những quy định đó, tôi có cảm tưởng công ty này một phần giống với tổ hợp tác (vì có thỏa thuận của các bên), một phần lại giống với hộ gia đình của Việt Nam (vì không phải đăng ký). Vậy, đề nghị các chuyên gia giải thích thêm cho chúng tôi về loại hình công ty này.

Ông Alain Lacabarats

Tôi xin trả lời một số câu hỏi đã được đặt ra.

Thứ nhất, liên quan đến Nhà nước, Nhà nước không phải là một pháp nhân thuộc lĩnh vực luật tư. Nhà nước trung ương và tất cả các cơ quan chính quyền địa phương đều là những pháp nhân thuộc lĩnh vực luật công. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản việc các pháp nhân đó thực hiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp một số công việc với danh nghĩa như một doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của luật tư. Gián tiếp là có thể thông qua các doanh nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp này, về quy chế, là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực luật tư nhưng được hưởng một số đặc quyền của Nhà nước.

Vấn đề tiếp theo là tuyên bố mất tích. Một đại biểu nói rằng pháp luật Pháp quy định chế định tuyên bố mất tích mà không có tuyên bố chết. Trên thực tế, khi một quyết định tuyên bố mất tích đã được công bố theo quy định, thì quyết định đó được ghi vào sổ khai tử. Như vậy, tuyên bố mất tích ở đây có giá trị như giấy báo tử. Nếu vì lý do nào đó mà người bị tuyên bố mất tích trở về thì chúng tôi sẽ hủy quyết định tuyên bố mất tích giống như quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam. Ngoài vấn đề hủy tuyên bố mất tích, hay "tuyên bố chết" theo như quy định của Việt Nam, còn có vấn đề là nếu trong thời gian đó, người vợ hoặc chồng còn lại kết hôn với người khác thì lần kết hôn này vẫn có hiệu lực. Như vậy, chế độ một vợ một chồng vẫn được bảo đảm.

Tiếp theo là vấn đề giám hộ. Pháp luật Pháp quy định đối với con chưa thành niên (dưới 18 tuổi), ngoài các quyền chung của cha mẹ đối với con cái, cha mẹ còn có quyền quản lý tài sản của con. Công việc này cũng giống như công việc của người giám hộ nhưng không được gọi là "giám hộ" mà là "*đại diện theo pháp luật*". Pháp luật Pháp có một quy định đặc biệt là trong trường hợp cha hoặc mẹ chết thì khi người cha hoặc mẹ còn sống thay mặt con thực hiện một giao dịch rất quan trọng thì giao dịch đó phải được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của tòa án. Vấn đề giám hộ đối với trẻ em vị thành niên chỉ đặt ra khi cả cha và mẹ của đứa trẻ đó đã chết. Khi đó, người giám hộ có thể là một cơ quan, tổ chức hay một người nào đó trong gia đình, đương nhiên không phải là cha mẹ của đứa trẻ vì họ đã chết rồi. Việc giám hộ cũng được đặt ra đối với những người đã đến tuổi thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự. Trong mọi trường hợp, việc giám hộ đều được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của một thẩm phán của tòa án. Đây là một quy định hết sức quan trọng trong pháp luật Pháp.

Chúng ta cũng đã nói nhiều về hộ gia đình. Thực ra, khái niệm "*bộ gia đình*" cũng tồn tại trong pháp luật Pháp. Nói cụ thể hơn, pháp luật Pháp công nhận sự tồn tại của gia đình tại điều 215 và các điều tiếp theo của Bộ luật dân sự Pháp. Nhưng điều quan trọng là Bộ luật dân sự của Pháp còn có một loạt các quy định nhằm giải quyết các tranh chấp trong nội bộ gia đình, trong đó có quy định về việc tòa án can thiệp để cho phép vợ hoặc chồng thực hiện một hành vi mà lẽ ra người chồng hoặc vợ kia phải cho phép nhưng trên thực tế lại không cho phép. Giả sử các bạn giữ lại hộ gia đình như một chủ thể quan hệ pháp luật dân sự thì các bạn cũng phải quy định cơ chế giải quyết các tranh chấp có thể phát sinh trong nội bộ gia đình. Khi đọc dự thảo Bộ luật dân sự của Việt Nam, tôi không thấy quy định nào như vậy. Chúng ta phải quy định cơ chế giải quyết không chỉ các tranh chấp phát sinh giữa hộ gia đình với các bên thứ ba mà còn cả các tranh chấp trong bản thân nội bộ mỗi gia đình như trong ví dụ một đại biểu vừa nêu ra.

Ông Pierre Bézard

Tôi xin trả lời câu hỏi liên quan đến loại hình công ty dự phần mà có đại biểu cho là giống với tổ hợp tác hay hộ gia đình theo quy định pháp luật Việt Nam.

Bộ luật dân sự của Pháp có một số quy định mà hình như Bộ luật dân sự Việt Nam không có, đó là các quy định về hợp đồng công ty. Chúng tôi có định nghĩa thế nào là hợp đồng công ty và sau đó, quy chiếu đến các luật chuyên ngành (Luật thương mại, Luật công ty...) để phân biệt các loại hình công ty khác nhau. Bộ luật dân sự Pháp phân biệt các công ty thành loại hình cơ bản: công ty dân sự và công ty dự phần, trong đó, các công ty dân sự được điều chỉnh trong Bộ luật dân sự.

Vậy, công ty dự phần là gì? Tuy có một số điểm giống với hộ gia đình như anh đã nói,¹ nhưng trên thực tế, lại rất khác nhau. Công ty dự phần chính là một loại hình tổ chức không công khai. Ví dụ, các bạn gồm có ba người cùng thỏa thuận và đi đến thống nhất thành lập một công ty để cùng nhau làm ăn. Nhưng các bạn lại không muốn lộ diện. Đây là trường hợp có thể xảy ra trên

¹ Pháp luật Pháp quy định tất cả các công ty dân sự và thương mại đều có tư cách pháp nhân, trừ công ty dự phần.

thực tế, ví dụ như với các công chức nhà nước, trong đó một người có thể đứng ra công khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, còn hai người kia thì hoàn toàn ẩn danh. Công ty của họ rõ ràng là tồn tại nhưng tồn tại một cách không công khai. Công ty này cũng có điều lệ, cũng có đăng ký kinh doanh. Nhưng trong sổ đăng ký kinh doanh chỉ ghi tên người đứng tên công khai, còn những thành viên kia thì không hề xuất hiện. Như vậy, công ty dự phần không giống như hộ gia đình.

Điều làm tôi băn khoăn là hộ gia đình, với cơ cấu là một gia đình, có những đặc trưng riêng. Vấn đề về hộ gia đình không chỉ liên quan đến tài sản trong gia đình. Ví dụ mà một đại biểu nêu ra về sự bất đồng trong việc định đoạt một tài sản trong gia đình, chỉ là một trường hợp dễ hiểu. Các thành viên trong gia đình còn có quan hệ với những người thứ ba trong một số hoạt động. Vậy, có nên công nhận hộ gia đình như một chủ thể không? Theo tôi, nếu làm như vậy thì các bạn có thể gặp phải vấn đề liên quan đến cơ cấu của hộ gia đình. Làm như vậy là các bạn đã công nhận tư cách chủ thể cho một loại hình "tổ chức" có cơ cấu không chặt chẽ, đối lập với các loại hình tổ chức mà tôi vừa trình bày ở trên. Một tổ chức chỉ có tư cách chủ thể quan hệ pháp luật dân sự khi có một cơ cấu tổ chức nhất định, có đại diện thực sự vv...

Cuối cùng, tôi có một nhận xét về quy định trong dự thảo liên quan đến việc thành lập lại pháp nhân (điều 109): "*Pháp nhân đã bị giải thể, bị tuyên bố phá sản có thể được thành lập lại theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*". Tiếp theo, khoản 2 quy định: "*Sau khi thành lập lại, pháp nhân tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của pháp nhân*". Trong phần chú giải, các bạn nói rằng quy định như vậy không phù hợp với thực tế. Ngược lại, tôi lại thấy quy định này rất phù hợp với thực tế. Trong quá trình công tác, tôi đã thấy nhiều công ty đã được giải thể nhưng vô tình hoặc cố tình "quên" trả một số khoản nợ. Một thời gian sau ngày công ty tuyên bố giải thể, các chủ nợ mới biết tin và tiến hành kiện đòi thanh toán nợ. Nếu chủ nợ chứng minh được khoản nợ thì tòa án sẽ tuyên bố khôi phục lại pháp nhân đã giải thể kia để nhằm mỗi mục đích là thanh toán nốt các khoản nợ đó. Nói cách khác theo như quy định trong dự thảo của các bạn, có thể đặt vấn đề thành lập lại pháp nhân để giải quyết nốt vấn đề nợ nần của pháp nhân đó. Sau đó, pháp nhân lại bị xóa sổ.

Ông Nguyễn Văn Bình

Trong câu hỏi về tuyên bố mất tích và tuyên bố chết, vấn đề đặt ra là vấn đề thuật ngữ. Về vấn đề này, phải nói là thuật ngữ của Pháp chính xác hơn thuật ngữ của luật Việt Nam. Trong luật Việt Nam, chúng ta gọi là "*tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú*", còn trong thuật ngữ pháp luật dân sự của Pháp gọi là "*suy đoán vắng mặt tại nơi cư trú*". Đây mới chỉ là suy đoán. Còn trong khi luật Việt Nam nói là "*tuyên bố mất tích*", khi dịch sang tiếng Pháp cho các chuyên gia Pháp, chúng tôi phải sử dụng cụm từ "*tuyên bố vắng mặt*". Còn đến phần tuyên bố chết trong pháp luật của Việt Nam, thực ra chưa khẳng định được là đối tượng đã chết nên chúng tôi phải dịch thành "*tuyên bố mất tích*". Xét về hệ quả pháp lý, quyết định tuyên bố mất tích của Việt Nam không kéo theo việc ghi vào sổ khai tử. Vậy, ở đây có vấn đề về thuật ngữ chứ không phải là pháp luật của Pháp không có chế định tương đương. Tôi phải giải thích thêm vì ở đây tuy chữ dùng khác nhau nhưng thực ra, nội hàm lại giống nhau.

Ông Đinh Trung Tụng

Tiếp theo, tôi đề nghị các chuyên gia tiếp tục giới thiệu, phân biệt về pháp nhân dân sự, pháp nhân thương mại và pháp nhân hành chính. Có ý kiến cho rằng quy định về pháp nhân trong Bộ luật dân sự còn rất chung chung, chưa tập trung vào được các đặc điểm của pháp nhân dân sự. Nhiều người cho rằng nên tập trung vào pháp nhân dân sự chứ không nên đi quá rộng như trong Bộ luật dân sự hiện nay.

Hai là, có đại biểu đã đề nghị nói rõ thêm về quyền nhân thân của cá nhân, của pháp nhân. Đây cũng là vấn đề đã được quy định trong Bộ luật dân sự nhưng chỉ dừng lại ở các quy định chung.

Trong phần tiếp theo, các chuyên gia sẽ trao đổi với chúng ta về phần chiếm hữu trong Bộ luật dân sự, nhất là việc chiếm hữu bởi những người không phải là chủ thể sở hữu. Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề này trở nên rất quan trọng nhằm phát huy hết năng lực, hiệu quả trong việc khai thác tài sản để phát triển nền kinh tế.

Pháp luật Việt Nam quy định quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Một số chuyên gia nước ngoài cho rằng quy định như vậy chưa thật phù hợp với thông lệ quốc tế, với pháp luật của một số nước, đặc biệt là các nước phát triển có truyền thống pháp luật dân sự. Nhiều nước tách quyền chiếm hữu ra khỏi quyền sở hữu và quyền chiếm hữu được phát triển, quy định chi tiết, cụ thể hơn. Chúng tôi cũng muốn được nghe bình luận của các chuyên gia về vấn đề này.

Ông Pierre Bézard

Thứ nhất, về việc phân biệt các loại pháp nhân, tôi xin trình bày ngắn gọn theo quy định pháp luật Pháp. Trong số các pháp nhân được công nhận ở Pháp, loại pháp nhân có số lượng đông nhất và giữ vai trò quan trọng nhất là các pháp nhân công ty. Pháp có tới vài trăm nghìn công ty, đại đa số các hoạt động trong xã hội ở Pháp cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới, đều được thực hiện bởi các công ty. Đó có thể là các hoạt động hành nghề tự do, hoạt động sản xuất hay kinh doanh vv... Vì lý do thu thuế và để đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, các quy định về cơ cấu tổ chức của công ty có một vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống pháp luật của các nước phương Tây. Theo quy định của pháp luật Pháp, mọi vấn đề liên quan đều được giải quyết trong Bộ luật dân sự. Bộ luật dân sự quy định tại điều 1832 và các điều tiếp theo về hợp đồng công ty và một số nguyên tắc cơ bản về luật công ty. Công ty do hai hoặc nhiều người thành lập trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng để sử dụng tài sản hoặc công sức của mình vào việc kinh doanh chung nhằm phân chia lợi nhuận. Gần đây, pháp luật Pháp đã quy định thêm một loại hình công ty mới chỉ có duy nhất một thành viên.

Chúng tôi phân biệt giữa công ty dân sự và công ty thương mại. Công ty dân sự được điều chỉnh trong Bộ luật dân sự. Trên thực tế, công ty dân sự là những công ty "đóng", nghĩa là được thành lập dựa trên mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành viên. Trong điều kiện đó, các quy định pháp luật cũng phải phù hợp, mà trước hết là phù hợp với cơ cấu "đóng" của công ty. Ví dụ, công ty dân sự không được gọi vốn từ bên ngoài. Dấu hiệu phân biệt cơ bản là ở chỗ trách nhiệm của các thành viên công ty "đóng" là trách nhiệm cá nhân, nghĩa là trong trường hợp công ty mắc nợ mà không thanh toán được nợ thì thông thường, chủ nợ sẽ phải đến công ty đòi nợ, nhưng nếu

công ty không còn khả năng thanh toán thì chủ nợ có thể quay lại đòi nợ trực tiếp từ các thành viên.

Ngoài ra, còn có các công ty thương mại. Các công ty thương mại không được điều chỉnh trong Bộ luật dân sự mà do Bộ luật thương mại điều chỉnh. Công ty thương mại có thể có cơ cấu "đóng" giống như công ty dân sự, hoặc cơ cấu "mở". Công ty có cơ cấu "mở" là các công ty có thể gọi vốn công khai từ bên ngoài, có thể phát hành trái phiếu. Công ty thương mại có thể có cơ cấu là một công ty rất nhỏ, trung bình hoặc rất lớn (ví dụ, các công ty cổ phần thường có cơ cấu rất lớn).

Vậy, làm thế nào để phân biệt công ty dân sự và công ty thương mại? Sự phân biệt ở đây dựa vào hoạt động được tiến hành. Nếu hoạt động mang tính thương mại thì đó là công ty thương mại. Khái niệm "*hoạt động thương mại*" được định nghĩa trong Bộ luật thương mại, gồm hoạt động sản xuất, phân phối và dịch vụ. Theo tiêu chí đó thì hầu như tất cả các hoạt động kinh tế đều chịu sự điều chỉnh của luật thương mại. Quy định về công ty thương mại của Pháp rất chặt chẽ vì chúng tôi cho rằng hoạt động thương mại có nhiều rủi ro cho người thứ ba nên pháp luật phải có quy định chặt chẽ nhằm bảo vệ họ.

Vậy, hoạt động dân sự là gì? Khoản 2 điều 1845 quy định: "*Tất cả những công ty mà căn cứ vào hình thức, bản chất hoặc mục đích của công ty, pháp luật không thể quy về một loại công ty khác, đều là công ty dân sự*". Ví dụ, hoạt động xây dựng (có thể có những trường hợp ngoại lệ, nhưng về nguyên tắc thì hoạt động xây dựng không phải là hoạt động trung mua), hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động hành nghề tự do (luật sư, bác sĩ, kiến trúc sư...).

Tuy nhiên, giờ đây việc phân biệt công ty dân sự với công ty thương mại đang gây rất nhiều tranh cãi. Từ nhiều năm nay, tôi đã cho rằng việc phân biệt như vậy không còn hợp lý nữa. Sự phân biệt như vậy chỉ đúng trong giai đoạn trước đây, khi mà trong một thời gian dài, chúng tôi cho rằng hoạt động thương mại là một loại hoạt động "nguy hiểm" cho người tiến hành và cho cả đối tác, do đó cần phải được quản lý chặt chẽ. Đó là nguyên nhân ra đời của sổ đăng ký kinh doanh, các quy định về cấm thực hiện hành vi kinh doanh, về thủ tục xử lý phá sản doanh nghiệp vv... Trong khi đó, công ty dân sự được hiểu là doanh nghiệp của những người sản xuất nông nghiệp hay hoạt động "đơn giản" như mua bán một bất động sản nào đó vv... Nói cách khác, đó là những hoạt động không có khó khăn trong việc quản lý.

Nhưng trên thực tế từ nhiều năm trở lại đây, chúng tôi đã gặp phải rất nhiều khó khăn, bất cập trong việc quản lý các giao dịch liên quan đến bất động sản. Vì lý do đó, các nhà làm luật Pháp đã đưa ra nhiều quy định về nguyên tắc hoạt động của các công ty dân sự, trong đó đưa ra cả một số quy định mà trước đây chỉ được áp dụng cho các doanh nghiệp thương mại. Mặt khác, pháp luật cũng đã cho phép áp dụng thủ tục xử lý phá sản doanh nghiệp đối với các công ty dân sự. Các bạn có thể thấy là hai hệ thống này đã xích lại gần nhau đáng kể.

Vấn đề đặt ra là phân biệt "dân sự" - "thương mại" như vậy để làm gì? Trong khi cơ cấu của hai loại hình công ty này đã có nhiều thay đổi và ngày càng giống nhau hơn. Mặt khác, thủ tục xử lý phá sản doanh nghiệp cũng được áp dụng chung cho cả hai loại công ty. Phải chăng việc phân biệt như vậy chỉ vì thẩm quyền xét xử các tranh chấp liên quan đến hai loại hình công ty này khác

nhau (chúng tôi có Tòa án thương mại sơ thẩm chuyên xét xử sơ thẩm các tranh chấp thương mại).

Ông Lê Kim Quế

Sự phân biệt như vậy ở Việt Nam có thể nói là chưa có, hay chính xác hơn là chưa rõ ràng. Ví dụ, chúng tôi vừa có một Pháp lệnh mới về luật sư, trong đó đặt ra vấn đề xác định đoàn luật sư thuộc loại hình gì? Có người cho rằng đó là một "hội", có người cho rằng đó là một "tổ chức" vv... Nhưng nếu áp dụng quy chế của luật doanh nghiệp thì chúng tôi cho là không đúng, vì luật doanh nghiệp quy định về các doanh nghiệp kinh doanh, doanh nghiệp thương mại chứ không phải là các tổ chức nghề nghiệp. Qua đó, có thể nói rằng ở Việt Nam, chưa có khái niệm về pháp nhân dân sự nghề nghiệp. Hiện nay mới chỉ có Luật doanh nghiệp, mà nhiều người hiểu rằng Luật này được áp dụng cả với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, trong đó có đoàn luật sư. Với tư cách là luật sư, chúng tôi không đồng ý với quan điểm đó.

Nhưng hiện nay, chưa có văn bản nào quy định chung về các tổ chức dân sự nghề nghiệp.

Ông Phạm Công Lạc, giáo viên Đại học Luật Hà Nội

Vừa rồi ông có đề cập đến thể loại "công ty đóng" và "công ty mở". Vậy xin ông giải thích thể nào là "đóng", thể nào là "mở"?

Ông Pierre Bézard

Trước hết liên quan đến lời bình luận của ông Chủ nhiệm đoàn luật sư, như tôi đã nói, một số nước không bắt buộc các tổ chức nghề nghiệp phải được thành lập dưới hình thức công ty thương mại, đặc biệt đối với hoạt động của luật sư, cần phải có cơ cấu tổ chức gắn với công ty dân sự hơn là công ty thương mại.

Về câu hỏi liên quan đến công ty "đóng" và công ty "mở", tôi có thể nói rằng trong thực tiễn hoạt động kinh tế ở một số nước, có một sự phân biệt mang tính cơ bản là phân biệt giữa loại hình công ty "đóng" với loại hình công ty "mở".

Công ty "mở" là công ty có thể gọi vốn từ bên ngoài dưới hình thức gọi vốn công khai, thông qua đầu tư của ngân hàng hoặc phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán. Trong trường hợp đó, bắt buộc phải thành lập công ty cổ phần. Quy chế công ty cổ phần được quy định cụ thể nhất, chặt chẽ nhất nhằm tránh các bất cập hay lạm dụng đối với những người đầu tư chứng khoán.

Công ty "đóng" là công ty có một số lượng thành viên giới hạn. Đó có thể là công ty hợp danh (hay còn gọi là công ty đối nhân), công ty trách nhiệm hữu hạn hay cả công ty cổ phần vì có công ty cổ phần gọi vốn công khai nhưng một số khác lại là công ty "đóng" vì họ không thích gọi vốn đầu tư từ bên ngoài.

Như vậy, việc công ty có gọi vốn công khai hay không chính là tiêu chí để xác định một công ty là "đóng" hay "mở".

Ông Lê Kim Quế

Tôi xin có thêm một câu hỏi về tổ chức nghề nghiệp mà chính xác ở đây là về tổ chức nghề nghiệp luật sư. Tôi biết rằng ở Pháp, đã nhập nghề tư vấn pháp luật với nghề luật sư. Từ đó, cũng có nhiều hình thức hành nghề. Hiện nay, ở Việt Nam chỉ chấp nhận hai hình thức: hoặc là văn phòng luật sư, hoặc là công ty luật hợp danh, mà hai hình thức đó giống nhau ở chỗ là cùng chịu trách nhiệm vô hạn.

Tôi thấy rằng ở Pháp có rất nhiều hình thức hành nghề tự do, trong đó có cả các tổ chức trách nhiệm hữu hạn. Chúng tôi đã thảo luận nhiều về vấn đề này, nhưng cuối cùng Pháp lệnh luật sư đã xác định là các tổ chức hành nghề luật sư phải chịu trách nhiệm vô hạn.

Vậy, tại sao ở Pháp, một số tổ chức hành nghề tự do lại chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn?

Ông Pierre Bézard

Pháp quy định nhiều hình thức hành nghề khác nhau, có thể là hành nghề độc lập, có thể là hành nghề theo hình thức công ty. Nhưng phổ biến nhất phải kể đến vẫn là các công ty dân sự nghề nghiệp với cơ chế trách nhiệm hữu hạn như các công ty dân sự nghề nghiệp khác.

Nếu có thể xin ông hãy nêu rõ câu hỏi liên quan đến dự thảo và tôi xin trả lời cụ thể hơn.

Bà Vũ Minh Hồng

Tôi rất tâm đắc chương về pháp nhân của Bộ luật dân sự. Qua quá trình nghiên cứu, tôi thấy Bộ luật dân sự của hai quốc gia là Thái Lan và Kê-béc có chương pháp nhân mô tả những vấn đề mà chương pháp nhân trong Bộ luật dân sự Việt Nam không có. Chương pháp nhân của Bộ luật dân sự Việt Nam chỉ nói đến một vài khái niệm, sau đó phân chia các loại pháp nhân, sự phân chia này chưa được chuẩn xác lắm. Trong khi đó, Bộ luật dân sự Thái Lan và Bộ luật dân sự Kê-béc (Ca-na-đa) có những quy định rất sâu sắc, làm cơ sở cho hoạt động của các tổ chức tìm kiếm lợi nhuận hay không tìm kiếm lợi nhuận. Đại diện của pháp nhân rất được chú trọng. Ví dụ, tài sản riêng của người đại diện phải được phân biệt rõ ràng với tài sản của pháp nhân.

Trong chương pháp nhân, quy định rất rõ về vấn đề hội, tức là các tổ chức không tìm kiếm lợi nhuận, thậm chí có cả quy tắc về điều lệ mẫu. Bộ luật dân sự Việt Nam không miêu tả rõ điểm này. Bộ luật dân sự của Thái Lan là nước láng giềng với Việt Nam, cũng có nền văn hoá lúa nước như Việt Nam, quy định rõ hai loại pháp nhân không tìm kiếm lợi nhuận, gồm "hội" (tổ chức có thành viên đóng phí) và "quỹ" (không phải là "Fond" mà là "Fondation"). Họ quy định rất rõ về cơ cấu, tính chất, hoạt động của các tổ chức này. Quy định như vậy góp phần xây dựng môi trường pháp lý cho các pháp nhân không kinh doanh nhưng cũng là một nguồn lực để phát triển xã hội.

Đại biểu

Tôi có hai câu hỏi nhỏ liên quan đến cá nhân.

Một là, trong Bộ luật dân sự Việt Nam có cả một mục, từ điều 26 đến điều 47 quy định về quyền nhân thân của cá nhân. Trong quá trình sửa đổi đã có nhiều ý kiến tranh cãi, người thì cho rằng như thế là nhiều quá, người thì cho rằng vẫn chưa đủ. Khi đọc Bộ luật dân sự Pháp, tôi chưa thấy quy định về quyền nhân thân ở đâu cả, hoặc là tôi chưa tìm ra. Vậy, đề nghị chuyên gia chỉ giúp.

Hai là, chuyên gia nói rằng việc quản lý giám hộ bên Pháp do tòa án đảm nhận chứ không phải là Ủy ban nhân dân như ở Việt Nam. Quy định như vậy có những điểm lợi gì so với quy định của Việt Nam?

Ông Pierre Bézard

Trong Bộ luật dân sự Pháp, cũng không có nhiều quy định về vấn đề mà đại biểu thứ nhất đã đề cập. Vấn đề hội hay tổ chức được quy định trong các văn bản riêng. Bộ luật dân sự có quy định về công ty nhưng chỉ giải quyết vấn đề hợp đồng công ty. Có quy định về công ty nhưng không quy định về các loại hình pháp nhân khác. Nói như vậy không phải là không nên quy định như Bộ luật dân sự của Thái Lan. Chúng ta có thể đưa ra một quy định đơn giản rằng có hai loại hình pháp nhân khác nhau, một loại hoạt động vì lợi nhuận, tức là các công ty, còn loại kia hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, đồng thời, đưa ra định nghĩa về mỗi loại pháp nhân này. Nhưng cũng phải lưu ý rằng về nguyên tắc, hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng không phải là không có lợi nhuận. Ví dụ, Hội thể thao có thể thu được rất nhiều lợi nhuận. Điểm khác nhau giữa hội và công ty là hội không chia lợi nhuận thu được cho các thành viên.

Ông Alain Lacabarats

Liên quan đến quyền nhân thân của cá nhân, trên thực tế ở Pháp, khái niệm quyền nhân thân là do các nhà nghiên cứu và án lệ sáng tạo ra. Các bạn biết rằng ở Pháp, án lệ cũng được coi là một nguồn luật. Ví dụ, nguyên tắc bảo vệ bí mật đời tư xuất phát từ án lệ của tòa án vào thời điểm chúng tôi chưa có một văn bản nào quy định về vấn đề đó. Kết quả là, khác với Bộ luật dân sự Việt Nam, Bộ luật dân sự Pháp không có chương nào quy định về quyền nhân thân cả. Các quy định này nằm rải rác ở nhiều điều luật khác nhau của Bộ luật. Ví dụ điều 9 quy định về việc bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân. Điều 9-1 được bổ sung vào Bộ luật dân sự năm 1993 quy định rằng mỗi cá nhân được bảo vệ nguyên tắc suy đoán vô tội, nghĩa là được suy đoán vô tội chừng nào chưa có có bản án kết tội của tòa án hình sự. Điều 16 và các điều tiếp theo quy định về việc tôn trọng tính mạng, sức khỏe của người khác vv... Tóm lại, Bộ luật dân sự Pháp cũng có một loạt các quy định về quyền nhân thân nằm rải rác ở các điều luật khác nhau. Và án lệ cũng đã bổ sung một số quy định mới về quyền nhân thân, ví dụ quyền được tôn trọng hình ảnh của cá nhân. Quyền này không hề được quy định trong Bộ luật dân sự nhưng chính án lệ đã cho phép bảo vệ quyền này thông qua điều 9 của Bộ luật dân sự về quyền được bảo vệ bí mật đời tư, như vậy hình ảnh của cá nhân cũng được bảo vệ ngay cả khi không có liên quan gì đến bí mật đời tư.

Bộ luật dân sự Việt Nam dành riêng một chương để quy định về các quyền nhân thân, đây là một phương pháp tiếp cận hay, có thể còn hay hơn cả cách tiếp cận của Pháp hiện nay. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng sở dĩ chúng tôi có cách quy định như vậy là vì tòa án ở Pháp có quyền xây dựng án lệ.

Tiếp theo là vấn đề quản lý việc giám hộ. Theo quy định pháp luật Pháp, việc quản lý giám hộ được thực hiện bởi một thẩm phán chuyên trách, gọi là "*thẩm phán quản lý việc giám hộ*". Thẩm phán này có chức năng duy nhất là quản lý toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc giám hộ, từ việc chỉ định người giám hộ cho đến việc xử lý tài sản của người được giám hộ bởi người giám hộ.

Có lẽ Pháp quy định như vậy xuất phát từ nguyên tắc là thẩm phán (nói cách khác là tòa án) là người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, có thể là tranh chấp về việc lựa chọn người giám hộ, có thể là tranh chấp về hành vi của người giám hộ trong việc quản lý tài sản của người được giám hộ vv... Tôi không có nhận xét gì về cách quy định của Việt Nam mà chỉ xin giải thích tại sao Pháp lại quy định như vậy.

QUYỀN SỞ HỮU

Ông Alain Lacabarats

Trong dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi của Việt Nam, có một phần rất quan trọng về tài sản và quyền sở hữu. Ông Tụng đã nêu một số vấn đề liên quan đến quyền chiếm hữu và quyền sử dụng đất. Về quyền chiếm hữu, pháp luật Pháp cũng có những quy định đặc biệt để bảo vệ quyền chiếm hữu. Nhưng có thể thấy rằng quyền chiếm hữu thường gắn liền với quyền sở hữu, nghĩa là chủ sở hữu cũng đồng thời là người chiếm hữu tài sản. Bộ luật dân sự Việt Nam cũng quy định quyền chiếm hữu là một quyền cơ bản của chủ sở hữu. Tôi có một nhận xét chung như sau đối với cả quyền chiếm hữu và quyền sử dụng đất, bởi vì xét cho cùng, quyền sử dụng đất cũng là một loại hình của quyền chiếm hữu. Theo tôi, quyền chiếm hữu và quyền sử dụng đất là những quyền liên quan chặt chẽ đến quyền sở hữu, do đó cần phải tiếp tục quy định những quyền này trong Bộ luật dân sự.

Bộ luật dân sự Pháp cũng có những quy định đặc biệt liên quan đến việc chiếm hữu tài sản. Những người Pháp chúng tôi cũng khó hình dung tại sao phải có một cơ chế bảo vệ quyền chiếm hữu riêng biệt so với quyền sở hữu, bởi vì thông thường, hai quyền này đi liền với nhau. Trên thực tế, có hai lý do giải thích điều đó. Trước hết để tạo thuận lợi cho việc chứng minh quyền sở hữu, bởi vì có những trường hợp chúng ta không có tài liệu chứng minh quyền sở hữu và trong một chừng mực nhất định, người nào đang chiếm hữu tài sản thì được suy đoán là chủ sở hữu của tài sản đó. Do đó, nếu việc chiếm hữu đáp ứng một số điều kiện theo luật định (Bộ luật dân sự Việt Nam cũng quy định các điều kiện này) thì được coi là một bằng chứng để chứng minh quyền sở hữu. Người nào chiếm hữu tài sản ngay tình (tôi không nói đến trường hợp trộm cắp tài sản) thì được suy đoán là chủ sở hữu tài sản. Trong Bộ luật dân sự Pháp, các quy định về chiếm hữu tài sản được cơ cấu trong chương quy định về thời hiệu hưởng quyền. Nói cụ thể hơn, người nào chiếm hữu một tài sản trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu của tài sản đó, ví dụ vì chủ sở hữu không xuất hiện, không tồn tại hoặc không còn tồn tại nữa, thì sau một thời gian nhất định, có thể trở thành chủ sở hữu tài sản theo các quy định về thời hiệu hưởng quyền. Như vậy, theo quy định của Bộ luật dân sự Pháp, việc chiếm hữu ngay tình và không có tranh chấp là một phương thức hưởng quyền sở hữu theo các quy định về thời hiệu hưởng quyền. Các quy định này cho thấy có một sự liên quan chặt chẽ giữa quyền chiếm hữu và quyền sở hữu ngay cả khi có thể có trường hợp một người không phải là chủ sở hữu thực hiện việc chiếm hữu tài sản.

Liên quan quyền sở hữu, Bộ luật dân sự Việt Nam quy định tại chương 6, điều 263 và các điều tiếp theo, về các phương thức bảo vệ quyền sở hữu. Tôi không có nhận xét gì đặc biệt liên quan

đến các quy định này, nhưng xin thông tin cho các bạn biết trong pháp luật Pháp, có một quy định cho phép chủ sở hữu có thể yêu cầu thẩm phán can thiệp trong trường hợp khẩn cấp theo một thủ tục xét xử đặc biệt mà chúng tôi gọi là "thủ tục xét xử cấp thẩm". Thủ tục này cho phép chủ sở hữu có được quyết định của thẩm phán trong thời hạn rất nhanh chóng, có thể vài ngày, thậm chí vài giờ trong những trường hợp đặc biệt khẩn cấp, để bảo vệ quyền lợi của mình. Tôi xin lấy một ví dụ rất đơn giản. Trong trường hợp một người dùng vũ lực xâm chiếm nhà của một người khác để ở thì chủ sở hữu có thể yêu cầu thẩm phán xét xử cấp thẩm ra quyết định khẩn cấp buộc người vi phạm rời khỏi nhà. Đây là một cơ chế rất hữu hiệu để bảo vệ quyền sở hữu và cơ chế này rất hay được vận dụng ở Pháp.

Liên quan đến điều 173 về quyền sở hữu, các bạn đề xuất một phương án quy định là chủ sở hữu có quyền tự do trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình, và các bạn giải thích lý do sửa như vậy là nhằm nhấn mạnh đến một trong những đặc trưng cơ bản của quyền sở hữu là chủ sở hữu có toàn quyền thực hiện bất cứ hành vi nào đối với tài sản của mình. Quy định này là đúng và có ý nghĩa rất quan trọng. Nhưng có thể đặt giả thiết trường hợp chủ sở hữu có hành vi lạm dụng quyền sử dụng tài sản của mình. Trong trường hợp này, chủ sở hữu có thể bị tòa án ra quyết định buộc bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra. Ví dụ, bạn là chủ sở hữu một ngôi nhà có cửa sổ nhìn ra những dãy núi xa xa phía chân trời trông rất đẹp nhưng bị người hàng xóm xây một bức tường cách đó vài xăng-ti-mét, chắn ngang cửa sổ ngôi nhà bạn. Hành vi này của người hàng xóm có thể bị tòa án Pháp coi là một hành vi lạm dụng quyền sở hữu. Đúng là chủ sở hữu có quyền xây một bức tường nhưng cũng phải tôn trọng quyền lợi của người hàng xóm. Người Pháp chúng tôi có một câu châm ngôn là "*Tự do của người này dừng lại ở nơi mà tự do của người khác bắt đầu*". Chính vì thế, chúng ta vừa phải đề cao quyền tự do của chủ sở hữu nhưng cũng không cho phép chủ sở hữu lạm dụng quyền sở hữu của mình.

Ông Pierre Bézard

Liên quan đến vấn đề tài sản và quyền sở hữu, tôi thấy rằng các quy định trong dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi có tiến bộ hơn so với các quy định hiện hành: thủ tục đăng ký quyền sở hữu được quy định cụ thể, rõ ràng hơn; phương án đề xuất hủy bỏ loại hình sở hữu hỗn hợp theo tôi là hợp lý; quy định rõ ràng, cụ thể hơn về quyền sở hữu tài sản của pháp nhân vv... Chỉ có một số vấn đề liên quan đến quyền chiếm hữu như ông Lacabarats đã trình bày. Điều 192 quy định về quyền chiếm hữu của người được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản: "*người được uỷ quyền thực hiện quyền chiếm hữu tài sản*". Theo tôi, quy định này không ổn lắm. Khi chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản cho một người khác, tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể nói "*người được uỷ quyền thực hiện quyền chiếm hữu tài sản*", mà thực ra, người được uỷ quyền thực hiện quyền quản lý tài sản, vì trường hợp này, chủ sở hữu vẫn tồn tại, vẫn được xác định, và khác với các trường hợp khác liên quan đến quyền chiếm hữu đối với tài sản bị đánh rơi, bị mất cắp vì những trường hợp này không xác định được chủ sở hữu. Do đó, trong trường hợp uỷ quyền quản lý tài sản, không thể nói rằng người được uỷ quyền thực hiện quyền chiếm hữu tài sản, mà người được uỷ quyền chỉ thực hiện việc quản lý tài sản. Chúng tôi quan niệm quyền chiếm hữu liên quan hết sức chặt chẽ với quyền sở hữu, cho nên nếu sử dụng thuật ngữ "quyền chiếm hữu" trong trường hợp

này thì sẽ đặt ra một số vấn đề. Nhưng có thể các bạn có một cách hiểu khác, không tuyệt đối như trong pháp luật Pháp về khái niệm quyền chiếm hữu.

Ông Đình Trung Tụng

Trong Bộ luật dân sự Việt Nam, nội dung của quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Có ý kiến đề nghị tách quyền chiếm hữu ra khỏi nội dung của quyền sở hữu, quy định thành một chế định riêng và cụ thể hơn. Như các chuyên gia trình bày, người nào đang chiếm hữu một tài sản thì được suy đoán là chủ sở hữu của tài sản đó. Như vậy, nếu một người khác nói rằng tài sản đó là của họ chứ không phải của người đang thực tế chiếm hữu thì phải chứng minh quyền sở hữu của mình, nghĩa là người nào cho rằng mình là chủ sở hữu tài sản thì phải chứng minh điều đó. Nhưng vấn đề đặt ra là có phải đối với mọi loại tài sản, người đang thực tế chiếm hữu luôn được suy đoán là chủ sở hữu? Pháp luật Việt Nam phân biệt nhiều loại tài sản có chế độ pháp lý khác nhau. Đối với những tài sản không bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu thì có thể áp dụng nguyên tắc suy đoán nêu trên. Ví dụ, người đang thực tế chiếm hữu một động sản thông thường được suy đoán là chủ sở hữu tài sản đó, nếu người khác cho rằng tài sản đó của mình thì phải chứng minh. Đối với những động sản và bất động sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì tôi cho rằng người không phải là chủ sở hữu đang thực tế chiếm hữu tài sản không thể được suy đoán là chủ sở hữu mà người đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của mình. Một vấn đề nữa đặt ra là người chiếm hữu một tài sản không phải thuộc sở hữu của mình có thể trở thành chủ sở hữu tài sản đó sau một thời hạn nhất định theo quy định của pháp luật, gọi là thời hiệu hưởng quyền. Điều 255 Bộ luật dân sự quy định về việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu: "*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này*". Khoản 2 quy định đối với tài sản thuộc sở hữu toàn dân thì không áp dụng các thời hiệu nói trên.

Như vậy, giải quyết mối quan hệ giữa người thực tế chiếm hữu tài sản với chủ sở hữu tài sản như thế nào? Làm thế nào bảo vệ quyền lợi của các bên?

Theo ý kiến của các chuyên gia, khi một người được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản thì không thể đặt vấn đề là người đó thực hiện quyền chiếm hữu tài sản mà phải là thực hiện quyền quản lý tài sản. Nhưng theo quan niệm của Việt Nam, người đang trực tiếp quản lý tài sản do sự uỷ quyền của chủ sở hữu thì cũng được coi là đang thực tế chiếm hữu tài sản đó.

"Quyền chiếm hữu là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lý tài sản thuộc sở hữu của mình.

Người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền chiếm hữu tài sản trong trường hợp được chủ sở hữu chuyển giao hoặc do pháp luật quy định."

Do đó, về vấn đề này, tôi cho rằng chưa có sự gặp nhau giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Pháp. Trong nền kinh tế thị trường, việc luân chuyển tài sản, hàng hoá diễn ra rất đa dạng. Chủ sở hữu tài sản hiện nay có xu hướng uỷ quyền cho người khác quản lý tài sản hoặc khai thác tài sản thông qua hình thức góp vốn, giao tài sản, cho thuê tài sản vv... Trong trường hợp chủ sở hữu uỷ quyền cho người khác quản lý, sử dụng, khai thác lợi ích từ tài sản, nên áp dụng chế độ

pháp lý như thế nào đối với người được uỷ quyền? Với mục đích không chỉ bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu và người được uỷ quyền mà còn nhằm phát huy tối đa lợi ích của tài sản, qua đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

Ông Alain Lacabarats

Liên quan đến việc quản lý tài sản cho chủ sở hữu, trên thực tế, đây là một phương thức rất phổ biến. Khi đọc các quy định của Việt Nam, đặc biệt là điều 255 về việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu, tôi cho rằng để thận trọng hơn, các bạn nên quy định rõ là người quản lý tài sản cho một người khác không bao giờ có thể trở thành chủ sở hữu của tài sản đó theo các quy định về thời hiệu hưởng quyền. Bởi vì chúng ta có thể đặt giả thiết là người quản lý tài sản, vì thực hiện quyền chiếm hữu trong nhiều năm, nên nói rằng mình là chủ sở hữu tài sản đó, nhất là khi chủ sở hữu thực sự của tài sản hơi bất cẩn và chuyển giao một cách dễ dàng toàn bộ các quyền của mình cho người quản lý tài sản. Bộ luật dân sự Pháp quy định người đang chiếm hữu tài sản cho một người khác không bao giờ trở thành chủ sở hữu tài sản đó theo các quy định về thời hiệu. Ví dụ, người linh canh đang nắm giữ các tài sản của chủ sở hữu một cơ sở sản xuất nông nghiệp không bao giờ có thể nói rằng mình là chủ sở hữu các tài sản đó, dù sau thời hạn bao lâu, 10 năm hay 30 năm. Chính vì thế, tôi cho rằng nên bổ sung điều 255 bằng một quy định như vậy.

Ông Đinh Trung Tụng

Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến vừa rồi của ông Lacabarats nhưng thực ra, Bộ luật dân sự Việt Nam cũng có một quy định như vậy tại khoản 2 điều 192:

"Người được uỷ quyền quản lý tài sản không thể trở thành chủ sở hữu đối với tài sản được giao theo căn cứ về thời hiệu quy định tại khoản 1 điều 255 của Bộ luật này".

Khoản 1 điều 192 quy định: *"Khi chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản cho người khác, người được uỷ quyền thực hiện quyền chiếm hữu tài sản đó trong phạm vi, theo cách thức, thời hạn do chủ sở hữu xác định".* Có nhiều ý kiến cho rằng quy định này đúng nhưng quá khái quát nên cần phải được cụ thể hoá hơn nữa.

Ông Alain Lacabarats

Như vậy, quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam đã đáp ứng được vấn đề mà các bạn đặt ra, liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu. Theo tôi, quy định này đã tương đối rõ ràng và cho phép bao quát hết mọi trường hợp chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản cho người khác.

Tuy nhiên, có thể có một vấn đề nhỏ liên quan đến điều 192 về thuật ngữ *" uỷ quyền quản lý tài sản"*. Liệu có nên bổ sung là *" uỷ quyền quản lý, nắm giữ tài sản"* không? Vì có thể có trường hợp không phải là uỷ quyền quản lý tài sản theo đúng nghĩa của nó mà chỉ là uỷ quyền nắm giữ tài sản thôi. Nếu bổ sung như vậy thì cũng phải quy định bổ sung là người nắm giữ tài sản cho người khác cũng không bao giờ trở thành chủ sở hữu tài sản đó.

Đại biểu

Liên quan đến nhận xét của chuyên gia về điều 255, có lẽ nên xem xét cả điều 190. Bộ luật dân sự Việt Nam phân biệt việc chiếm hữu của người có quyền chiếm hữu và việc chiếm hữu của người không có quyền chiếm hữu. Việc chiếm hữu của người có quyền chiếm hữu được quy

định tại điều 190, còn những trường hợp không được liệt kê tại điều 190 bị coi là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Điều 255 chỉ áp dụng cho các trường hợp thuộc nhóm hai. Nhận xét của chuyên gia liên quan đến trường hợp uỷ quyền quản lý tài sản thì đây là việc chiếm hữu có căn cứ pháp luật theo quy định tại điều 190 và tất nhiên, tất cả các trường hợp được liệt kê tại điều 190 không thuộc phạm vi điều chỉnh của điều 255.

Đại biểu

Liên quan đến các quyền của chủ sở hữu, chúng ta quan tâm rất nhiều đến quyền chiếm hữu. Luật dân sự Việt Nam quy định một số căn cứ để công nhận việc chiếm hữu hợp pháp. Các căn cứ này được quy định tại điều 190. Thông thường, việc chiếm hữu là hành vi của chủ sở hữu nhưng trong thực tế, có rất nhiều trường hợp một người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền chiếm hữu. Bởi vậy, chúng ta mới quan tâm xác định việc chiếm hữu của người đó là hợp pháp hay không hợp pháp. Nếu việc chiếm hữu dựa trên các căn cứ quy định tại điều 190 thì được coi là chiếm hữu hợp pháp. Liên quan đến chiếm hữu bất hợp pháp, chúng tôi cũng phân biệt chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình và chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình. Có nhiều trường hợp người chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình được pháp luật bảo vệ quyền lợi, nhưng trong thực tế, có trường hợp người chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình nhưng khi ra trước tòa, họ nói rằng mình ngay tình. Theo kinh nghiệm của các chuyên gia, việc bảo vệ người chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình có gặp vướng mắc gì không? Vì luật Việt Nam đang vướng mắc vấn đề này.

Đại biểu

Pháp luật Việt Nam quy định một số tài sản thuộc sở hữu toàn dân mà nếu động đến các tài sản đó cũng không có vấn đề gì cả, ví dụ, câu cá dưới sông, khai thác trong khu rừng mở vv... Ông có ý kiến như thế nào về quy định đó của luật Việt Nam?

Đại biểu

Trong luật dân sự Việt Nam, liên quan đến quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, có quá ít quy định về thời hiệu, nhất là thời hiệu khởi tố. Trong lĩnh vực thừa kế, luật quy định thời hiệu khởi tố là 10 năm sau khi mở thừa kế. Nhưng còn có rất nhiều loại việc khác mà luật chưa quy định thời hiệu khởi tố. Luật quy định thời hiệu khởi tố tính từ ngày xảy ra tranh chấp. Vậy, xác định thế nào là ngày xảy ra tranh chấp? Trong thực tế, đã đặt ra nhiều vấn đề về thời hiệu. Ví dụ, trong thời kỳ kháng chiến những năm 1949, 1954, nhiều người đi tham gia kháng chiến để lại đằng sau đất đai, nhà cửa và đến năm 1954, có người trở về, có những người chưa trở về nhưng trên thực tế, những mảnh đất, ngôi nhà đó đã có người đến ở hoặc bị bom đạn tàn phá và có người khác đến xây dựng lại để ở. Họ đã ở trong những ngôi nhà đó trong một thời gian dài đến 20, 30 năm. Tuy nhiên, khi tranh chấp xảy ra thì vận dụng thời hiệu như thế nào? Bởi vì một mặt, những người đang chiếm hữu thực tế ngôi nhà, mảnh đất đó không có ý đồ chiếm, nhưng mặt khác, đối với chủ sở hữu thực sự, do hoàn cảnh chiến tranh nên buộc phải bỏ đất, bỏ nhà để làm nghĩa vụ kháng chiến thì phải giải quyết như thế nào, nhất là liên quan đến việc vận dụng thời hiệu? Đề nghị chuyên gia chia sẻ một số kinh nghiệm về vấn đề thời hiệu chiếm hữu, thời hiệu khởi tố.

Ông Alain Lacabarats

Đối với các tài sản thuộc sở hữu toàn dân, tôi cho rằng việc quy định không xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu là tương đối hợp lý. Trong pháp luật Pháp, cũng có một quy định tương tự. Theo án lệ của Tòa án tối cao Pháp, một tài sản thuộc về công sản không bao giờ được xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu. Do đó, đối với các tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước ở cấp trung ương cũng như các cấp chính quyền địa phương, người nắm giữ tài sản không thể trở thành chủ sở hữu theo các quy định về thời hiệu.

Về vấn đề thời hiệu khởi kiện, tôi cũng nhận thấy các quy định tại các điều 167 và 168 Bộ luật dân sự Việt Nam chưa cụ thể lắm, liên quan đến cách tính thời hiệu. Bộ luật quy định thời hiệu khởi kiện là 3 năm, kể từ ngày phát sinh tranh chấp, nhưng theo tôi, thời điểm "*ngày phát sinh tranh chấp*" là một thời điểm quá mơ hồ để tính thời hiệu khởi kiện. Đối với các tai nạn giao thông, có thể dễ dàng xác định thời điểm bắt đầu khởi kiện là ngày xảy ra tai nạn, nhưng đối với nhiều loại tranh chấp khác, đặc biệt là các tranh chấp trong lĩnh vực thương mại, rất khó xác định thời điểm phát sinh tranh chấp. Giả thiết trong trường hợp một doanh nghiệp đã đặt hàng nhưng không thanh toán tiền, thì thời điểm phát sinh tranh chấp được tính từ khi nào: từ ngày gửi hóa đơn giao hàng, hay một ngày sau đó là ngày bên bán gửi giấy yêu cầu thanh toán cho bên mua hay ngày nhận được giấy triệu tập ra tòa? Như vậy, có khó khăn trong việc xác định thời điểm phát sinh tranh chấp. Mặt khác, điều 168 quy định "*thời hiệu khởi kiện bắt đầu tính từ thời điểm quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm*". Theo tôi, thời điểm bắt đầu thời hiệu ở đây cũng hơi mơ hồ nên không đảm bảo tính chính xác của việc xác định thời hiệu.

Liên quan đến điều 190, có quy định trường hợp người chiếm hữu được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản. Cũng có những trường hợp khác một người chiếm hữu tài sản mà không được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý, nắm giữ tài sản đó. Tôi cho rằng đối với cả hai trường hợp này, dù được uỷ quyền hay không được uỷ quyền quản lý tài sản của chủ sở hữu, thì đều nên quy định người chiếm hữu không thể trở thành chủ sở hữu tài sản theo các quy định về thời hiệu hưởng quyền.

Một vấn đề nữa đặt ra trong trường hợp có tranh chấp giữa người chiếm hữu thực tế và chủ sở hữu tài sản. Tôi xin lấy ví dụ trong trường hợp chiếm hữu tài sản bị đánh rơi, người chiếm hữu có quyền giữ tài sản đó chừng nào chưa biết chủ sở hữu tài sản là ai. Pháp luật Việt Nam quy định người phát hiện tài sản bị đánh rơi phải trả lại cho chủ sở hữu. Nhưng có thể có trường hợp không thể xác định được chủ sở hữu, cho nên trong trường hợp này, chúng ta có thể đặt vấn đề là sau một thời hạn nhất định, người chiếm hữu có thể trở thành chủ sở hữu tài sản mà mình phát hiện được theo các quy định về thời hiệu hưởng quyền. Tuy nhiên, nếu chủ sở hữu xuất hiện và đòi lại tài sản thì theo tôi, hoàn toàn bình thường khi chúng ta ưu tiên quyền của chủ sở hữu so với quyền của người đang chiếm hữu tài sản.

Ông Đinh Trung Tụng

Liên quan đến vấn đề thời hiệu khởi kiện, ông cho rằng các quy định hiện nay của Bộ luật dân sự chưa rõ ràng. Vậy, theo ông, nên tính thời hiệu khởi kiện từ thời điểm nào? Trong thực tiễn, cũng đã có tranh chấp về việc tính thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện. Ví dụ trong Pháp lệnh

về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, có quy định thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp về hợp đồng kinh tế là 6 tháng kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Nhưng "*thời điểm phát sinh tranh chấp*" được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Vậy, đề nghị ông cho biết một số kinh nghiệm của Pháp về việc tính thời hiệu khởi kiện.

Ông Alain Lacabarats

Liên quan đến việc xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện, có thể đặt ra nhiều giả thiết khác nhau. Đối với vấn đề trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng, ví dụ trong trường hợp tai nạn giao thông hay tai nạn khác gây thiệt hại về thân thể, thì theo tôi, có thể dễ dàng xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày xảy ra tai nạn. Nhưng trong lĩnh vực thương mại, ví dụ các vụ kiện về cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, thì có thể xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện là ngày hành vi cạnh tranh không lành mạnh được phát hiện bởi doanh nghiệp bị thiệt hại. Nếu là trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu, sáng chế, tên công ty, thì cũng có thể xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện là ngày hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đó bị phát hiện bởi doanh nghiệp có liên quan. Đối với các trường hợp xâm phạm quyền nhân thân, ví dụ xâm phạm bí mật đời tư, thời hiệu có thể được tính từ ngày hành vi xâm phạm được thực hiện. Trên đây là một số ví dụ về việc xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu, nhưng đúng là pháp luật cũng không thể quy định được hết mọi trường hợp và có những trường hợp rất khó xác định thời điểm tính thời hiệu.

Ông Đình Trung Tụng

Như vậy, pháp luật Pháp cũng không có một quy định khái quát chung về thời điểm tính thời hiệu.

Ông Alain Lacabarats

Tôi xin lấy một ví dụ khác trong lĩnh vực hình sự. Về nguyên tắc, thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày thực hiện tội phạm. Nhưng án lệ cho rằng đối với các loại tội phạm đặc biệt khó phát hiện thì thời điểm bắt đầu thời hiệu được xác định là ngày tội phạm được phát hiện. Như vậy, các bạn thấy rằng ngay cả trong lĩnh vực hình sự, một lĩnh vực đòi hỏi phải rất khắt khe, chặt chẽ thì cũng có nhiều cách tính thời hiệu khác nhau.

Ông Pierre Bézard

Theo tôi, khi có một sự kiện xảy ra thì thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày xảy ra sự kiện đó, ví dụ ngày ký kết hợp đồng. Cũng trong lĩnh vực dân sự, liên quan đến hợp đồng, nếu giao kết hợp đồng do bị nhầm lẫn hoặc bị lừa dối thì Bộ luật dân sự quy định thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày sự nhầm lẫn hoặc lừa dối đó được phát hiện. Như vậy, tùy từng trường hợp cụ thể mà giải quyết vấn đề thời hiệu.

Ông Đình Trung Tụng

Như vậy, pháp luật Pháp cũng dành quyền cho thẩm phán trong việc xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu?

Ông Alain Lacabarats

Có những lĩnh vực pháp luật quy định cụ thể về thời hiệu. Ví dụ, liên quan đến vấn đề trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng, pháp luật Pháp quy định thời điểm bắt đầu thời hiệu là ngày xảy ra thiệt hại, thông thường là ngày xảy ra tai nạn, nhưng cũng có trường hợp thiệt hại xảy ra muộn hơn thời điểm đó. Tuy nhiên, có nhiều lĩnh vực Bộ luật dân sự Pháp không có quy định cụ thể về thời điểm bắt đầu thời hiệu. Trong những trường hợp này, chính thẩm phán phải xác định. Tôi không dám khẳng định là về vấn đề này, cách quy định như hiện nay của pháp luật Pháp đã là hoàn hảo nhưng phải nói rằng, chúng tôi có quá nhiều quy định riêng biệt áp dụng cho các loại thời hiệu khởi kiện khác nhau, do đó đặt ra khó khăn khi nghiên cứu các quy định của Bộ luật dân sự về thời hiệu. Ví dụ, trong lĩnh vực xây dựng, khi một công trình xây dựng có sự cố thì theo quy định tại điều 1792 Bộ luật dân sự, nhà xây dựng phải chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra cho công trình xây dựng. Trong trường hợp đó, các thẩm phán Pháp có một suy nghĩ tức thì là nhà xây dựng phải chịu trách nhiệm trong thời hạn 10 năm. Nhưng khi đọc Bộ luật, phải tìm kiếm rất lâu mới biết được thời hạn đó là 10 năm vì quy định này không nằm trong cùng điều luật nói trên mà nằm ở phần cuối của Bộ luật. Chính vì thế, tôi không dám chắc là cách quy định như hiện nay của Pháp là hoàn hảo nhưng phải nói rằng pháp luật Pháp quy định rất nhiều thời hiệu khởi kiện khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực dân sự và thương mại. Do đó, có những lĩnh vực mà thẩm phán phải tự mình xác định cụ thể thời điểm bắt đầu thời hiệu.

Có một điều đáng ngạc nhiên là kể cả trong lĩnh vực hình sự, liên quan đến một số loại tội phạm như tội lạm dụng lòng tin, lạm dụng tài sản của công ty, thẩm phán cũng có quyền xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu.

Ông Pierre Bézard

Việc xác định thời hiệu cũng dựa trên quan điểm bảo vệ lợi ích của đương sự. Ví dụ, trong một số trường hợp, pháp luật quy định một thời hiệu tương đối dài. Trong lĩnh vực thương mại, thời hiệu khởi kiện là 3 năm. Trong thực tiễn xét xử hình sự, để đấu tranh chống lại các tội lạm dụng tài sản công ty, tham nhũng vv..., thẩm phán xác định thời hiệu bắt đầu được tính kể từ ngày phát hiện hành vi phạm tội. Vì thế, có một số lãnh đạo công ty cho rằng dường như thời hiệu không được áp dụng đối với họ. Nhưng thực tiễn xét xử của các tòa án Pháp không bao giờ vượt quá 6 hoặc 7 năm. Tất nhiên, điều đó cho phép các thẩm phán điều tra một số vụ việc sau khi vụ việc đã xảy ra được một thời gian tương đối dài. Có thể quy định này xuất phát từ một quan điểm là phải đảm bảo đấu tranh một cách hiệu quả chống lại một số loại tội phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử gần đây, Tòa án tối cao đã giảm bớt thời hiệu này và quy định thời hiệu bắt đầu được tính kể từ ngày phát hiện hành vi phạm tội khi điều đó được thể hiện rõ ràng trong các sổ sách kế toán của công ty được trình lên đại hội đồng xem xét. Như vậy, trong các lĩnh vực khác nhau, thời hiệu được quy định rất khác nhau. Trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, để đảm bảo hiệu quả kinh tế, thời hiệu 3 năm được áp dụng. Liên quan đến vấn đề sáp nhập, hợp nhất công ty, thời hiệu được quy định ngắn hơn, bởi vì một vài tháng sau khi thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất công ty, sẽ có sự thay đổi về nhân sự, tài sản vv... nên không thể xem xét lại vụ việc đó.

Ông Alain Lacabarats

Tôi cho rằng dù chúng ta lựa chọn giải pháp nào chăng nữa thì vẫn phải quy định một thời điểm khách quan để tính thời hiệu, chứ không nên chỉ căn cứ vào những đặc thù của từng loại vụ việc để quy định thời hiệu. Có thể trong lĩnh vực thương mại, trong trường hợp đã giao hàng nhưng không được thanh toán, thì nên quy định thời điểm đó là ngày giao hàng để đảm bảo tính khách quan, tránh tình trạng sau nhiều năm, nguyên đơn mới nhận ra là mình không được thanh toán và đến lúc đó mới khởi kiện ra toà.

Ông Đinh Trung Tụng

Về vấn đề thời hiệu, tôi cho rằng trong thực tiễn giải quyết các tranh chấp, điều khó nhất là xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu trong lĩnh vực hợp đồng. Có ý kiến cho rằng đó là thời điểm ký kết hợp đồng, có ý kiến cho rằng đó là thời điểm xảy ra tranh chấp. Nhưng tôi thấy vận dụng các quy định này vào thực tế rất khó. Cũng có ý kiến đề nghị xác định là thời điểm người khởi kiện biết hoặc phải biết quyền lợi của mình bị xâm phạm.

Ông Alain Lacabarats

Theo tôi, thời điểm bắt đầu thời hiệu không thể là ngày ký kết hợp đồng vì lúc đó, chưa xảy ra tranh chấp. Chỉ đến khi nào một bên không thực hiện hợp đồng thì mới có thể cho rằng tranh chấp đã xảy ra. Như vậy, có nhiều cách tính khác nhau, có thể tính từ ngày biết hợp đồng không được thực hiện hoặc hàng đã được giao nhưng hoá đơn không được thanh toán vv... Nhưng phải chú ý không nên quy định thời hiệu khác nhau tùy thuộc vào mức độ hành động nhanh chóng của nguyên đơn, mà phải quy định một thời điểm đảm bảo tính khách quan nhất có thể.

QUYỀN SỞ HỮU CỦA PHÁP NHÂN

Ông Pierre Bézard

Trong dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, vấn đề sở hữu tư nhân được quy định tại điều 220 và các điều tiếp theo. Đương nhiên, vấn đề sở hữu tư nhân của pháp nhân là một vấn đề quan trọng cần phải được quy định trong Bộ luật dân sự.

Liên quan đến vấn đề này, tôi xin nhắc lại rằng trong pháp luật Pháp, có một định nghĩa hết sức quan trọng về "*Hợp đồng công ty*". Hợp đồng công ty là "*một hợp đồng mà thông qua đó hai hay nhiều người thỏa thuận gộp chung tiền, tài sản vào một chủ thể mà họ thành lập nên. Sau khi được đăng ký và có tư cách pháp nhân, chủ thể đó sẽ trở thành chủ sở hữu của toàn bộ tiền và tài sản do các thành viên đóng góp*". Như vậy, những người đóng góp tài sản vào công ty không còn quyền sở hữu đối với tài sản đem gộp chung nữa. Ví dụ, tôi và một người bạn quyết định thành lập một công ty; tôi đóng góp một bất động sản còn người bạn tôi đóng góp tiền vốn. Khi công ty của chúng tôi được thành lập nên, có trụ sở, có tên gọi riêng thì tôi không còn là chủ sở hữu của bất động sản kia nữa và đồng thời, người bạn của tôi cũng không còn là chủ sở hữu đối với số tiền vốn mà anh ta đã đóng góp. Pháp nhân mới thành lập sẽ được tự do định đoạt số tài sản được đóng góp đó để phục vụ mục đích kinh doanh. Những khoản thu mới cũng sẽ được nhập chung vào nguồn vốn của pháp nhân. Pháp nhân cũng có thể sẽ tiếp nhận thêm một số thành viên mới, những thành viên này gia nhập pháp nhân bằng cách góp vốn hoặc mua cổ phần. Khi công ty mắc nợ thì chính công ty phải

thanh toán nợ và chủ nợ không có quyền đòi nợ đối với từng thành viên của công ty. Đó là nguyên tắc đầu tiên. Nếu công ty không thể trả được nợ thì sẽ có hai khả năng xảy ra. Nếu đó là một công ty "đóng" thì sau khi đã chứng minh được rằng công ty không còn khả năng thanh toán, chủ nợ có thể kiện đòi các thành viên của công ty trả nợ cho mình. Pháp luật đã quy định rõ rằng đối với các công ty "đóng" thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn về các khoản nợ. Nếu đó là một công ty cổ phần thì các thành viên chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn trên phần vốn góp của họ nên chủ nợ không có quyền đòi nợ đối với họ. Tuy nhiên, những thành viên là người lãnh đạo công ty thì lại là một trường hợp ngoại lệ. Trên đây là một ví dụ cho chúng ta thấy rằng tư cách pháp nhân của công ty rất quan trọng và trong mọi trường hợp, các thành viên của công ty không trực tiếp phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp công ty bị phá sản và bị thanh lý thì sau khi đã trả hết nợ cho chủ nợ, số tài sản còn lại sẽ được chia cho các thành viên công ty. Đương nhiên là khi xảy ra thanh lý thì thông thường, các thành viên công ty không thể lấy lại được toàn bộ phần đóng góp ban đầu của mình.

Tôi xin nhấn mạnh lại rằng sau khi công ty được thành lập, đăng ký và có tư cách pháp nhân thì sẽ trở thành chủ sở hữu đầy đủ đối với các tài sản chung. Các thành viên đã góp vốn và tài sản vào công ty không còn quyền sở hữu đối với phần đóng góp của mình nữa.

Ông Phạm Công Lạc

Tôi hoàn toàn đồng ý với phần giải thích của chuyên gia. Nhưng theo tôi hiểu thì vấn đề đặt ra hiện nay đối với chúng tôi lại khác. Đó là vấn đề phân định giữa quyền sở hữu của Nhà nước với quyền sở hữu của pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước.

Ông Đinh Trung Tụng

Theo như tôi hiểu về phần trình bày của ông Bézard thì chúng ta cần phân biệt giữa tài sản của thành viên pháp nhân và tài sản của pháp nhân với tư cách là một chủ thể trong quan hệ dân sự. Pháp nhân được sở hữu tài sản do các thành viên đóng góp và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.

Bộ luật dân sự Việt Nam cũng đã có một số điều quy định về vấn đề này. Tuy nhiên, theo Bộ luật dân sự Việt Nam, khi nói đến pháp nhân là muốn nói đến các chủ thể chịu trách nhiệm hữu hạn bằng các tài sản do các thành viên đóng góp chứ không có pháp nhân chịu trách nhiệm vô hạn bằng tài sản của các thành viên.

Trong khi đó, theo ông Bézard thì pháp luật Pháp phân biệt hai loại pháp nhân: các công ty "đóng" và các công ty "mở". Pháp nhân là công ty "đóng" trước hết phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhưng nếu số nợ vượt quá tài sản hiện có thì các thành viên của pháp nhân phải liên đới chịu trách nhiệm. Pháp nhân "mở", thường là các pháp nhân thương mại, phải chịu trách nhiệm hữu hạn, có nghĩa là chỉ chịu trách nhiệm bằng tài sản do các thành viên đóng góp. Nếu số nợ vượt quá tài sản của pháp nhân thì chắc chắn sẽ dẫn đến phá sản. Đó là những gì tôi hiểu từ phần trình bày của ông Bézard.

Ông Phạm Công Lạc có đề cập đến vấn đề pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước. Vậy, theo quy định của pháp luật Pháp, trong trường hợp một doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước cấp vốn thì vốn đó có thuộc sở hữu của pháp nhân không? Khi phát sinh trách nhiệm về tài sản, nếu

khoản nợ lớn hơn tài sản hiện có của doanh nghiệp nhà nước thì Nhà nước có phải liên đới chịu trách nhiệm không? Tôi được biết là trong thực tế, đã có trường hợp một doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam làm ăn với một doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam mắc nợ, chủ nợ nước ngoài đã giữ tàu của Việt Nam nhằm thu hồi nợ vì họ cho rằng tàu đó cũng là tài sản của Nhà nước Việt Nam.

Ông Pierre Bézard

Trước hết, tôi muốn bổ sung vào phần trình bày trước của tôi rằng các công ty "đóng" không chỉ là công ty dân sự. Một số công ty thương mại cũng có thể là công ty "đóng". Thứ hai, tôi thấy ông Đinh Trung Tung đã tóm tắt rất đầy đủ những nội dung mà tôi muốn trình bày. Đối với công ty "đóng", nếu khoản nợ vượt quá tài sản hiện có của công ty thì các thành viên công ty phải liên đới chịu trách nhiệm. Tôi chỉ muốn bổ sung rằng trong thực tiễn, có thể có những khác biệt. Khi thành lập một doanh nghiệp, nếu thiếu vốn thì doanh nghiệp có thể vay vốn của ngân hàng. Ngân hàng thường đòi hỏi phải có bảo lãnh của các thành viên của doanh nghiệp và trong trường hợp phát sinh trách nhiệm trả nợ, thì các thành viên với tư cách là người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm trước ngân hàng.

Liên quan đến vấn đề doanh nghiệp nhà nước, cần nói rằng ở Pháp, có rất nhiều loại hình doanh nghiệp có sự tham gia của Nhà nước. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, nước Pháp đã quốc hữu hoá rất nhiều doanh nghiệp, từ các ngân hàng cho đến các công ty vận tải. Năm 1981, khi tổng thống Mitterand lên nắm quyền, ông đã lại chủ trương một chương trình quốc hữu hóa mới. Các công ty được quốc hữu hóa thường là các tập đoàn lớn, ví dụ Công ty Đường sắt Quốc gia, Công ty Hàng không Pháp, các ngân hàng thương mại, Công ty Viễn thông France Télécom vv... Đối với các công ty này, khi số nợ vượt quá tài sản hiện có thì thông thường, Nhà nước sẽ đứng ra chịu trách nhiệm, do đó ít khi chúng rơi vào tình trạng phá sản. Sau này, nhiều công ty nhà nước lại được tư nhân hóa với tốc độ rất nhanh và có chặm lại ít nhiều trong thời gian vừa qua. Từ chính sách này, đã xuất hiện những công ty trong đó Nhà nước chiếm một phần vốn lớn, do đó Nhà nước vẫn có quyền quyết định. Và vì Nhà nước nắm quyền lãnh đạo nên khi phát sinh trách nhiệm trả nợ thì Nhà nước phải giải quyết. Bên cạnh đó, còn có những công ty khác như các công ty hỗn hợp hoặc công ty địa phương trong đó Nhà nước tham gia với tư cách là một cổ đông nhỏ và đối với loại công ty này thì tình hình lại khác: chúng có thể bị phá sản và thanh lý.

Nói tóm lại, khó có thể đưa ra một câu trả lời chung cho câu hỏi mà quý vị đặt ra. Chỉ có thể nói rằng trong đa số các trường hợp công ty nhà nước thì Nhà nước là chủ thể chịu trách nhiệm.

Về hai loại chủ thể là "hộ gia đình" và "tổ hợp tác", đây là một vấn đề khá đặc thù của Việt Nam. Trong pháp luật Pháp, không có chủ thể nào giống với hai loại chủ thể đó nên tôi khó có thể đưa ra nhận xét gì cụ thể. Nếu tổ hợp tác có quy chế là một pháp nhân thì nó hoạt động có điều lệ. Là một pháp nhân thì tổ hợp tác phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ giống như một công ty "đóng". Hộ gia đình vì không phải là pháp nhân nên chủ nợ có thể đòi nợ đối với bất kỳ thành viên nào. Tuy nhiên, tôi cho rằng nếu quan niệm hộ gia đình như một chủ thể quan hệ pháp luật dân sự thì sẽ đặt ra một số vấn đề khó khăn trong thực tế.

Nhân đây, tôi cũng xin nói rằng trong pháp luật Pháp, có tồn tại một chế định pháp lý đặc biệt gọi là "*tài sản thừa kế chưa phân chia*". Ví dụ, tôi và chị gái tôi cùng sở hữu chung một ngôi nhà do cha mẹ để lại, ngôi nhà đó hiện vẫn chưa được phân chia giữa chúng tôi. Năm 1976, Chính phủ Pháp đã thể chế hóa chế định này bằng cách quy định những người sở hữu chung có thể thỏa thuận với nhau để lập ra một tổ chức trong đó có một người làm đại diện. Người đại diện có thể hành động dưới danh nghĩa của những người chủ sở hữu chung trong quan hệ đối với bên thứ ba. Chủ nợ có thể kiện đòi nợ đối với người đại diện. Loại tổ chức này không phải là một công ty, không có tư cách pháp nhân, không được đăng ký. Đây là một loại hình có một vài điểm giống với chủ thể "hộ gia đình" trong pháp luật Việt Nam.

Ông Đình Trung Tụng

Theo quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam, mặc dù hộ gia đình và tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân nhưng chế độ trách nhiệm tài sản của hai chủ thể này cũng tương tự với chế độ trách nhiệm của công ty "đóng" theo quy định của pháp luật Pháp. Điều đó có nghĩa là hai loại chủ thể này cũng có tài sản riêng và trong trường hợp khoản nợ vượt quá tài sản của hộ gia đình và tổ hợp tác thì chủ nợ có quyền kiện đòi các thành viên của hộ gia đình và tổ hợp tác phải chịu trách nhiệm liên đới đối với phần nợ còn lại.

Liên quan đến chế độ trách nhiệm tài sản của các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp cổ phần trong đó Nhà nước chiếm phần vốn lớn thì Nhà nước phải đứng ra chịu trách nhiệm. Như vậy, trách nhiệm tài sản của các doanh nghiệp nhà nước phải chăng là trách nhiệm vô hạn, vì nó không phụ thuộc vào tài sản hiện có của doanh nghiệp. Tôi hiểu như vậy có đúng không?

Ông Alain Lacabarats

Khi xem xét quy định tại điều 208 dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, tôi muốn liên hệ với một vài quy định của pháp luật Pháp có liên quan.

Trong pháp luật Pháp, Nhà nước được coi là một chủ thể pháp luật có quyền và nghĩa vụ. Nhà nước có thể thực hiện các quyền của mình một cách trực tiếp, ví dụ như có thể truy tố một công dân không đóng thuế trước pháp luật. Ngược lại, khi có tranh chấp với Nhà nước, mọi công dân đều có quyền khởi kiện Nhà nước ra tòa án: ví dụ khi mức thuế phải đóng là quá cao, công dân có thể kiện ra tòa án hành chính giải quyết.

Đối với các hoạt động thương mại, Nhà nước có thể thành lập các công ty dưới nhiều hình thức. Về nguyên tắc, công ty chính là chủ sở hữu đối với các tài sản của Nhà nước. Nếu Nhà nước muốn sở hữu một số tài sản của công ty thì hai bên phải thỏa thuận với nhau, dưới dạng một hợp đồng thuê tài sản chẳng hạn. Điều này khác với quy định tại điều 208 dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi của Việt Nam theo đó, doanh nghiệp nhà nước chỉ có quyền sử dụng đối với tài sản của Nhà nước.

Trong trường hợp một công ty có Nhà nước là một cổ đông bị phá sản và không đủ tài sản để trả nợ, chủ nợ có thể thực hiện quyền đòi nợ đối với một số người quản lý, lãnh đạo công ty. Nhà nước cũng được coi là một người lãnh đạo bên cạnh những người lãnh đạo khác và do đó, phải chịu trách nhiệm nếu có sai phạm về quản lý. Tôi xin lấy một ví dụ cụ thể: một hiệp hội có

mục đích thương mại hoạt động trong lĩnh vực chính trang, tu sửa công trình đô thị. Trong số các thành viên hội đồng quản trị, có đại diện của một số xã. Khi hiệp hội bị phá sản, các chủ nợ đã khởi kiện trách nhiệm của các xã có liên quan vì có sai phạm trong công tác quản lý. Như vậy, Nhà nước cũng phải chịu trách nhiệm như những cổ đông khác.

Ông Pierre Bézard

Theo tôi, một yếu tố quan trọng mà chúng ta cũng cần cân nhắc tới khi xem xét vấn đề này là quy mô của công ty. Như tôi đã trình bày, nếu một công ty 100% vốn nhà nước (công ty quốc hữu hoá) bị phá sản thì Nhà nước sẽ bỏ tiền ra để trả nợ. Ví dụ điển hình nhất là Ngân hàng Crédit Lyonnais: cách đây 3 năm, ngân hàng này đã gặp rất nhiều khó khăn và đứng trên bờ vực phá sản, do đó Chính phủ Pháp đã can thiệp bằng cách trả toàn bộ các khoản nợ.

Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước là cổ đông lớn nhất thì trách nhiệm của Nhà nước cũng rất lớn (trách nhiệm lãnh đạo, trách nhiệm của cổ đông chiếm đa số cổ phần) tuy không tương đồng với trách nhiệm trong một công ty 100% vốn nhà nước. Theo kinh nghiệm thực tiễn của mình với tư cách là chánh tòa thương mại Tòa án tối cao Pháp, tôi đã gặp rất nhiều trường hợp doanh nghiệp cổ phần nhà nước bị phá sản và Nhà nước đã phải đứng ra trả nợ với tư cách là người lãnh đạo doanh nghiệp.

Ông Đinh Trung Tụng

Như vậy, trở lại ví dụ về việc các công ty nước ngoài bắt giữ tàu biển của Việt Nam để đòi nợ vì cho rằng đó là tài sản của Nhà nước thì cũng như là tài sản của công ty Việt Nam mắc nợ. Việc làm đó phải chăng là đúng?

Thứ hai, phải chăng là có sự phân biệt giữa trách nhiệm pháp lý của một chủ thể với sự hỗ trợ của Nhà nước trong những trường hợp doanh nghiệp nhà nước bị phá sản?

Hiện nay, trong quá trình soạn thảo dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, chúng tôi đã tranh luận nhiều về vấn đề trách nhiệm tài sản của pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước. Có nhiều ý kiến cho rằng doanh nghiệp nhà nước cũng là một pháp nhân như các pháp nhân khác và do đó, phải độc lập chịu trách nhiệm bằng tài sản hiện có của mình. Việc Nhà nước can thiệp để nâng đỡ các doanh nghiệp có quy mô lớn nhằm tránh ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế và tránh để xảy ra các vấn đề xã hội lại là một vấn đề khác. Vì vậy, tôi thấy rằng những giải thích của ông Bézard là chưa rõ ràng.

Ông Pierre Bézard

Để đơn giản hoá cách hiểu, tôi xin lấy một ví dụ cụ thể như sau:

Một tập đoàn thương mại có nhiều chi nhánh đặt ở nhiều nơi khác nhau. Một trong số các chi nhánh đó bị phá sản. Liệu chủ nợ có quyền kiện đòi nợ đối với công ty mẹ hay không? Về nguyên tắc là không được, bởi vì công ty mẹ và công ty con trong trường hợp này là hai pháp nhân riêng rẽ. Theo án lệ, chủ nợ chỉ có thể đòi nợ công ty mẹ trong các trường hợp sau: 1/ không có sự tách biệt về tài sản với chi nhánh; 2/ chi nhánh chỉ là một công ty ma hoặc công ty mẹ đã can thiệp trực tiếp vào việc điều hành chi nhánh. Nói chung, để đảm bảo hiệu quả kinh tế và tránh

rủi ro, pháp luật đã định ra nguyên tắc theo đó, các chi nhánh hoạt động độc lập và tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều công ty mẹ vẫn trả nợ thay cho công ty con.

Nếu đem quy chiếu ví dụ trên đây vào mối quan hệ giữa Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, chúng ta có thể thấy rằng không thể truy cứu trực tiếp trách nhiệm của Nhà nước trừ trường hợp Nhà nước trực tiếp điều hành, quản lý doanh nghiệp đó. Nếu doanh nghiệp nhà nước là một thực thể độc lập về quản lý và tài sản thì cũng phải độc lập chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.

Liên quan đến ví dụ về việc bắt giữ tàu biển của Việt Nam mà ông vừa nêu thì theo quan điểm của tôi, với tư cách là thẩm phán, tôi cho rằng việc làm đó của công ty nước ngoài là không đúng.

Đại biểu

Tôi xin quay lại vấn đề quyền sở hữu.

Quyền sở hữu là một vật quyền gần như tuyệt đối của chủ sở hữu. Bên cạnh đó, còn có một loại quyền nữa là trái quyền. Bản chất của trái quyền có phải là quyền chiếm hữu hay không? Quyền về tài sản có phải là trái quyền hay không? Quyền của người thế chấp, cầm cố, bảo lãnh có phải là quyền tài sản không?

Ông Nguyễn Thế Giai

Liên quan đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp nhà nước và Nhà nước, tôi cho rằng ở đây, ta nên đề cập đến một vấn đề khác. Theo tôi hiểu thì khi nói đến vấn đề sở hữu, pháp luật Pháp phân biệt hai lĩnh vực: lĩnh vực công và lĩnh vực tư. Doanh nghiệp nhà nước nằm trong lĩnh vực tư. Như vậy, doanh nghiệp nhà nước cũng ngang bằng với doanh nghiệp tư nhân, không có gì ưu tiên hơn. Điểm này cần phải được xác định rõ trong pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, chúng ta không nên nhầm lẫn giữa quan hệ hành chính và quan hệ dân sự. Khi một doanh nghiệp nhà nước bị lỗ vốn, thì việc Nhà nước cung cấp tiền cho doanh nghiệp đó là nằm trong quan hệ hành chính.

Đã đến lúc chúng ta cần phân biệt rõ lĩnh vực công và lĩnh vực tư để đảm bảo các doanh nghiệp nhà nước có sự độc lập và thấy rõ trách nhiệm của mình. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước có thể là trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự. Như vậy, người quản lý, lãnh đạo nhà nước phải có trách nhiệm lớn hơn: người đó phải chịu hệ quả khi doanh nghiệp nhà nước mắc nợ hơn phần tài sản có, người đó có thể bị mất chức, bị đi tù vì làm sai, phải bồi thường thiệt hại vv...

Đại biểu

Hiện nay, những hành vi gây thất thoát, thiệt hại trong ngành xây dựng không biết phải được giải quyết theo luật hành chính hay luật dân sự. Tệ tham nhũng, hối lộ trong lĩnh vực đầu tư là một vấn đề mà ai cũng biết. Chúng ta cũng biết rằng đối với các dự án đầu tư, Nhà nước có hai quyền: quyền phê duyệt dự án đầu tư và quyền quyết định cho hay không cho đầu tư. Hiện nay, nếu công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định hay phê duyệt một dự án đầu tư mà gây thiệt hại về sau này thì chỉ phải chịu trách nhiệm hành chính. Theo tôi, người đó cần phải chịu cả trách

nhiệm dân sự bằng tài sản của cá nhân. Nếu khâu phê duyệt và quyết định do hai công chức nhà nước thực hiện thì cả hai người này phải chịu trách nhiệm, cả về mặt hành chính cũng như dân sự.

Ông Alain Lacabarats

Liên quan đến câu hỏi về quyền chiếm hữu, vật quyền và trái quyền, tôi có một vài ý kiến như sau:

Đối với một luật gia Pháp thì vật quyền là quyền đối với một vật. Quyền này gắn liền với việc sở hữu hoặc chiếm hữu một vật. Như vậy, quyền chiếm hữu là vật quyền. Quyền sử dụng cũng là vật quyền. Đối lập với vật quyền là quyền đối nhân. Quyền đối nhân liên quan đến mối quan hệ giữa hai người trong đó, một người có quyền và một người có nghĩa vụ.

Về lĩnh vực xây dựng, phải nói rằng lĩnh vực này liên quan đến nhiều ngành luật khác nhau: dân sự, hành chính và thậm chí cả hình sự (ví dụ như đối với hành vi tham nhũng). Nếu trong quá trình xây dựng, nhà xây dựng có sai phạm gây hậu quả chết người thì có thể bị truy cứu vì tội vô ý giết người. Liên quan đến trách nhiệm của công chức nhà nước, pháp luật Pháp quy định như sau: nếu công chức có hành vi sai phạm trong khi thực hiện chức năng, quyền hạn của mình thì có thể làm phát sinh nghĩa vụ dân sự, người bị hại có thể kiện đòi bồi thường nhưng tiền bồi thường là do Nhà nước trả bởi vì Nhà nước phải chịu trách nhiệm về hành vi của các nhân viên của mình. Sau đó, Nhà nước có thể yêu cầu công chức nhà nước vi phạm hoàn trả cho mình số tiền bồi thường đó.

Ông Pierre Bézard

Tôi hoàn toàn nhất trí với ông Lacabarats và tôi cũng đồng ý với ý kiến của vị đại biểu liên quan đến vấn đề trách nhiệm của công chức nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

Ý kiến của ông Nguyễn Thế Giai cũng hoàn toàn hợp lý: cần tạo cho các doanh nghiệp nhà nước thói quen độc lập. Đương nhiên là nếu Nhà nước can thiệp và lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước thì cũng phải chịu trách nhiệm như các loại chủ doanh nghiệp khác, nhưng không phải lúc nào và trong trường hợp nào, Nhà nước cũng đứng ra chịu trách nhiệm bởi như thế có nghĩa là người dân phải lao động, nộp thuế để Nhà nước đem trả nợ thay.

Chính vì vậy, chúng ta cần phải thận trọng.

Đại biểu

Tôi có một câu hỏi liên quan đến tài sản và quyền tài sản. Bộ luật dân sự Việt Nam định nghĩa tài sản là vật, tiền, giấy tờ có trị giá bằng tiền và quyền tài sản. Như vậy, quyền tài sản cũng là một loại tài sản. Điều này làm nảy sinh một vấn đề gây tranh cãi: Quyền tài sản nào được coi là tài sản? Quyền tài sản nào không được coi là tài sản? Nếu nói quyền tài sản là tài sản thì quyền sở hữu đối với tài sản được xác lập như thế nào? Có thể có quyền sở hữu đối với quyền tài sản được không? Vậy, trong pháp luật của Pháp có tồn tại khái niệm quyền tài sản với tư cách là một tài sản hay không?

Ông Alain Lacabarats

Trong pháp luật Pháp, phạm vi của vật quyền cũng không được xác định một cách rõ ràng, chắc chắn, bởi vì có một số quyền nằm trên ranh giới giữa vật quyền và quyền tài sản. Tôi lấy ví dụ như quyền thuê bất động sản. Người thuê và người cho thuê phải chăng chỉ ràng buộc với nhau bởi mối quan hệ người có quyền - người có nghĩa vụ? Người thuê phải chăng thực sự có vật quyền đối với bất động sản? Những vấn đề đó đều rất không rõ ràng. Điều mà chúng ta có thể nói, đó là người thuê bất động sản được hưởng quyền rộng hơn quyền sử dụng. Ví dụ, khi người thuê chết thì gia đình người đó có quyền tiếp tục sử dụng bất động sản. Quan hệ giữa người cho thuê và người thuê ở đây không còn đơn thuần là mối quan hệ giữa người có quyền và người có nghĩa vụ nữa mà phải khẳng định rằng người thuê đã có ít nhiều vật quyền đối với bất động sản.

Ngày nay, pháp luật Pháp thừa nhận rằng các tài sản vô hình (như cổ phiếu, quyền đòi nợ, quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp vv...) là thuộc phạm vi vật quyền, trong khi theo quan điểm truyền thống thì vật quyền chỉ áp dụng đối với các vật hữu hình.

BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU

Ông Alain Lacabarats

Trong pháp luật Pháp, việc xâm phạm quyền sở hữu đối với bất động sản có thể bị coi là một tội phạm hình sự. Nếu một người không có giấy tờ sở hữu hợp lệ mà cố tình chiếm hữu bất động sản thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Việc bảo vệ dân sự đối với quyền sở hữu (động sản hoặc bất động sản) trong pháp luật Pháp được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau. Biện pháp quan trọng nhất là biện pháp bắt buộc trả lại tài sản. Chủ sở hữu có thể yêu cầu toà án ra quyết định buộc người chiếm hữu bất hợp pháp tài sản trả lại tài sản đó và đền bù thiệt hại. Các biện pháp khác cũng tương tự như những biện pháp được quy định tại điều 263 và các điều tiếp theo của dự thảo Bộ luật dân sự Việt Nam. Ngoài ra, ở Pháp, còn có thủ tục khẩn cấp nhằm buộc người chiếm hữu bất hợp pháp tài sản phải hoàn trả ngay lập tức tài sản. Thủ tục này được sử dụng rất thường xuyên ở Pháp.

Liên quan đến việc bảo vệ người chiếm hữu. Bộ luật dân sự Việt Nam quy định chủ sở hữu có quyền kiện đòi tài sản đang bị người khác chiếm hữu. Đây là một quy định hợp lý vì theo quan điểm của tôi, cần phải đặt quyền sở hữu lên trên. Tài sản bị mất hoặc bị thất lạc cần phải được trao trả lại cho chủ sở hữu cho dù đang bị người tìm thấy chiếm hữu.

Tuy nhiên, tôi cũng xin lưu ý rằng tại điều 2280 Bộ luật dân sự Pháp có quy định nếu người đang giữ vật bị mất đã mua vật đó ở chợ, hội chợ vv... thì người chủ sở hữu đích thực chỉ có thể lấy lại vật với điều kiện phải trả cho người giữ vật số tiền đã bỏ ra để mua vật đó. Đương nhiên, chủ sở hữu ban đầu bị thiệt hại và do đó, án lệ Pháp quy định rằng người chủ sở hữu này có thể kiện đòi lại số tiền đó đối với người đã bán vật cho người chiếm hữu hiện thời.

Ông Đình Trung Tụng

Việc bảo vệ quyền sở hữu bằng các biện pháp dân sự là rất quan trọng, nhất là liên quan đến người thứ ba ngay tình. Tôi đề nghị các chuyên gia làm rõ thêm một vài điểm liên quan đến việc đòi lại tài sản.

Trường hợp thứ nhất: ông A cho ông B thuê hoặc mượn một động sản. Ông B đem tài sản đó bán cho ông C để lấy tiền và bị ông A phát hiện. Ông A có quyền đòi ông C trả lại tài sản cho mình hay không?

Trường hợp thứ hai: ông B là người đã đánh cắp tài sản của ông A để đem bán ra thị trường. Ông C mua được tài sản đó. Cũng như trong trường hợp thứ nhất, ông C là người ngay tình, vì không biết rằng tài sản mà mình mua không phải là của ông B. Ông A có quyền đòi ông C trả lại tài sản cho mình hay không?

Ông Alain Lacabarats

Theo quy định của pháp luật Pháp thì trong các trường hợp mà ông vừa nêu, ông A có quyền đòi ông C trả lại tài sản cho mình. Ông A có quyền lấy lại tài sản của mình từ bất cứ người nào. Chỉ khi nào ông C (hoặc ông D, ông E vv...) đã mua tài sản đó ngoài chợ hay hội chợ thì ông A phải trả tiền cho ông C để lấy lại tài sản và sau đó, ông A có quyền kiện đòi nợ đối với người đã bán tài sản cho ông C (hoặc ông D, E vv...).

Ông Đinh Trung Tụng

Như vậy có nghĩa rằng người thứ ba ngay tình là ông C hoàn toàn không được bảo vệ quyền lợi? Nếu vậy thì giao dịch trên thị trường có được ổn định hay không?

Ông Alain Lacabarats

Người chủ sở hữu đích thực chỉ phải trả tiền cho người mua ngay tình nếu như người này đã mua tài sản đó ở một nơi công cộng là chợ hay hội chợ.

Quy định như vậy có thể chưa phải là hoàn toàn đúng. Tôi nghĩ rằng có thể xây dựng một cơ chế khác cho phép người thứ ba ngay tình, hoặc giữ lại vật đã mua hoặc đòi đền bù trong mọi trường hợp. Quy định của pháp luật Pháp chỉ là một sự lựa chọn trong nhiều sự lựa chọn có thể.

Đại biểu

Tôi nhất trí với câu trả lời của các chuyên gia là trong trường hợp người thứ ba ngay tình mua một vật mà chủ sở hữu bị mất thì chủ sở hữu đích thực có quyền đòi lại tài sản.

Còn một trường hợp nữa có thể xảy ra: vật rời khỏi chủ sở hữu là theo ý chí của chủ sở hữu (tài sản cho thuê, cho mượn). Trong trường hợp này, pháp luật pháp bảo vệ trước tiên quyền của chủ sở hữu hay quyền của người thứ ba ngay tình? Người thứ ba ngay tình có quyền giữ lại tài sản hay không? (Tài sản do người thứ ba mua từ người thuê chẳng hạn).

Đại biểu

Điều 607 Bộ luật dân sự Việt Nam đã quy định về việc hoàn trả vật lại cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp (ví dụ như người thứ ba ngay tình). Như vậy, dù vật đó bị đánh cắp và bán cho một người thứ ba hay được chuyển giao bằng hợp đồng, như hợp đồng cho thuê, rồi được bán cho người thứ ba thì đều rời khỏi chủ sở hữu ngoài ý chí của chủ sở hữu. Nếu người thuê tài sản đem tài sản bán cho người thứ ba thì tức là đã định đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác. Do đó, giao dịch cuối cùng đó là giao dịch vô hiệu.

Nhân đây tôi cũng xin đặt ra vấn đề về sự ngay tình. Người chiếm hữu vật ngay tình là người chiếm hữu vật mà không biết rằng việc chiếm hữu đó là bất hợp pháp hoặc pháp luật không bắt buộc người đó phải biết. Trong thực tế lại có nhiều trường hợp người chiếm hữu vật biết rằng chiếm hữu như vậy là bất hợp pháp nhưng vì tham lợi nên cố tình chiếm hữu, tức là chiếm hữu không ngay tình. Nhưng khi ra trước tòa, người đó lại nói rằng anh ta chiếm hữu vật là do không biết rằng như vậy là bất hợp pháp, tức là anh ta khẳng định sự ngay tình của mình. Như vậy, tòa án sẽ giải quyết như thế nào nếu chúng ta quy định trong Bộ luật dân sự việc bảo vệ người thứ ba ngay tình? Trên cơ sở lập luận đó, tôi cho rằng dù ngay tình hay không ngay tình thì người chiếm hữu bất hợp pháp đều phải hoàn trả lại vật cho người sở hữu đích thực.

Đại biểu

Trong trường hợp sau đây thì cơ quan quản lý nhà nước có phải chịu trách nhiệm về thiệt hại của dân hay không:

Ông A được thừa kế của cha mẹ một ngôi nhà. Ông có đầy đủ giấy tờ thừa kế hợp pháp. Ông A đem giấy tờ đó đến Sở địa chính để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Cơ quan địa chính không thu hồi giấy tờ thừa kế, và cũng không có biện pháp gì để xác minh quyền của ông A mà vẫn cấp cho ông A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông A đem giấy chứng nhận đến ngân hàng để thế chấp nhà, đất để vay tiền. Cùng một lúc, ông ta lại đem giấy tờ thừa kế để bán nhà, đất cho ông B. Ông B đem giấy tờ này ra uỷ ban phường và được uỷ ban phường công nhận. Sau đó, ông A bỏ đi nơi khác, tài sản không còn để đền bù. Vậy là cả ngân hàng lẫn ông B đều phải chịu thiệt hại. Xét cho cùng, chính các cơ quan nhà nước đã là nguyên nhân gây ra thiệt hại.

Đối với trường hợp này, pháp luật Pháp có quy trách nhiệm dân sự với các cơ quan đó không?

Ông Đinh Trung Tụng

Điều 264 Bộ luật dân sự Việt Nam có quy định về quyền đòi lại tài sản như sau: "*Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó*", trừ trường hợp theo thời hiệu. Chúng ta có thể thấy quy định này chưa rõ, đặc biệt là liên quan đến vấn đề ngay tình hay không ngay tình. Người chiếm hữu bất hợp pháp kia có thể ngay tình và cũng có thể không ngay tình, hệ quả đối với hai trường hợp phải khác nhau. Theo chúng tôi, cần phải bảo vệ quyền lợi của người chiếm hữu ngay tình, làm ổn định các giao dịch dân sự. Cần phải có quy định cụ thể hơn.

Ông Alain Lacabarats

Về động sản thì theo quy định của pháp luật Pháp, chủ sở hữu có quyền đòi hoàn trả lại tài sản từ tay bất kỳ người chiếm hữu nào, nhưng chỉ trong hai trường hợp: tài sản bị đánh rơi hoặc tài sản bị đánh cắp. Trong hai trường hợp này, người chiếm hữu dù có ngay tình cũng phải hoàn trả lại tài sản. Người chiếm hữu ngay tình chỉ có thể được chủ sở hữu đích thực trả lại tiền nếu như đã mua tài sản đó ở chợ hay hội chợ.

Một vị đại biểu đã đặt ra trường hợp người thuê nhà đem bán nhà đó cho một người thứ ba thì chủ sở hữu không được quyền trực tiếp đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình. Trong trường hợp này, người thuê nhà bị truy cứu trách nhiệm hình sự và thường bị kết tội "lạm dụng lòng tin". Án lệ cho rằng tội lạm dụng lòng tin là một tội phạm khác với tội ăn cắp và do đó, chủ sở hữu không được đòi lại tài sản từ người mua ngay tình. Nói như vậy có nghĩa là nếu người mua không ngay tình thì chủ sở hữu đích thực vẫn hoàn toàn có quyền đòi lại tài sản. Vấn đề đặt ra là xác định sự ngay tình của người mua trên cơ sở một số tiêu chí: tài sản được bán công khai hay bán giấu giếm? Giá bán có thấp hơn giá thông thường nhiều không?

vv...

Vấn đề bảo vệ quyền của người thứ ba ngay tình mà chúng ta đang tranh luận là một vấn đề hết sức phức tạp trong thực tiễn xét xử ở Pháp cũng như ở Việt Nam. Tôi cho rằng vấn đề này sẽ không được giải quyết triệt để nếu chúng ta chỉ xử lý nó ở góc độ lập pháp, tức là trên lý thuyết. Chỉ khi nào chúng ta có được một cơ chế công bố công khai về bất động sản hiệu quả, một hệ thống quản lý hoạt động tốt (trong đó phải kể đến vai trò của công chứng viên), một cơ chế đăng ký và công bố giao dịch bảo đảm hoàn thiện thì vấn đề mới được giải quyết hữu hiệu trong thực tế.

Liên quan đến câu hỏi về trách nhiệm dân sự của các cơ quan quản lý nhà nước, tôi có thể trả lời ngay rằng theo quy định của pháp luật Pháp, nếu cơ quan quản lý nhà nước, công chức nhà nước hoặc những người được giao thực hiện một nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công mà có sai phạm nghiêm trọng gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm dân sự, tức là phải bồi thường thiệt hại. Ngày nay, các toà án Pháp có khuynh hướng giải thích cụm từ "*sai phạm nghiêm trọng*" theo hướng có lợi cho người khởi kiện, tức là thắt chặt hơn cơ chế bảo vệ quyền, nghiêm khắc hơn với các hành vi sai phạm của cơ quan nhà nước và công chức nhà nước.

Đại biểu

Tôi xin quay trở lại vấn đề bảo vệ người thứ ba ngay tình. Trước mắt, chúng ta có chủ sở hữu đích thực, có kẻ trộm và có người mua tài sản ăn trộm. Pháp luật nước nào cũng quy định việc bảo vệ người thứ ba ngay tình, đây là điều đương nhiên. Nhưng vấn đề đặt ra là phải bảo vệ quyền lợi của người thứ ba trước ai? Nếu pháp luật Pháp quy định người thứ ba ngay tình có thể hoàn trả lại tài sản cho chủ sở hữu và nhận tiền bồi thường từ chủ sở hữu đích thực thì có nghĩa là đã bảo vệ quyền của người thứ ba trước chủ sở hữu chứ không phải là trước kẻ trộm.

Trong khi đó, pháp luật Việt Nam quy định hơi khác: chủ sở hữu và người thứ ba ngay tình đều là những người được bảo vệ trước kẻ trộm. Chủ sở hữu thì có quyền đòi lại tài sản, còn người thứ ba ngay tình thì có thể đòi lại tiền từ kẻ trộm.

Ông Alain Lacabarats

Ý kiến vừa rồi là rất đúng. Như tôi đã nói, quy định của pháp luật Pháp chỉ là một sự lựa chọn trong nhiều sự lựa chọn. Tuy nhiên, sự lựa chọn đó là có cơ sở. Đành rằng về mặt lý thuyết, cả chủ sở hữu lẫn người thứ ba ngay tình đều phải được bảo vệ, nhưng trong thực tiễn, đôi khi lại nảy sinh vấn đề phải đảm bảo sự cân bằng giữa quyền của hai đối tượng này: chúng ta đứng trước hai đối tượng cùng được bảo vệ, vậy phải bảo vệ ai khi quyền lợi của họ đối lập với nhau?

Chúng ta không thể nói cả hai cùng có quyền, chúng ta phải đưa ra một giải pháp cụ thể. Do đó, ngay từ năm 1804, nhà lập pháp Pháp đã đưa ra một sự lựa chọn cụ thể: trong trường hợp người thứ ba ngay tình mua tài sản ở chợ hay hội chợ (tức là mua công khai), thì quyền lợi của người này được đặt lên trên. Trong các trường hợp khác, quyền của chủ sở hữu được đặt lên trên. Đó là một sự cân bằng. Đương nhiên là chúng ta hoàn toàn có thể thiết lập một cơ chế khác.

Ông Pierre Bézard

Một trong những nhân tố quan trọng trong mối quan hệ giữa chủ sở hữu đích thực và người mua ngay tình là người trung gian bán hàng (ví dụ, người bán đồ cũ). Pháp luật Pháp có những quy định rất chặt chẽ đối với nghề bán đồ cũ. Người bán đồ cũ phải lập sổ theo dõi trong đó ghi rõ đối với từng tài sản người nào đã bán cho mình và mình bán cho ai. Những cửa hàng bán đồ cũ, cửa hàng ngoài chợ trời thường được cảnh sát và hiến binh theo dõi, kiểm tra thường xuyên.

Đại biểu

Nhưng nếu quy định như pháp luật Pháp thì vô tình lại làm cho kẻ trộm kia được lợi, chủ sở hữu có được quyền đòi lại tiền đối với kẻ trộm hay không và dựa trên căn cứ nào? **Ông Pierre Bézard:**

Vấn đề mà anh đặt ra chẳng qua là vấn đề hiệu quả của hoạt động cảnh sát. Nếu cảnh sát tìm được kẻ trộm thì đương nhiên là chủ sở hữu được quyền đòi lại tiền hoặc tài sản đã mất.

NGHĨA VỤ DÂN SỰ VÀ HỢP ĐỒNG

Ông Đinh Trung Tụng

Phần nghĩa vụ dân sự và hợp đồng chiếm tới gần 400 điều trên tổng số 838 điều của Bộ luật dân sự. Đây là một phần hết sức quan trọng, đặc biệt là các quy định liên quan đến trách nhiệm dân sự. Nhiều ý kiến cho rằng Bộ luật dân sự hiện hành chưa phân biệt thật rõ trách nhiệm dân sự trong hợp đồng với trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng. Đây là một vấn đề mang ý nghĩa thực tiễn rất lớn cần giải quyết.

Chúng ta cũng sẽ trao đổi về những nội dung cần quy định trong phần chế định về hợp đồng. Phần chế định hợp đồng nên quy định những nguyên tắc chung nhất, cơ bản nhất về hợp đồng để điều chỉnh không chỉ những hợp đồng dân sự mà còn điều chỉnh cả các loại hợp đồng khác.

Vấn đề thứ ba là các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, đặc biệt là các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh. Đây cũng là một nội dung quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Ông Pierre Bézard

Hôm nay, chúng ta sẽ cùng trao đổi về phần nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, một phần có tầm quan trọng lớn trong Bộ luật dân sự, đồng thời cũng là một nội dung tương đối mới mẻ đối với Việt Nam. Phải nói rằng trong thực tiễn xét xử của các nước phương Tây, đặc biệt là ở Pháp, pháp luật về hợp đồng giữ một vị trí rất quan trọng. Hầu hết các vụ kiện mà thẩm phán phải giải quyết đều liên quan vấn đề nghĩa vụ dân sự mà trọng tâm của nó là hợp đồng. Chính thông qua

hợp đồng mà quan hệ giữa con người phát triển. Trong các quan hệ giữa con người, có lẽ ngoại trừ quan hệ hôn nhân gia đình, quan hệ thừa kế, thì vấn đề hợp đồng luôn được đặt ra.

Như ông Tung vừa đề cập, một trong những vấn đề đặt ra là sự phân biệt giữa nghĩa vụ dân sự phát sinh từ hợp đồng và nghĩa vụ dân sự phát sinh ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó là vấn đề bảo đảm thực hiện hợp đồng như cầm cố, thế chấp vv... Ngoài ra, chúng ta đều biết rằng các loại hợp đồng chuyên biệt ngày càng phát triển, đi đôi với sự chuyên biệt hoá trong hoạt động của con người. Đối với mỗi loại hợp đồng lại có những quy tắc riêng. Một số những hợp đồng đó được quy định trong Bộ luật dân sự, một số khác lại được quy định trong các bộ luật khác.

Nhìn chung, tôi thấy rằng trong dự thảo Bộ luật dân sự, Ban soạn thảo đã có chủ định tách ra làm nhiều phần: trước hết là các quy định chung, sau đó là các loại hợp đồng, trách nhiệm dân sự trong hợp đồng và các biện pháp bảo đảm, và sau cùng là trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng. Tôi cho rằng bố cục này tuy không giống với pháp luật Pháp nhưng hoàn toàn có cơ sở.

Trong phần quy định chung, các bạn đã đưa ra một định nghĩa về nghĩa vụ dân sự tại điều 285: "*Nghĩa vụ dân sự là việc mà theo quy định của pháp luật, thì một chủ thể (người có nghĩa vụ) phải làm hoặc không được làm một công việc vì lợi ích của một chủ thể khác (người có quyền)*". Trong ý tưởng của Ban soạn thảo, định nghĩa này chắc hẳn phải có phạm vi áp dụng chung, nhưng khi đọc quy định này, tôi thấy dường như nó chỉ tương ứng với loại nghĩa vụ hợp đồng, do đó, không tương ứng với ý định của Ban soạn thảo bởi vì ngay sau đó, tại điều 286, dự thảo đề cập đến cả trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng. Như vậy, định nghĩa nêu tại điều 285 có nội dung quá hẹp so với các loại nghĩa vụ mà nó phải bao quát. Tôi cho rằng trong một văn bản quan trọng như thế này, chúng ta cần phải sửa lại định nghĩa trên.

Cũng tại điều 285, ngay cả khi đó là nghĩa vụ hợp đồng thì quy định như vậy cũng quá hẹp, bởi vì hợp đồng không chỉ đặt ra nghĩa vụ *làm hoặc không làm một công việc* mà còn có nghĩa vụ *giao, cho một vật*.

Ông Alain Lacabarats

Pháp luật Pháp phân biệt rõ hai loại trách nhiệm trong và ngoài hợp đồng. Trách nhiệm trong hợp đồng tồn tại giữa các bên đã cam kết với nhau trong khuôn khổ một hợp đồng. Trách nhiệm trong hợp đồng phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ. Pháp luật Pháp không quy định thêm các căn cứ khác, không cần phải đặt vấn đề lỗi của người có nghĩa vụ mà chỉ cần xác định người đó không thực hiện nghĩa vụ là đủ để làm phát sinh trách nhiệm dân sự trong hợp đồng. Tính chất của nghĩa vụ có thể có sự khác nhau tùy từng trường hợp. Có thể có *nghĩa vụ cung cấp phương tiện* (ví dụ như nghĩa vụ của bác sỹ), nghĩa là phải sử dụng mọi phương tiện, biện pháp cần thiết để thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, bên khởi kiện phải chứng minh được rằng bên có nghĩa vụ đã không sử dụng tất cả các phương tiện cần thiết để thực hiện hợp đồng. Bên cạnh đó, còn có *nghĩa vụ đạt kết quả*: ví dụ, bên vận chuyển có nghĩa vụ đảm bảo an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển. Trong trường hợp này, nghĩa vụ chứng minh được đảo ngược lại: bên bị khởi kiện phải chứng minh rằng đã không thể thực hiện nghĩa vụ của mình.

Pháp luật Pháp cũng quy định một căn cứ chung để miễn trách nhiệm dân sự, đó là sự kiện bất khả kháng. Tôi cho rằng pháp luật Việt Nam cũng có chung quan niệm về sự kiện bất khả kháng

như pháp luật Pháp: đó là một sự kiện xảy ra ngoài ý muốn của bên có nghĩa vụ, không lường trước được và không thể giải quyết được.

Tôi có hai nhận xét liên quan đến các điều 308 và 309 dự thảo Bộ luật dân sự Việt Nam. Điều 308 quy định: *"Trong trường hợp người có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ dân sự do sự kiện bất khả kháng, thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Điều này có nghĩa rằng các bên có thể thỏa thuận với nhau về việc bên có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm ngay cả trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tôi cho rằng một quy định như vậy có thể dẫn tới những hệ quả xấu, đặc biệt là trong trường hợp các bên có sức mạnh kinh tế không cân bằng. Khi một bên là một doanh nghiệp lớn còn một bên là một người tiêu dùng bình thường, thì doanh nghiệp kia hoàn toàn có thể dùng sức mạnh kinh tế của mình để áp đặt cho người tiêu dùng nghĩa vụ thực hiện hợp đồng ngay cả trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng.

Khoản 3 điều 309 quy định: *"Việc chứng minh không có lỗi thuộc nghĩa vụ của người bị xem là vi phạm nghĩa vụ dân sự"*. Như tôi vừa trình bày thì pháp luật Pháp cũng có quy định tương tự, nhưng chỉ trong trường hợp nghĩa vụ về kết quả, còn trong đại đa số các trường hợp khác, tức là các trường hợp nghĩa vụ cung cấp phương tiện, thì việc chứng minh thuộc nghĩa vụ của bên khởi kiện.

Tôi còn một nhận xét nữa về chế định hợp đồng, liên quan đến việc đình chỉ thực hiện hợp đồng. Ban soạn thảo đã đưa vào Bộ luật một quy định rất hay về khả năng đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng (Điều 420). Pháp luật Pháp không có quy định này, nhưng án lệ Pháp thì công nhận khả năng đó. Tuy nhiên, theo tôi thì việc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng cần phải tuân thủ một trình tự nhất định. Trong một số trường hợp, trước khi đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng, bên đình chỉ phải gửi yêu cầu bên kia chấm dứt vi phạm trong một thời hạn nhất định. Chỉ khi nào việc vi phạm hợp đồng không chấm dứt khi đã hết thời hạn đó thì việc đơn phương đình chỉ hợp đồng mới có đầy đủ cơ sở. Ví dụ, một bên có nghĩa vụ giao hàng nhưng vì một lý do nào đó, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ này được. Trong trường hợp này, theo tôi sẽ là hoàn toàn bình thường khi pháp luật cho bên vi phạm hợp đồng một cơ hội để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình, bằng cách quy định rằng bên muốn đình chỉ hợp đồng phải gửi yêu cầu thực hiện hợp đồng cho bên có nghĩa vụ. Tuy nhiên, theo tôi hiểu thì điều 420 Bộ luật dân sự Việt Nam quy định khả năng đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không cần báo trước cho bên có nghĩa vụ.

Dự thảo Bộ luật dân sự có nhiều quy định trong đó có nhắc đi nhắc lại khái niệm *"hợp đồng vô hiệu"*. Tôi muốn biết ý nghĩa của cụm từ *"hợp đồng vô hiệu"*. Phải chăng hợp đồng có thể đương nhiên vô hiệu mà không cần có phán quyết của tòa án? Tôi cho rằng cần phải có một văn bản để chính thức hoá sự vô hiệu này. Trong Bộ luật dân sự, có sử dụng hai thuật ngữ: *"hợp đồng vô hiệu"* và *"chấm dứt hợp đồng"*. Theo tôi, cần phải cụ thể hoá hai khái niệm này.

Tôi cũng xin nêu vài nhận xét về vấn đề trách nhiệm ngoài hợp đồng. Trong dự thảo này, các bạn có phân biệt trường hợp hành vi cố ý và trường hợp hành vi không cố ý. Pháp luật Pháp có cùng quan niệm với pháp luật Việt Nam về hành vi không cố ý nhưng khác quan niệm về hành vi cố ý. Hành vi cố ý trong pháp luật Pháp là hành vi chủ ý gây thiệt hại. Tuy nhiên, sự khác biệt này không có ảnh hưởng gì lớn trong thực tiễn. Liên quan đến trách nhiệm bồi thường, điều 610 dự thảo Bộ luật dân sự Việt Nam quy định: *"Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên*

có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, về phương thức bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác". Theo ý kiến tôi thì sự thỏa thuận đó chỉ có thể được đưa ra sau khi thiệt hại đã xảy ra. Sẽ rất nguy hiểm nếu chúng ta cho phép các bên thỏa thuận trước với nhau về việc bồi thường thiệt hại, đặc biệt là trong trường hợp các bên có vị thế không ngang bằng nhau. Cũng tại điều 610, khoản 2 quy định: "*Người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường, nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình*". Tôi cho rằng quy định như vậy là thiếu công bằng đối với bên bị thiệt hại: ở đây, mức bồi thường bị giới hạn bởi vì bên kia không có khả năng thanh toán. Nền tảng cần thiết lập một cơ chế theo đó Nhà nước sẽ can thiệp để bồi thường trong trường hợp người gây thiệt hại không có khả năng thanh toán, hơn là giảm bớt mức bồi thường đối với người bị thiệt hại?

Điều 642 quy định về việc bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra: "*Cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án*". Đối với một luật gia Pháp thì quy định này rất dễ gây ngạc nhiên. Trước hết, cơ quan tiến hành tố tụng không phải là một chủ thể pháp luật: tòa án không có tư cách pháp nhân. Pháp luật chỉ có thể truy cứu trách nhiệm của các chủ thể pháp luật, do đó không thể truy cứu trách nhiệm của tòa án. Pháp luật có thể truy cứu trách nhiệm của cá nhân người tiến hành tố tụng là thẩm phán. Pháp luật Pháp quy định một cơ chế bồi thường khác, nhằm đảm bảo sự độc lập của thẩm phán bởi vì nếu quy định thẩm phán có trách nhiệm bồi thường thì điều đó có thể ảnh hưởng xấu đến quyền tự do quyết định của thẩm phán. Theo cơ chế này, người bị thiệt hại được quyền kiện đòi bồi thường, nhưng là kiện đòi Nhà nước. Nhà nước phải đứng ra bồi thường cho người bị thiệt hại và sau đó, có thể quay trở lại để đòi người tiến hành tố tụng hoàn trả khoản bồi thường. Nhưng theo kinh nghiệm của tôi thì Nhà nước Pháp chưa từng thực hiện việc kiện đòi bồi thường đối với thẩm phán.

Ông Đình Trung Tụng

Như vậy, liên quan đến phần nghĩa vụ và hợp đồng, ông Bézard đã có nhận xét liên quan đến các điều 285 và 286 Bộ luật dân sự. Định nghĩa về nghĩa vụ dân sự tại điều 285 được áp dụng cho cả nghĩa vụ trong và ngoài hợp đồng. Ông Bézard cho rằng định nghĩa này quá hẹp, vì thực chất chỉ phù hợp với nghĩa vụ trong hợp đồng. Hơn nữa, định nghĩa này còn không đầy đủ vì chưa đề cập đến nghĩa vụ giao một vật. Nhưng theo chúng tôi thì việc làm hay không làm một công việc đã bao hàm cả việc giao hay không giao một vật rồi, do đó không cần thiết phải nhắc lại.

Về mặt cơ cấu của phần nghĩa vụ và hợp đồng, ông Bézard cho rằng cơ cấu hiện nay là hợp lý. Phần về hợp đồng của Bộ luật dân sự Việt Nam có quy định một số loại hợp đồng, trong khi Bộ luật dân sự Pháp thì không quy định các loại hợp đồng bởi vì các loại hợp đồng khác nhau được quy định trong các đạo luật chuyên biệt.

Ông Lacabarats đã đề cập đến việc phân biệt giữa trách nhiệm dân sự trong hợp đồng và trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng. Dường như ông Lacabarats cho rằng các điều 308, 309 và 310 quy định về trách nhiệm dân sự trong hợp đồng, nhưng trong ý tưởng của chúng tôi thì đây là các quy định về trách nhiệm dân sự nói chung, cả trong và ngoài hợp đồng. Nếu đúng là ông hiểu như vậy thì cách thể hiện của các điều này có thể còn chưa rõ ràng chăng? Ông Lacabarats đã phân

tích khá kỹ hai loại nghĩa vụ là nghĩa vụ cung cấp phương tiện và nghĩa vụ kết quả và tùy vào mỗi loại thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn hoặc bị đơn. Trong khi đó, theo quy định tại điều 309 của Bộ luật dân sự Việt Nam thì nghĩa vụ chứng minh luôn thuộc về bị đơn. Đây là một vấn đề cần được trao đổi thêm. Nhân đây tôi cũng xin hỏi là trong hệ thống pháp luật Pháp, đối với trường hợp trách nhiệm ngoài hợp đồng thì ai có nghĩa vụ chứng minh? Nguyên đơn hay bị đơn? Trong pháp luật của Việt Nam, vấn đề này chưa có quy định thật sự rõ ràng và hợp lý.

Liên quan đến nhận xét của ông về vấn đề vô hiệu, tôi xin giải đáp như sau: trong Bộ luật dân sự Việt Nam, vấn đề vô hiệu được giải quyết ở phần chung. Điều 131 quy định 4 điều kiện để một giao dịch dân sự có hiệu lực: "1/ Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi, 2/ Mục đích và nội dung của giao dịch không được trái pháp luật, đạo đức xã hội, 3/ Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện và 4/ Hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật". Tiếp đó, điều 136 quy định: "Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại điều 131 của Bộ luật này, thì vô hiệu". Như vậy, về nguyên tắc, vô hiệu phải do tòa án quyết định. Tùy trường hợp mà có vô hiệu tuyệt đối hoặc vô hiệu tương đối. Vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội thì sẽ là vô hiệu tuyệt đối. Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo cũng là trường hợp vô hiệu tuyệt đối. Trong trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện, hoặc giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn, đe dọa, do người xác lập giao dịch không nhận thức được hành vi của mình thì đây là các trường hợp vô hiệu tương đối. Vô hiệu tương đối chỉ xảy ra khi người bị thiệt hại yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu, cụ thể là người bị hạn chế năng lực hành vi, người bị nhầm lẫn, người bị đe dọa... Các trường hợp còn lại là vô hiệu tuyệt đối.

Ông Pierre Bézard

Qua ý kiến của ông Tùng, tôi xin được quay trở lại một số điểm.

Trước hết là nghĩa vụ làm hay không làm một công việc, giao hoặc không giao một vật. Ông cho rằng "làm một công việc" bao hàm cả "giao một vật". Theo cách hiểu của chúng tôi thì khác, tuy nhiên đó có thể chỉ là vấn đề từ ngữ.

Vấn đề đáng quan tâm hơn là các quy định trong phần quy định chung. Nếu xem xét kỹ, có thể thấy rằng tất cả các quy định ở đây đều liên quan đến trách nhiệm trong hợp đồng chứ không hề đề cập đến trách nhiệm ngoài hợp đồng. Tôi sợ rằng điều này sẽ dẫn đến một tình trạng không rõ ràng. Như tôi đã nói, định nghĩa tại điều 285 chỉ liên quan đến trách nhiệm trong hợp đồng chứ không hề liên quan đến trách nhiệm ngoài hợp đồng. Như vậy, có thể nói rằng chúng ta còn thiếu một định nghĩa rõ ràng và đầy đủ. Điều 286 tiếp theo đưa ra các căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự, nhưng cũng chỉ có một căn cứ là liên quan đến nghĩa vụ dân sự ngoài hợp đồng.

Trước những bất cập này, theo tôi có hai giải pháp: hoặc là chúng ta mở rộng phạm vi định nghĩa để đưa vào trong đó nội dung nghĩa vụ dân sự ngoài hợp đồng, hoặc chúng ta chỉ sử dụng các quy định chung ở đây cho phần nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng mà thôi. Nếu không làm như vậy thì chắc chắn sẽ gây ra tình trạng nhầm lẫn, khó hiểu.

Liên quan đến điều 309, tôi thấy cần cụ thể hơn nữa bởi dù sao đây cũng là một quy định quan trọng, quan trọng vì nó động chạm đến mọi vụ việc. Tôi đồng ý với quan điểm của ông Lacabarats

là phải phân biệt giữa nghĩa vụ cung cấp phương tiện và nghĩa vụ kết quả. Nếu không có sự phân biệt như vậy thì cần phải quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên khởi kiện, chứ không nên quy định rằng nghĩa vụ đó thuộc về **người bị xem là vi phạm**, bởi vì ai sẽ xem người đó có vi phạm hay không? Trong một vụ tranh chấp, bên nào cũng tự xem mình là có lý cả.

Ngoài ra, tôi cũng đồng ý với nhận xét của ông Lacabarats liên quan đến những quy định về đình chỉ thực hiện hợp đồng. Hợp đồng chỉ có thể bị một bên đơn phương đình chỉ thực hiện sau khi đã có yêu cầu hối thúc bên kia thực hiện nghĩa vụ mà không đạt kết quả.

Đây là một nguyên tắc tuyệt đối.

Ông Alain Lacabarats

Trong hệ thống pháp luật Pháp, cũng phân biệt hai trường hợp vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối. Yêu cầu tuyên bố vô hiệu tương đối chỉ có thể do bên liên quan đưa ra (ví dụ: bên tham gia giao dịch do bị lừa dối). Yêu cầu tuyên bố vô hiệu tuyệt đối là khi có sự vi phạm trật tự công cộng và có thể do bất kỳ người nào có liên quan đưa ra.

Ông Vụ trưởng có đặt câu hỏi là trong trường hợp trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng thì ai có nghĩa vụ chứng minh. Theo quy định của pháp luật Pháp thì có thể có hai khả năng. Thông thường, người bị hại có trách nhiệm chứng minh lỗi của người đã gây thiệt hại cho mình. Cũng có trường hợp người bị hại không cần phải chứng minh lỗi của người đã gây thiệt hại. Ví dụ: tôi đánh rơi một vật mà tôi đang giữ từ tầng 5 xuống đầu một người đang ở dưới tầng 1, làm người này bị chết thì tôi phải chịu trách nhiệm về thiệt hại mà vật kia đã gây ra, vì tôi đang giữ vật đó. Chỉ cần khẳng định rằng vật đó do tôi giữ là có thể truy cứu trách nhiệm của tôi mà không cần chứng minh lỗi của tôi. Đây là trường hợp thiệt hại do vật thuộc quyền chiếm hữu của một người gây ra. Người trông giữ vật có thể được miễn trách nhiệm nếu chứng minh được rằng thiệt hại gây ra là do một nguyên nhân từ bên ngoài.

Có một cơ chế trách nhiệm khác tương tự như thế, đó là trách nhiệm của tổ chức đối với thiệt hại do các thành viên của mình gây ra. Cụ thể là Toà án tối cao Pháp đã ra một quyết định liên quan đến các câu lạc bộ thể thao, theo đó khi một cầu thủ A gây thiệt hại cho cầu thủ của đội khác trong một trận thi đấu thì câu lạc bộ của cầu thủ A phải chịu trách nhiệm bồi thường, với điều kiện là thiệt hại xảy ra phải là do có hành động không trung thực của cầu thủ đó, vì nếu thiệt hại xảy ra mà không vi phạm luật chơi thì không làm phát sinh trách nhiệm.

Đại biểu

Liên quan đến nghĩa vụ chứng minh, tôi cho rằng ai cũng phải chứng minh, nhưng mỗi người chứng minh một thứ. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại được cấu thành bởi hành vi, thiệt hại, mối quan hệ giữa hành vi và thiệt hại, và yếu tố lỗi. Nguyên đơn phải chứng minh rằng đã có thiệt hại xảy ra đối với mình, người gây thiệt hại có hành vi và quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại đó. Về yếu tố lỗi: lỗi trong dân sự là lỗi suy đoán. Một người vi phạm nghĩa vụ, một người có hành vi xâm phạm đến tính mạng, tài sản thì ngay lập tức bị suy đoán là có lỗi cho đến khi nào chứng minh được rằng họ không có lỗi. Do đó, nghĩa vụ chứng minh không có lỗi thuộc về bên bị đơn.

Ông Lê Kim Quế

Tôi xin nêu hai vấn đề. Thứ nhất, trong thực tế, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quyết định của tòa án rất ít khi được thi hành, nhất là trong các vụ án hình sự, vụ án xâm phạm tài sản của Nhà nước. Từ đó đặt ra câu hỏi: tòa án có nên chỉ tuyên phạt mức bồi thường phù hợp với khả năng thi hành của bị đơn hay không? Nếu làm như vậy thì vướng về nguyên tắc, cũng vướng về thực tiễn (tòa án dựa vào đâu để tuyên phạt mức bồi thường?). Đây là một vấn đề rất khó. Ông Lacabarats có nêu giải pháp là Nhà nước can thiệp để bồi thường. Ở Việt Nam, giải pháp này chưa từng được áp dụng. Nếu để Nhà nước tham gia bồi thường thì lại đặt ra vấn đề về cơ sở pháp lý của sự tham gia đó.

Vấn đề thứ hai liên quan đến trách nhiệm của thẩm phán đối với các bản án gây thiệt hại. Cách giải quyết của Việt Nam đối với vấn đề này có khác so với cách giải quyết trong pháp luật Pháp. Ở Việt Nam, Nhà nước và dư luận xã hội buộc thẩm phán phải có trách nhiệm đối với bản án do mình đưa ra. Nếu bản án sai thì thẩm phán có thể bị kỷ luật, thậm chí phải bồi thường. Như ông Lacabarats trình bày thì có lẽ pháp luật Pháp rất coi trọng sự độc lập xét xử của thẩm phán nên mới cho rằng nếu đặt ra trách nhiệm bồi thường của thẩm phán thì sẽ làm ảnh hưởng đến sự độc lập đó. Nhưng chúng tôi cho rằng, sự độc lập của thẩm phán là để thẩm phán làm đúng nhiệm vụ chứ không phải để dung túng cho thẩm phán làm những điều sai trái. Như vậy, giữa chúng ta còn có quan niệm khác nhau về vấn đề này. Song cũng cần nói rằng thực tế vấn đề này ở Việt Nam hiện đang rất khó giải quyết.

Đại biểu

Hiện nay trong công tác quản lý, khi có vướng mắc liên quan đến quyền, nghĩa vụ hợp đồng, chúng tôi thường quy chiếu ngay đến Bộ luật dân sự. Nhưng khi xem Bộ luật dân sự thì chúng tôi thường gặp một số vấn đề như sau:

- Trong hợp đồng, kể cả hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế, chúng tôi hay gặp những cụm từ gắn liền quyền với nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm. Như vậy, có quá nhiều phạm trù được đưa ra cùng một lúc, gây khó hiểu, khó thống nhất. Tôi cho rằng khi dùng hai vế thì chỉ nên dùng một bên là quyền, còn bên kia là nghĩa vụ.
- Khi gặp khó khăn trong việc uỷ quyền hay uỷ quyền lại, chúng tôi quy chiếu đến Bộ luật dân sự. Nhưng Bộ luật lại chỉ quy định về uỷ quyền trong lĩnh vực dân sự. Trong thực tế, chúng tôi gặp nhiều tình huống uỷ quyền khác: Thủ tướng uỷ quyền cho Bộ trưởng, Bộ trưởng uỷ quyền cho Thứ trưởng, Tổng giám đốc uỷ quyền cho giám đốc vv... Chúng tôi mong muốn vấn đề uỷ quyền trong Bộ luật dân sự được mở rộng và làm rõ hơn trong lần sửa đổi này.

Ông Đinh Trung Tụng

Xin cảm ơn các ý kiến đóng góp và bình luận của các chuyên gia và các vị đại biểu về dự thảo sửa đổi Bộ luật dân sự của Việt Nam. Các chuyên gia Pháp và các chuyên gia Việt Nam đã trao đổi, thảo luận về những vấn đề trực tiếp liên quan và những vướng mắc hiện đang được đặt ra trong thực tiễn áp dụng Bộ luật dân sự để từ đó, xem xét sửa đổi, bổ sung vào dự thảo mới.

Việt Nam ghi nhận các ý kiến đóng góp quý báu của các chuyên gia và sẽ nghiên cứu, tham khảo các ý kiến đó để sửa đổi Bộ luật dân sự hiện hành cho phù hợp với các yêu cầu thực tiễn của Việt Nam.

Một lần nữa, xin cảm ơn các chuyên gia Pháp, cảm ơn Nhà Pháp luật đã đồng tổ chức hội thảo và các quý vị đại biểu đã tham dự hội thảo.

Ban soạn thảo mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác, giúp đỡ của các chuyên gia Pháp trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi của Việt Nam.



SOURCE: Nhà Pháp luật Việt - Pháp